

LUẬT TỬ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

QUYỂN NHẤT

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu,
thầy Sa môn Thích Hoằng Tấn,
hiệu Tại Tham (dịch).

Giải thích : Bộ Giới bốn này; Đại khoa chia làm hai :

a/ THÍCH ĐỀ MỤC

b/ THÍCH BỐN VĂN

A. THÍCH ĐỀ MỤC TỬ PHẦN GIỚI BỐN

Thích rằng : TỬ PHẦN GIỚI BỐN LÀ GÌ?

Từ trong tạng bản rút ra, nên đặt tên đó vậy.

Bản này rút trong bộ Luật Đàm Vô Đức. Luật chia làm 4 phần :

Phần đầu, nói kỹ luật của thầy Tỳ Kheo.

Phần hai, nói kỹ luật của Tỳ Kheo Ni, và quy điều thọ giới, thuyết giới.

Phần ba, bàn rõ những điều kiện an cư và tự tứ.

Phần bốn, nghị định cách thức làm những phòng xá.

Nay bộ giới bốn này, tức phần đầu chính là 250 giới kinh của thầy Tỳ Kheo vậy.

Vả chẳng, tạng Luật chế ra, trước từ Lộc Uyển, sau đến Hạc Thọ; lời vàng vắn tiếng, ngài Ưu Ba Ly thuật lại đọc lời Như Lai, kể 80 quán, nên bộ luật này để hiệu là : BÁT THẬP TỤNG LUẬT.

Trước nhất thời Tổ Ca Diếp đánh thọ; kế đó ngài A Nan vâng giữ; thứ ba là ngài Mạt Điền Địa; thứ tư ngài Xá Na Ba Đề; thứ năm là ngài Ưu Ba Huật Đa.

Như vậy năm ngài, thay nhau truyền giữ trên 110 năm truyền thọ in nhau.

Sau có vua A Dục ra đời, trọng kính ngôi Tam Bảo hội hết chư Tăng để kết tập Tam tạng lần thứ nhì.

Bấy giờ các Tỷ Kheo, chấp theo chỗ kiến văn, sao chép Kinh, Luật, mỗi vị dẫn cái lời của thầy mình nói, để làm chương mục, bởi mỗi người chấp một bên, nên thành ra hai bộ, rồi lẫn nhau nói chỗ phải chỗ quấy. Cầu vua phán định, vua bảo làm hai thứ phiếu, một thứ trắng, một thứ đen để tiêu biểu phái tân và phái cựu. Bấy giờ đại chúng bắt phiếu phái tân số nhiều hơn, do lấy số nhiều đặt tên của bộ luật hiệu là : Ma Ha Tăng Kỳ Luật.

Còn những người bắt phiếu phái cựu tuy ít, nhưng mà toàn là những bậc Thượng Tọa, do theo bậc Thượng Tọa, mà đặt tên gọi là Thượng Tọa bộ.

Do hai bộ luật này, ở trong thời gian 200 năm, lại sinh ra 18 bộ.

Trong 18 bộ ấy, có năm bộ làm cương lĩnh
(giếng mối)

1. Bộ Đàm Vô Đức : (Trung Hoa dịch : Pháp mật, là tên người vậy; còn luật : tên là luật Tử phần).

2. Bộ Tát Bà Đa : (Trung Hoa dịch : Thuyết nhất thiết hữu, tức là bộ Căn Bản và bộ Thập Tụng luật).

3. Ca Diếp Duy : (Trung Hoa dịch : Trùng Không Quán. Luật này tên là : Giải thoát; chỉ có một cuốn Giới bổn này đến Trung Hoa)

4. Di Sa Tắc : (Trung Hoa dịch : Bất Trước Hữu Vô Quán. Luật này tên là : Ngũ Phần).

5. Bà Ta Phú La : (Trung Hoa dịch : Độc Tử. Luật này chưa đến Trung Hoa).

Năm bộ luật này chế ra vẫn có rộng hẹp, sự có nhiều, ít. Chỉ như giới Kinh, Trọng, Khai, Giá, tuy đại khái thì đồng nhau, nhưng có khác một chút. Song cũng đồng một đức Phật nói ra, chỉ vì người nghe không rộng và truyền tụng có thiếu; mỗi người căn cứ một bên, thành ra có khác nhiều.

Trước kia đức Như Lai đã có lời dự ký rằng: “Sau khi ta diệt độ, Kinh, Luật của ta hay chia làm năm bộ, cho đến 18 bộ, danh từ tuy khác, nhưng cũng không ngại vì Pháp giới và cảnh đại Niết bàn của chư Phật, y theo đó mà tu hành, đều được giải thoát”.

Phật bảo ngài Văn Thù rằng : “Các đệ tử Ta đời vị lai có 20 bộ, có thể khiến cho chính pháp được lâu còn”. Trong 20 bộ này tu hành đều chứng được Tứ quả; ba tạng bình đẳng, không có tạng nào là Thượng, Trung và Hạ, thí như nước biển chỉ có

một vị, như người có 20 đứa con, đây là lời chân thật của đức Như Lai.

Hai bộ căn bản này, đều từ Đại thừa mà ra, từ Bát Nhã Ba La Mật mà ra; bậc Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến chư Phật cũng đều từ Bát Nhã Ba La Mật mà ra.

Đức Phật lại nói bài kệ rằng : “Hai bản và 18 bộ đều là Đại thừa ra; không phải cũng không quấy. Ta nói đến đời vị lai có”.

Nói về hai bộ căn bản là gì ?

Tức là bộ Tăng Kỳ và bộ Thượng Tọa.

Bộ Tăng Kỳ, chia ra 7 bộ, bộ Thượng Tọa chia ra 11 bộ, và hai bộ căn bản, cộng lại thành 20 bộ.

Nay truyền đến cõi Chấn Đán, chỉ còn có bốn bộ; bộ Tăng Kỳ, bộ Pháp Mật, bộ Tát Bà Đa và bộ Di Sa Tắc.

Còn bộ Giới Nhân Duyên Ưu Ba Ly Vấn Kinh, là chi nhánh của Tạng Luật. Ngoài ra như bộ Thiện Kiến, Tỳ Ni Mẫu, Ma Đắc Lạc Già, Tát Bà Đa, Tỳ Ni, Tỳ Bà Sa và Minh Liễu Luận v.v... đều là lược giải danh nghĩa của Tạng Luật.

Các bộ loại như trên, đức Phật ngài đã ấn ký rồi, ta không nhọc sinh tâm nghi ngờ.

Đã biết rằng không phải cũng không quấy, lại còn luận bàn chi cho phiền phức.

Ví như : thuyền, tàu, bè, ghe và phao nổi, tuy danh từ có khác nhưng cũng đồng đến bờ kia một cách !

Thế cho nên các nước ngũ Thiên Trúc, tùy giữ tu một pháp nào cũng đều chứng đạo quả.

Xưa nay, cõi Chấn Đán, bốn bộ khắp truyền, đều chứng lên quả Thánh.

Nếu chẳng phải đức Như Lai khéo ứng các cơ, thì do đâu mà được sự lợi ích này ?

Cho nên phải giữ gìn phao nổi, không đâu là không được đến bờ kia vậy.

B. THÍCH BỐN VĂN

(Chia làm ba)

- a/ Lời tựa phương tiện trước
- b/ Chung bày giới tướng
- c/ Kết khuyên hồi hướng

a/ Lời tựa phương tiện trước

(Chia làm bốn)

- 1.- Tỏ ý khen ngợi bài tụng
- 2.- Dùng làm phương tiện trước
- 3.- Giữ bạch phép Yết Ma
- 4.- Tụng lời tựa giới kinh.

1. TỎ Ý KHEN NGỢI BÀI TỤNG

(Cộng có 12 bài tụng, chia làm chín mà giải)

CHÍNH VĂN : *Cúi đầu lễ chư Phật. Và pháp Tỳ Kheo Tăng. Nay nói pháp Tỳ Ni. Khiến chính pháp lâu còn.*

CHÚ GIẢI : Nửa bài tụng trước, là quy kính ngôi Tam Bảo. Nửa bài tụng sau, dạy phải tụng giới. Thi chính pháp mới được lâu còn.

Phàm làm các việc pháp sự, thời trước phải kính ngôi Tam Bảo mong cầu gia bị, khiến cho nội chướng lần tiêu, ngoại ma không khuấy, thời pháp sự mới được thành xong vậy.

Cúi đầu là gì ? Là một lay đầu tiên, trong chín phép lay của sách Châu-Lễ.

Nghĩa là : Cúi đầu chấm đất, giây lâu mới dậy.

Lay là gì ? Là noi theo vậy.

Nghĩa là : Tới lui có pháp độ, tôn ti có trật tự, song mỗi phong tục không đồng, nên pháp lay không nhất định.

Như nước Tây Thiên Trúc dùng năm vóc gieo sát đất làm tội kính, còn ở phương đây thì cúi đầu gọi là hết lòng cung kính. Nay tùy theo quốc độ, lấy sự chí thành làm cung kính.

Các là gì ? Là nói chung mười phương ba đời đức Phật.

Phật là gì ? Nói cho đủ, Phật Đà là hiệu của ngôi Đại giác, là người cùng lý tội tính.

Giác là gì ? Nói cho đủ có ba nghĩa :

1.- Là Tự giác : Ngộ tính chân thường, biết rõ vọng hoặc luống dối.

2.- Là Giác tha : Vận lòng từ vô duyên độ cõi hữu tình.

3.- *Giác hạnh viên mãn* : Cùng nguồn tốt đáy, hạnh mãn quả tròn.

Pháp là gì ? Nghĩa là : Đức Như Lai tùy cơ diễn nói, pháp màu trong sạch, quyết định khiến cho loài hữu tình, được khỏi phiền não, mau đến Niết bàn ở trong Thánh giáo chứng được Tam minh : (*Túc mạng minh, Thiên nhân minh, Lậu tận minh*), trí huệ viên mãn.

Nếu giải theo chữ pháp.

Nghĩa là : **Quý** tri, là giữ gìn tự tính của nó có khuôn mẫu, để cho người trông thấy liền sinh tâm nhận biết, đó là cái vật gì.

Tri là thể của pháp; **Quý** là dụng của pháp, giữ gìn không bỏ khuôn mẫu của nó.

Dụ như : Nước thì khi nào cũng chảy xuống, lửa thì lúc nào cũng bốc lên, mỗi pháp đều có tính quyết định (*đặc biệt của nó*) ấy là thể của Pháp.

Chữ **QUỶ**.

Nghĩa là : Pháp tắc, là có khuôn mẫu, để cho người sinh tâm hiểu biết.

Tỷ như : Lửa thì có tính cách nấu chín đồ ăn, còn nước thì làm cho ghe nổi.

Đều lấy phép tắc của nó, ấy là dụng của Pháp vậy.

Tỳ Kheo Tăng là gì ? Tỳ Kheo dịch là Khất sĩ.

Khất : là tên xin cầu.

Sĩ : là tiếng gọi thanh nhā.

Nghĩa là : Bên trong tu đức thanh nhã, bên ngoài lia cơm tử tà, làm phước lợi cho chúng sinh, để cầu giúp mình được thành đức thanh nhã.

Cũng gọi là trừ đói khát.

Nghĩa là : Chúng sinh không có pháp nuôi mình, phần nhiều bị đói thiếu; còn người xuất gia giữ giới hạnh, là ruộng phước lành, hay sinh ra vật lành.

Cho nên người đời quy y tín ngưỡng cũng dường gieo trồng phước đức.

Cũng như đám ruộng có bỏ phân, hay sinh lúa tốt, để trừ cái nạn đói thiếu kia vậy.

Bản tân dịch là Bí Su, đặc biệt có năm nghĩa, như thường dễ biết.

Tăng là gì ? Nói đủ Tăng Già; dịch là hòa hiệp chúng, từ bốn vị Tỳ Kheo sắp lên mới được xưng là Tăng. Nói chung là hàng hữu học, và chúng vô học, mà trì giới được thanh tịnh gọi là Tăng vậy.

Nay diễn nói là gì ? Chính là cái thời thuyết giới vậy.

Tỳ Ni dịch là diệt.

Nghĩa là : Diệt hết cái nghiệp tham, sân và si vậy.

Cũng dịch là chiết phục.

Nghĩa là : Bẻ dẹp những cái tâm phiền não vậy.

Lại nói chữ Luật là pháp luật của đức Phật ngài thuyết để xử đoán khinh, trọng, khai, giá, trì, phạm, khiến dứt các việc ác và sinh các việc lành vậy.

Khiến chính pháp được lâu còn gọi là gì ?

Chính pháp :

Nghĩa là : Pháp vô lậu xuất thế của đức Phật vậy.

Do giữ phép Yết Ma thuyết giới, thời chính pháp vẫn còn mãi giữa thế gian.

Cho nên nói : Tạng Tỳ Ni là cái mạng sống của Phật pháp. Tạng Tỳ Ni còn, thời pháp của đức Phật cũng còn.

Do vì các pháp lành, nào là : Thiên định; nào là : Trí huệ đều nhờ trì giới mà sinh ra vậy.

CHÍNH VĂN : *Giới : Như biển không bờ, như ngọc báu cầu không chán, muốn giữ của Pháp Phật, chẳng nhóm nghe tôi nói.*

CHÚ GIẢI : Nửa bài tụng trên, nói đức tốt của giới; nửa bài tụng dưới khuyên nghe được lợi ích.

Giới như biển không bờ là gì ?

GIỚI : Nghĩa là : Hai trăm năm chục giới Ba La Đề Mộc Xoa và các oai nghi.

Ở trong mỗi giới, giới nào cũng gồm có mười món công đức nhiếp thủ ư tăng v.v... trong mỗi món công đức, lại sinh ra mười món chính pháp, như năm căn : tin, tấn, niệm, định, huệ và ba thiện căn:

không tham, sân và si, cùng thân và khẩu đều giữ (*thiện*). Do đây thành các biển phước không còn ngăn mé nên gọi là không bờ.

Như ngọc báu cầu không chán là sao ?

BÁU : Nghĩa là : Ngọc châu Như ý, trong sáng ngời trong biển, tùy lòng thích của chúng sinh, ban cho đủ cả món vui thú, nên người đời cầu mãi không chán.

Trong biển Phật pháp cũng thế; Giới Thi La sáng sạch hay sinh ra những món tốt đẹp. Nào : Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chính đạo v.v... Tùy theo tâm niệm được hết.

Quý như ngọc châu kia người cầu không chán.

Của Pháp Phật là chi ? Tức là : Ngũ căn, Ngũ lực như trên, các món tốt đẹp như : Tín, Giới, Văn, Xả, Huệ, Tàm và Quý. Các pháp đấy, nếu không giữ giới thì không thể được.

Cho nên giới có công năng, ngăn quấy dứt ác, cũng như một đội hùng binh đủ tài đẹp cả bọn giặc, không cho xâm lấn.

Song muốn giữ của này, thì chúng Tăng phải hòa hợp chung nhóm lại một chỗ để nghe tôi nói; rồi y theo lời nói ấy mà thi hành vậy.

Chúng là ai ? Là những người thọ Cụ Túc giới đúng như pháp.

Nhóm là gì ? Là nhóm họp một chỗ không ai được vắng mặt.

Nghe là sao ? Là lỗ tai lóng nghe văn nghĩa bị thuyết của giới, do tai nghe, tâm nhận lãnh rõ ràng quyết định vậy.

Tôi nói là gì ? Là lời nghĩa không sai, đúng như luật mà nói vậy.

CHÍNH VĂN : Muốn trừ pháp Tứ Khí và diệt Tội Tăng Tàng, ngăn 30 Xả đọa, chúng nhóm nghe tôi nói.

CHÚ GIẢI : Bài tụng này nói nghe giới tránh khỏi lỗi.

Tứ Khí là gì ? Nghĩa là : Dâm, Đạo, Sát và Vọng, bốn pháp Ba La Di, tùy phạm một trong bốn, liền mất hết cả công đức đạo quả; và quyết định bỏ ra ngoài chúng thanh tịnh, không cho ở chung với các bậc Tỳ Kheo. Cũng như biển cả không nạp tử thi, tùy lượn sóng đưa bỏ lên bờ.

Trong biển giới pháp Phật cũng vậy, không bao giờ chứa người phá giới. Cho nên bỏ hẳn ngoài chúng thanh tịnh không hỏi cũng không trị vậy.

Tăng tàng là gì ? Kể chung có 13 việc, nếu phạm việc này còn có chút đỉnh lý thừa trị được. Nhưng cần phải đủ 20 ông Tăng, làm phép Sám hối đúng như pháp, thì tội mới có thể hết được, không phải như bốn tội Tứ khí trước, gọi là vô phương cứu trị vậy.

Xả đọa có bao nhiêu ? Cộng có 30 việc, do dung chứa của cải mà sinh ra lỗi.

Phạm cái lỗi này, phải đến trong chúng, trước xả của ấy, sau rồi mới sám hối cái tội đọa. Nhưng tội mà gọi là Đọa đây ?

Nghĩa là : cái tội này, nếu không sám trừ thì phải đọa ở trong ba đường chịu cái khổ nấu đốt.

Muốn được trừ hết tội Tứ khí, diệt tội Tăng tàng và ngăn luôn 30 tội Xả đọa, các ngài hãy chung nhóm lại nhất tâm nghe tôi nói.

CHÍNH VĂN : *Phật Tỳ Ba Thi, Phật Thức Khí, Phật Tỳ Xá, Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Phật Ca Diếp, Phật Thích Ca Văn. Các Thế Tôn Đại đức vì tôi nói việc này, tôi nay muốn thuật lại các ngài đều chung nghe.*

CHÚ GIẢI : Một bài tụng trước nói chung 7 đức Phật. Một bài tụng sau thuật lại lời Phật, nói và bảo trong chúng phải chung nghe.

Phật Tỳ Bà Thi, hay Phật Di Vệ, dịch là : **Thắng Quán**.

Phật Thức Khí, hay là Phật Thi Khí, dịch là : **Hỏa**.

Phật Tỳ Xá, nói cho đủ là : Phật Tỳ Xá Phù, dịch là : **Biến Nhất Thiết Tự Tại** (*ba đức Như Lai đây ra đời ở về kiếp chót của kiếp trang nghiêm đời quá khứ*).

Phật Câu Lưu Tôn, dịch là : **Sở Ứng Đoạn**, hay là **Tắc Dụng Trang Nghiêm** (*đức Phật ra đời đầu tiên, trong 1.000 đức Phật, lúc con người sống sáu vạn tuổi, trong tiểu kiếp thứ chín, thuộc hiện kiếp hiện tại*).

Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, dịch là : **Kim Tịch**, cũng dịch là : **Kim Tiên** (*đức Phật này ra đời lúc con người sống lâu bốn vạn tuổi*).

Phật Ca Diếp, nói cho đủ là Ca Diếp Ba, dịch là Âm Quang (đức Phật này ra đời lúc con người sống lâu hai vạn tuổi).

Phật Thích Ca Văn, dịch là : Năng Nhu, cũng dịch Năng Nhân Tịch Mặc, hay là : Thích Ca Mâu Ni. Bốn đức Như Lai này ra đời nhằm lúc con người sống lâu một trăm tuổi, (ở đầu của hiện kiếp hiện tại này). Kế đó các Phật thứ lớp xuất hiện trong thế gian.

Đức Thế Tôn là ai ? Tức là bậc Thập hiệu cụ túc, là bậc thầy đáng tôn trọng của Phạm, Thánh, Người, Trời, Thế và Xuất thế gian.

Đại đức là gì ? Là bậc người Phước, Huệ đầy đủ, Thập hiệu đức cụ, đời không ai sánh bằng. Hai danh từ đây (Thế Tôn, Đại đức), chung xưng cả bảy lớp Phật về trước vậy.

Vì tôi nói việc này, là việc gì ? Đây xin nói thầy trò truyền thọ rõ không phải lời bịa đặt vậy.

Chữ Ta : Là chỉ cho người hiện tại thuyết giới.

Việc này : Nghĩa là : Từ bài tựa giới kinh, cho đến bài kệ của bảy lớp Phật.

Tôi nay muốn thuật lại là gì ? Thuật lại : Nghĩa là : Đúng như pháp mà thuật, không sai lầm một lời vậy.

Các ngài đều chung nghe là ai ? Các ngài: Nghĩa là : Từ người mới thọ giới chưa có hạ, cho đến vị trăm lap đấy.

Điều chung nghe : Nghĩa là : Cả thấy hòa hợp nhóm ở một chỗ, quyết lòng lóng nghe vậy.

CHÍNH VĂN : *Thí như người gãy chân, không còn đi đứng được. Phá giới cũng như vậy, không được sinh lên cõi Trời. Muốn được sinh lên cõi Trời, hoặc sinh lại cõi người phải giữ giới trọn, đừng để cho hư hại.*

CHÚ GIẢI : Một bài tụng trước : Nửa bài trên là lập lời thí dụ, nửa bài dưới là nói không được sinh lên cõi lành. Một bài tụng sau : Nửa bài trên chỉ muốn sinh lên cõi lành, nửa bài dưới bảo phải giữ giới để gây cái nhân lành.

Thí như là gì ? Là cái lời giả tỷ.

Chữ Hủy : Nghĩa là : Hư.

Chữ Thiệp : Nghĩa là : Đi bước.

Chữ hủy giới cũng như phá giới vậy.

Chữ Trời : Là chỉ cho Trời ở cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới :

Gồm có 28 cõi Trời vậy.

Người : Là người trong bốn Đại châu và tám Trung châu cùng các Tiểu châu v.v...

Thường phải giữ giới trọn (đủ) là sao ?

Nghĩa là : Giới này trong mỗi giờ mỗi phút, không nên có chỗ hủy phạm.

Chữ Tồn : Nghĩa là : Hại vậy.

Không những bảo ta đừng phá Giới lớn, mà là những cái Giới nhỏ cũng chẳng nên phá vậy.

Tại sao bảo phải cầu sinh lên cõi Trời ?

Đây chính là đức Phật tùy cơ theo đời quyền nói, phần nhiều thích sinh lên cõi Trời. Nên đức Phật khi mới ra đời, tùy theo sở thích của họ mà vì thuyết pháp; chớ kỳ thật không phải ý của ngài và cũng chẳng phải bản ý của Luật tôn.

Vi sao ? Bởi Luật lấy chỗ giải thoát làm tôn chỉ, há bày cho người cái quả hữu lậu Nhân Thiên ư ?

Hơn nữa : Đạo Trời vốn là con đường nguy hiểm. Nên kinh thường nói : Có hai đường nguy hiểm :

- 1.- Sinh lên cõi Trời.
- 2.- Sinh trong ác đạo.

Sinh lên cõi Trời mặc dù hưởng những sự vui sướng, nhưng hưởng hết phước rồi, đọa trở lại trong ác thú !

Lấy đây kinh nghiệm, quyết không phải là bản ý của Luật dạy như vậy.

Vả như phá giới, thì con đường hiểm sinh lên cõi Trời, còn không thể lên được thay, huống chi cái đường vui cõi Niết bàn của chư Phật, làm gì được lai vãng !

Văn đây không nói Niết bàn là bớt vậy.

Như trong Đại Luật dạy : Cầu lên cõi Trời hoặc cõi Niết bàn đó cũng là một phương tiện để giữ gìn Giới.

Giữ giới như vậy không hủy hoại, thời nhất định lướt qua khỏi con đường hiểm ấy được.

Đại Luật lại nói : Lo tu theo Giới như vậy, thời mới có thể tránh được bao nhiêu hạnh ác và trừ tất cả cái hại Kiết sử mà được an ổn vào Niết bàn.

Nguyên hàng Thanh văn, do nhầm chán cái quả khổ trong ba cõi, nên mới đoạn Tập, tu Đạo và chứng Diệt, đâu còn trông mong cái quả báo cõi Người, cõi Trời.

Còn Bồ Tát là bậc không tham đắm, cái vui của đời và chán sợ phiền não trong đường sinh tử, nên ham mộ cầu sinh về Niết bàn của chư Phật.

Sự chán sợ phiền não của hàng Thanh văn và rất ưa Niết bàn (*của hàng Tiểu thừa*), dù trăm nghìn, muôn lần cũng chả bằng một phần Bồ Tát, há trông mong việc dục lạc cõi người, cõi Trời ư ?

CHÍNH VĂN : *Như xe đi vào đường hiểm, có cái lo sút chốt gãy trục; hủy giới cũng như vậy, khi chết ôm lòng lo sợ.*

CHÚ GIẢI : Nửa bài tụng trên là lập lời thí dụ, nửa bài tụng dưới là chỉ cho biết cái tội lỗi của sự phá giới.

Chữ Trục : Là cái cốt lắn ở giữa bánh xe.

Chữ Hạt : Là chốt, là cái chốt sắt xỏ ngang ngoài đầu cây trục.

Cũng như xe đi qua đường hiểm nạn, giữa đường rủi sút chốt, gãy trục, tâm thần lo lắng rồi sinh ra sự đại khủng bố vậy.

Người hủy giới dụ cũng như xe kia bị sút chốt gãy trục (*không còn dùng nữa*).

Khi chết, là dụ cũng như giữa đường nguy hiểm (*cái mạng mỏng manh*). Ta biết sau khi phá giới rồi, thế nào cũng đọa trong ác đạo, lòng dạ thế nào cũng phải sợ hãi lo âu.

Như người đẩy xe vào đường hiểm (*đường hầm hố*), thế nào cũng lo cái nạn sút chốt gãy trục vậy.

CHÍNH VĂN : *Như người lấy gương soi mặt hề mặt tốt vui xấu buồn. Thiết giới cũng như vậy : Giữ, phá, sinh mừng, lo.*

CHÚ GIẢI : Nửa bài tụng trên là lập lời thí dụ; nửa bài tụng dưới là nói giới hoàn toàn hay khuyết điểm. Như người lấy kính soi mặt mình, mặt tốt thì sinh tâm vui mừng, mặt xấu thì ôm lòng lo âu.

Nay đương thời thuyết giới, lấy giới mà quán xét tâm mình. Minh giữ giới được hoàn toàn thời trong lòng được vui vẻ, ngoài mặt chẳng hổ với người. Bằng phá giới, thời trong tâm sinh ra sự lo buồn ngoài mặt thẹn cùng hàng Tăng lữ vậy.

CHÍNH VĂN : *Như hai trận giao chiến với nhau : Bên mạnh được, bên yếu thua. Thuyết giới cũng như vậy : Giữ, phá, sanh : an, sợ.*

CHÚ GIẢI : Nửa bài tụng trên là lập lời thí dụ; nửa bài tụng dưới là nói : Sự giữ giới đắc hay thất. Như hai đội binh giao chiến cùng nhau : kẻ mạnh thì tiến, an vui về triều đình lãnh thưởng; người yếu thua thì sợ hãi mà tìm đường rút lui.

Nay nhóm chúng lại để thuyết giới, chính như cùng với đội binh phiến não đánh nhau. Giữ giới thanh tịnh cũng như người mạnh được tiến, thân tâm an vui. Kẻ phá giới cũng như người yếu bị thua tình sắc sinh lo sợ. Bèn ngấm trong quân đội phiến não, bị bọn ma nó xé thịt vậy.

CHÍNH VĂN : *Trong đời vua là lớn, các sông, biển là to, các sao trăng là sáng, các Thánh Phật là cao. Tất cả trong các luật, giới kinh là trên hết, Như Lai lập giới cấm nửa tháng tụng một lần.*

CHÚ GIẢI : Bài tụng trước, câu đầu : lấy sự tôn quý làm hơn.

Câu kế : lấy sự sâu rộng làm hơn.

Câu thứ ba : lấy sự sáng sạch làm hơn.

Câu thứ tư : lấy quả đức làm hơn.

Nghĩa là : Hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát hạnh quả chưa tròn (*cũng như mặt trăng đêm 14*).

Đức Như Lai hạnh đủ quả tròn (*cũng như mặt trăng đêm rằm*) ở trong bậc Thánh, một mình ngài là hơn cả.

Đây là dụ thầy Tỳ Kheo, là con của vị Kim Luân Vương; giống quý của vị Pháp Vương phước đức và trí tuệ sâu rộng, giới thể sáng tròn, cõi người, cõi Trời, không ai sánh kịp, đây là Chúng Trung Tôn vậy.

Một bài tụng sau, hai câu đầu : Chính nói giới kinh này là hơn hết.

Giới kinh là gì ? Là kinh biệt giải thoát và các luật nghi của Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni vậy.

Thế nào là biệt giải thoát ? Nghĩa là : Y theo kinh này mà tu hành thì được giải thoát bao nhiêu phiền não, mỗi mỗi các hoặc trong chín phẩm lần hồi đoạn hết.

Hơn nữa : Kiến hoặc, tư hoặc, phiền não hoặc, số đầy nhiều lắm. Trong mỗi món, mỗi món riêng biệt và có thể bỏ lià được, nên gọi là biệt giải thoát vậy.

Do hoặc phiền não kết buộc loài hữu tình, ngấm chìm trong ba cõi. Giới kinh đây có thể làm cho hữu tình được giải thoát mà đi đến cõi Niết bàn vậy. Cho nên Giới kinh này là đặc biệt trên hết.

Các luật là : Ngũ giới, Bát giới, Thập giới cho đến Thập thiện của vị Luân vương, pháp luật thế gian và các tà cấm của ngoại đạo vậy.

Trong Đại Luật nói : Dù trăm, nghìn, ức các kinh khác Giới kinh này là đệ nhất.

Thế thì, chẳng những giới pháp của các đạo khác không bằng, mà chính trong ba tạng, mười hai bộ, Giới kinh này cũng độc tôn.

Cho nên trong Căn Bản Luật nói : Đức Phật nói ba tạng Kinh giáo, mà tạng luật Tỳ Nại Gia là đầu hết.

Chúng ta được biết đức Phật, khi đạo khắp trong thế gian gặp trường hợp nào thỉnh ngài thuyết pháp thì ngài thuyết về tạng Kinh, còn tạng Luật

không phải như thế. Cho nên biết rằng: Tạng Luật thật là khó gặp được.

Hơn nữa chư Phật mà chứng được quả Bồ đề, Độc giác thân tâm thanh tịnh; cho đến những vị đắc quả A La Hán đều do luật hạnh mà thành.

Ba đời các Hiền Thánh xa rời được cái khước hữu vi (*trần lao phiền não*) đều lấy luật làm căn bản, mà được về nơi an ổn.

Dụ như : Quả địa cầu chứa đựng muôn loài, sinh trưởng được các thứ cỏ cây. Giới luật của Phật cũng thế, sinh ra biết bao phước đức trí huệ. Huống chi luật là vua trong các pháp, thầy của chư Phật. Vì Bí số dụ cũng như người khách buôn, quyển luật này quý như ngọc vô giá.

Đúng như trong luật nói : Nếu không y theo đây mà tu hành thì rốt cuộc cũng không thành chi hết, dù có thành chăng đi nữa, cũng là thành ma, thành quỷ, đó thôi.

Cho nên trong kinh nói : Dù có đa trí Thiên định hiện tiền, nếu không trì giới, thế nào cũng phải lạc vào Ma đạo.

Đức Như Lai lập giới cấm là gì ?

Đây là nói đức Như Lai ngài chế giới, quyết không phải là mình làm, và không phải như : Kinh, luận hoặc là người khác thuyết, rồi trình với Phật để ngài ấn khả đầu.

Do đây đủ biết trí của Như Lai, khắp cả pháp giới, biết cùng tột nghiệp tính của muôn loài vạn

vật, biết căn nghiệp sai biệt của tất cả chúng sinh. Cho nên ngài lập giới ra trùng với nghiệp; chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác, bậc Bồ Tát có thể làm được. Tỷ như việc lễ nhạc trong đời, chỉ có một nhà vua chế ra; phép lớn ra khỏi đời nếu không phải Phật thì không ai lập được.

Nửa tháng nói một lần là gì ?

Nghĩa là : Nửa tháng tối trời và nửa tháng có trăng. Tháng có trăng là tiêu biểu Bạch nghiệp; tối trời tỷ dụ Hắc nghiệp.

Muốn hắc nghiệp hết, bạch nghiệp còn, thì nửa tháng vẫn thuyết một kỳ giới, để cho các hàng Tỷ Kheo tự nhớ lại cái giới của mình thọ có phạm điều nào, đúng như pháp mà sám hối hầu mong nghiệp ác lần lần tiêu hết, mà nghiệp lành càng thêm tròn sáng vậy.

Mười hai bài tụng trên đây, là trong khi kiết tập quý vị A La Hán sắp đặt – Xét trong bản Đại Luật cộng có 46 bài tụng.

2. TRƯỚC LÀM PHÉP PHƯƠNG TIỆN

(Phân ra làm 7 lời giải)

CHÍNH VĂN : *Tăng nhóm chưa ?*

CHÚ GIẢI : Phạm làm phép Yết Ma Bồ tát, Tỷ Kheo đồng ở trong một giới, đều phải nhóm chúng hội lại một chỗ để tránh những chuyện biệt chúng phá tăng, nên phải hỏi trước. Tăng có bốn hạng : bốn người, năm người, mười người, hai mươi người.

Tăng bốn người : Trừ phép thọ cụ túc giới, phép Tự tử và phép xuất tội Tăng tàng, ngoài ra tất cả phép Yết Ma đều làm được.

Tăng năm người : Trừ đồ thành, phép thọ cụ túc giới và phép xuất tội Tăng tàng, ngoài ra tất cả phép Yết Ma làm được.

Tăng mười người : Trừ phép xuất tội Tăng tàng, ngoài ra tất cả phép Yết Ma làm được.

Tăng hai mươi người : Tất cả phép Yết Ma nào cũng làm được cả. Trong bốn ngôi Tăng đây, tùy thiếu một người, làm phép không thành. Nếu trên thì tốt, đúng như pháp. Còn thiếu thời phi pháp, phi luật mắc tội.

Trừ khi Bố tát, ngoài ra có những việc cần làm phép Yết Ma, nhưng số chúng quá đông, bộn bề khó nhóm họp. Muốn tránh những cái nạn ngăn cản của sự biệt chúng; nên luật dạy trước khi kiết đại giới, cần phải kiết giới tràng. ở trong giới tràng làm phép, không nhóm hết chúng cũng không lỗi.

CHÍNH VĂN : *Hòa hợp không ?*

CHÚ GIẢI : Đồng một phép Yết Ma, hòa hợp một chỗ, tất phải tâm khẩu không gây gỗ, người không đến phải dự dục, để cho chư Tăng hiện tiền có mặt đáng quở, cũng không lấy cớ gì mà quở được.

Nghĩa là : Để phòng những chuyện gây kinh xảy ra, có hại cho việc pháp sự, cho nên phải thứ lớp mà hỏi vậy.

CHÍNH VĂN : *Người chưa thọ đại giới ra chưa ?*

CHÚ GIẢI : Người chưa thọ đại giới là gì ?
Nghĩa là : Người chưa từng bạch bốn phép Yết Ma, như pháp để thọ giới Cụ túc vậy.

Ra là gì ? Nghĩa là : Báo ra ngoài chúng Tỳ Kheo, cái chỗ không thấy, không nghe. Đức Phật dạy : Không nên ở trước người chưa thọ đại giới mà làm phép Yết Ma thuyết giới.

CHÍNH VĂN : *Các Tỳ Kheo không đến, có thuyết dục và thanh tịnh chăng ?*

CHÚ GIẢI : Không đến là gì ? Nghĩa là : Không đến nhóm vậy.

Phàm làm tất cả pháp Yết Ma pháp sự, tất cả thân tâm đều nhóm mới thành chúng hòa hợp.

Nếu có việc Phật Pháp Tăng, hoặc bị bệnh hay mắc nuôi bệnh v.v... mới cho tâm nhóm. Nên cho truyền tâm khẩu đến trước việc chúng Tăng, mới được kia đây không lỗi, chẳng hại đến các pháp sự và khỏi cái lỗi biệt chúng vậy.

Thuyết dục là gì ? Thuyết là nói, dục là muốn.

Nghĩa là : Ý tôi muốn cùng với chúng Tăng làm việc đúng như pháp đầy và tâm tôi ưa thích tùy hỷ đồng sự với chúng Tăng đầy.

Thanh tịnh là sao ? Nghĩa là : Tự mình không lỗi, nên trong thời Bố tát đầy, tôi dự phần thanh tịnh vậy. Hơn nữa thời Bố tát, chúng Tăng có làm nhiều phép Yết Ma, cho nên mặc dù dự dục, mà cũng phải có dự phần thanh tịnh trong đây mới

được, chớ chẳng được dự phần thanh tịnh không, làm cho có ngại việc pháp sự của chúng Tăng và cũng không được nói tội dự dục về chuyện khác (*chuyện chi đó v.v...*).

Phải nói như vậy : Tôi đúng như pháp sự của chúng Tăng dự dục và thanh tịnh, mới khỏi cái lo chỗ trễ nãi phế pháp Yết Ma của chúng Tăng vậy.

Có năm phép dự dục.

Hoặc nói : Dự dục cho ngài, hoặc nói : Tôi thuyết dục, hoặc nói ngài vì tôi thuyết dục giùm tôi rất cảm ơn, hoặc bệnh nặng nói không nổi, thì phải ra dấu chỉ cái thân này có bệnh, hoặc dự dục với nhiều người, cũng đều thành phép dự dục. Nếu không như vậy không thành phép dự dục, cần phải dự dục lại với vị Tỳ Kheo khác.

Trong phép dự dục này, tất phải có mặt ở trong giới và không được ngày nay dự dục, trừ bị ngày mai.

Như thầy Tỳ Kheo có bệnh làm phép dự dục để nghỉ dưỡng bệnh rồi, nghe trong chúng Tăng thuyết pháp Tỳ Ni, tự mình ráng lần tới nghe, ngồi một hồi lâu sinh ra mỗi mệt. Liên tưởng rằng : trước kia mình có dự dục, thì bây giờ đây ta phải im lặng mà rút lui ra về, thế đó không gọi là có phép dự dục.

Vì sao ? Vì cái phép dự dục trước đã phá rồi, giờ đây phải làm phép dự dục lại mới thành.

Trên đây là nói về phép dự dục của việc thuyết giới, còn bao nhiêu việc khác, nhiều lắm; lệ theo đây nên biết.

Nếu thầy Tỳ Kheo có bệnh quá nặng, không thể thân khẩu dự dục như trên, thì phải diu đỡ đến trong chúng Tăng, nếu sợ đỡ khiến thêm bệnh, thì tất cả chúng Tăng phải đến chỗ ông bệnh ngồi chung quanh đấy làm phép Yết Ma.

Hơn nữa, nếu có nhiều ông bệnh, mà có thể nhóm lại được một chỗ thì tốt, bằng không thể được, thì chúng Tăng phải mau mau ra ngoài đại giới, làm phép Yết Ma kết tiểu giới để thuyết giới. Chớ không được mượn phương tiện ở trong đại giới mà làm phép Yết Ma càn, để thuyết giới bằng cách biệt chúng, phi pháp, mắc tội v.v... và nếu muốn dự dục với nhiều người, thì phải đến chỗ ông truyền dục đã hứa khả, chỉnh đốn oai nghi, rồi bạch lời như vậy : Xin Đại đức một lòng nghĩ tưởng, tôi Tỳ Kheo, pháp danh... y theo pháp sự của Tăng chúng dự dục và thanh tịnh. *(nói một lần xá ba cái)*.

Nếu ngày Tự tứ, thời phải nói dự dục Tự tứ, còn tất cả các pháp Yết Ma khác chỉ nói dự dục.

Thầy Tỳ Kheo lãnh dục kia, mang dục đến trong chúng Tăng, bây giờ vị Yết Ma cứ theo phép hỏi như trên, dứt lời, ông lãnh dục phải sửa đủ oai nghi, đứng ra bạch rằng : Thưa Đại đức Tăng lắng nghe; Tỳ Kheo kia pháp danh... tôi có lãnh dục thanh tịnh của ông, ông y theo pháp sự của chúng Tăng dự dục và thanh tịnh *(nói một lần xá ba cái)*.

Song, các bộ luật khác, cho ông Tỳ Kheo mang dục nói với một vị Đại đức ngồi gần mình, chớ không thưa giữa đại chúng, vì sợ mất thì giờ. Chúng Tăng ngồi lâu mỗi một sinh ra các tội lỗi.

Một điều thắc mắc hơn là : Người mang dục.

Nghĩa là : sau khi lãnh dục người ấy : hoặc mạng qua đời, hoặc di xứ khác, hoặc thôi tu, hoặc vào trong ngoại đạo, hoặc nhập bộ chúng khác, hoặc đến trong giới tràng, hoặc mặt trời đã mọc, hoặc người ấy tự trần mình có phạm biên tội v.v...

Luôn cả 13 nạn, hay bị cử tội, hay đã diệt tận, hoặc đang diệt tận, hay nương pháp thân tức thông ở trên hư không, hay ở chỗ cách xa không thấy, không nghe.

Ta dự dục cho người như thế, đều chẳng thành pháp dự dục thanh tịnh. Vậy ta nên dự dục lại cho vị khác.

Như vậy hoặc ở giữa đường, hoặc đến trong chúng, cũng như vậy.

Người lãnh dục rồi hoặc ngủ, hoặc họ nhập định, hoặc họ quên, hoặc họ không cố ý bỏ; nhưng mà vì quên, như vậy vẫn thành pháp dự dục. Bằng họ cố ý không nói, không thưa cho chúng Tăng biết, người ấy mắc tội Ác tác.

Còn một điều nữa, người lãnh dục có tâm tốt, nhưng trong khi đi gặp đường sá trở ngại, bị giặc cướp, bị thú dữ, bị nước sông tràn ngập, tất cả nạn làm cho mạng phải chết và nạn có hại cho phạm hạnh không thể đi được, từ ngoại giới về đến trong chúng Tăng, như vậy không mất cái pháp dự dục.

Muốn cho tiện, luật lại cho một người lãnh dục của hai ba bốn vị cho đến lãnh dục đa số Tăng chúng. Tùy nhớ số bao nhiêu vị, nếu có thể nhớ

pháp danh hết càng tốt; bằng không thể nhớ pháp danh thì phải nói cái họ, nếu không thể nhớ họ thì sẽ nói tướng mạo : đen, trắng, thấp, cao; nếu không nhớ được tướng mạo thì phải nói đa số Tỳ Kheo y như sự của chúng Tăng dự dục thanh tịnh.

Nếu người lãnh dục, họ có những duyên sự xảy ra bất ngờ, không kịp đến với chúng Tăng, thì luật sẽ cho họ chuyển giao lời dục ấy lại cho vị Tỳ Kheo khác, và hãy nói lời chuyển trao như vậy :

“Thưa Đại đức, một lòng thương nghĩ, tôi Tỳ Kheo, pháp danh... (một vị hay đa số, tùy đó để nói). Tỳ Kheo đây với tôi đây y như pháp sự của chúng Tăng, dự dục và thanh tịnh (nói 1 lần xá ba cái).

Nếu Tỳ Kheo vì cố duyên sự kia đã dự dục rồi, bấy giờ duyên sự ấy đã yên xong, thì liền phải đi đến chỗ thuyết giới. Nếu trong một ngôi chùa nào mà đủ 4 vị Tỳ Kheo, thì phải nhóm nhau để thuyết giới, chớ không nên thuyết dục.

CHÍNH VĂN : *Ai sai Tỳ Kheo Ni đến thỉnh giáo giới ?*

CHÚ GIẢI : Cô Ni mang cái thân hữu lậu, mắc nhiều việc hình lụy, cho nên thiếu cái lợi du phương học đạo, cái ích sớm chiều dạy bảo. Đức Như Lai thương đấy, chế cho mỗi nửa tháng, qua bên đại Tăng cầu xin giáo thọ.

Vị Thượng Tọa Tăng mới sai ông Tăng có đủ mười đức, dùng lời êm dịu để dạy bảo khuyên gắng đi đến chỗ chí đạo.

Song, đời nay cách Phật đã xa, Tăng, Ni khinh lớn giáo pháp, đã không vâng làm, nên pháp này lần mất, người nghe cũng ít, người hành toàn không.

Tôi muốn đem pháp này trở lại, cho nên làm lời chú thích rõ ràng nơi đây. Tăng chúng Tỳ Kheo Ni kia đến ngày tụng giới nhóm Ni Tăng bạch hai lần Yết Ma, sai một Tỳ Kheo Ni qua bên chùa đại Tăng, cầu xin một vị giáo thọ, nếu cô Ni đi một mình không ai hộ, thì trong hàng Ni hãy sai hai ba người đi theo làm bạn.

Bấy giờ đã đến chùa Tăng, đến trước một vị cựu trụ Tỳ Kheo (*đáng lẽ đại tăng phải sai một tri sự, tiếp nhận cái lời cầu thỉnh của cô Ni kia, để hầu bạch lại với chư Tăng*), lễ kính rồi nghiêm mình cúi đầu chấp tay bạch rằng : “Đại đức một lòng nghĩ tưởng, Tỳ Kheo Ni Tăng chúng tôi hòa hợp lễ dưới chân Tỳ Kheo Tăng; cầu xin một vị giáo thọ” (*nói ba lần*).

Tới giờ Tỳ Kheo Tăng tụng giới, vị Thượng Tọa tụng giới kia mới hỏi rằng : có ai sai Tỳ Kheo Ni đến thỉnh giáo giới chăng ?

Đoạn này đức Phật dạy : Khi chúng Tăng tụng giới, vị Thượng Tọa phải hỏi rằng : “Bên chúng Tỳ Kheo Ni có sai ai qua thỉnh giáo giới chăng ?”.

Lời hỏi đây là lời hỏi của vị Thượng Tọa tụng giới, hỏi trong khi làm phép Yết Ma tụng giới.

Bấy giờ ông Tri sự lãnh lời của cô Ni thưa trước, liền đứng dậy sửa đủ oai nghi, chấp tay bạch rằng : “Thưa Đại đức Tăng lắng nghe : Tỳ Kheo Ni Tăng ở chùa... hòa hợp sai một Tỳ Kheo Ni, pháp

danh... đến lễ dưới chân Tỳ Kheo Tăng, cầu xin một vị giáo thọ dạy bảo bên phái Ni (nói như vậy ba lần).

Theo phép, ông Tri sự lãnh lời của cô Ni thừa, phải đến vị Thượng Tọa mà bạch rằng : “Xin Đại đức từ mẫn, Đại đức có thể dạy bảo Tỳ Kheo Ni được chăng ?”.

Nếu Thượng Tọa đáp rằng : “Không kham đây”. Thì bấy giờ đến những vị Thượng Tọa (12, 13 hạ sắp lên) mỗi mỗi đủ oai nghi thưa hỏi. Lúc ấy Thượng Tọa tụng giới kia phải hỏi lại cho chắc chắn rằng : Quý Đại đức đây ai làm vị giáo thọ dạy bảo Tỳ Kheo Ni ?

Nếu có người hứa, thì chúng Tăng hãy làm phép Yết Ma sai đi. Nhưng ông Tăng mà được chúng Tăng sai đi làm giáo thọ bên Ni kia phải là người có đủ 10 pháp :

- 1.- Giới luật cụ túc
- 2.- Đa văn
- 3.- Tụng hai bộ giới cho lâu
- 4.- Quyết đoán không nghi
- 5.- Biện tài thuyết pháp
- 6.- Dòng họ xuất gia
- 7.- Nhan mạo đoan chính để chúng Ni vừa thấy liền sinh tâm hoan hỷ.
- 8.- Kham nhận thuyết pháp cho Ni chúng, khuyên dạy hoan hỷ.
- 9.- Không vì Phật xuất gia mà mặc pháp phục, để phạm tứ trọng (vì thấy chúng sinh khổ mới xuất gia).

10.- Hoặc người đủ 20 hạ, hay trên 20 hạ, như vậy mới được sai đi.

Vấn sai như vậy : Đại đức Tăng lóng nghe. Nếu đến giờ Tăng nhóm, Tăng bằng lòng cho. Trong chúng Tăng đây sai Tỳ Kheo tên... làm giáo thọ qua dạy bảo Tỳ Kheo Ni.

Bạch như vậy : tác bạch có thành không ?

Nếu đại chúng xét được, thì đồng chấp tay nói: “Thành”. Thừa Đại đức Tăng lóng nghe : Tăng nay sai Tỳ Kheo tên... đi giáo giới cho Tỳ Kheo Ni. Các bậc Trưởng lão trong đây ai bằng lòng chịu cho Tăng sai thầy Tỳ Kheo tên... qua giáo giới cho phái Tỳ Kheo Ni đấy, thì lẳng lẳng, còn ai không bằng lòng thì nói, Yết Ma thành không ? Đồng đáp : “Thành”.

Trong chúng Tăng đã bằng lòng sai Tỳ Kheo tên... giáo giới cho Tỳ Kheo Ni rồi, Tăng bằng lòng thì cứ im lặng, việc này như vậy mà suốt biết. (Đoạn này nếu như có nhiều người khả năng về việc giáo giới bên Ni, thì vị Thượng Tọa, phải hỏi bên Ni muốn thỉnh ai ? Rồi tùy kia mà phái).

Nếu Ni nói tùy ý đại Tăng phân định. Thì bấy giờ vị Thượng Tọa phải tùy theo ông nào thường hay đi giáo giới mà thứ lớp sai đi.

Tỳ Kheo Ni kia, ngày 16 lại đến trong chùa Tăng. Thừa rằng : “Có Đại đức nào hứa khả chăng?”

Bấy giờ vị Tỳ Kheo bị sai đi kia, đem theo một vị Tỳ Kheo nữa để làm bạn và cho biết giờ khắc đến. Còn bên phái Ni kia cũng phải đúng giờ khắc để đón rước.

Vị sư giáo giới ấy coi chừng Ni chúng nhóm xong, vì nói pháp bát kính, kể đó coi theo trình độ mà thuyết pháp để dạy bảo.

Nói tóm lại, nếu hoàn toàn bên đại Tăng, mà không có vị nào có thể giáo giới được bên Ni, thì ông Tỳ Kheo lãnh cái lời dạy bảo của cô Ni bữa trước, đem bạch lại cho vị Thượng Tọa hay rằng : “Hỏi khắp trong chúng Tăng mà không có ai kham nhận trách nhiệm đấy cả”.

Bấy giờ vị Thượng Tọa liền đề nghị về vấn đề giáo thọ, dặn ông Tri sự lãnh lời cô Ni kia nên nhớ rằng : “Trong chúng đây không ai làm thầy giáo thọ được, thì ngày mai bên Ni chúng qua thỉnh và hỏi : Có vị Đại đức nào hứa khả không?”. Thì ông phải đáp rằng : Hôm qua tôi vì quý Ni Trưởng thỉnh hết trong đây mà không có ai chịu đi giáo thọ bên Ni Trưởng.

Song, ngài Thượng Tọa có lời dạy : “Bảo các Ni chúng, phải siêng năng tu hành và cẩn thận, chớ có buông lung” (ngày 16 bên Ni qua, như lời Thượng Tọa dặn, thuật lại cho Ni chúng biết).

Bấy giờ Ni Trưởng trở về chùa Ni, nhóm hết Ni chúng lại, rồi thuật đủ như lời của vị Thượng Tọa bên đại Tăng dạy. Thì Ni chúng ai nấy cũng đều chấp tay niệm Phật và xin “vâng” y giáo phụng hành.

CHÍNH VĂN : Tăng nay hòa hợp để làm gì?

CHÚ GIẢI : Nghĩa là : “Tăng đã hòa hợp nhóm để làm pháp sự gì đây”; song khi làm pháp sự, cũng chẳng ngoài ba pháp :

1.- Tình sự : Như những sự thọ giới và sám hối v.v...

2.- Phi tình sự : Như những việc kiết các giới v.v...

3.- Tình, phi tình sự : Như những việc : xử, phân, ly y v.v...

Những pháp sự này, là cái quyền định đoạt của chúng Tăng, nên cần đối giữa chúng để hỏi những chuyện làm kia. Trong đây một người tùy mỗi việc mà đáp.

Ví dụ như : Thuyết giới thì đáp rằng :

CHÍNH VĂN : *Thuyết giới Yết Ma.*

Nghĩa là : Làm phép Yết Ma để thuyết giới (nếu không phải thời thuyết giới thì cứ theo việc chi đó mà đáp). Đáp rằng : "Làm pháp Yết Ma..."

CHÚ GIẢI : Tiếng Phạm gọi là : Yết Ma, dịch là : Sự.

Sự cũng gọi là biện sự.

Nghĩa là : các pháp sự do đây mà thành xong vậy.

Song, pháp Yết Ma nói chung có ba phép : bạch lần đầu, bạch lần thứ hai và bạch lần thứ tư, độ lượng theo việc đó mà bạch...

Dụ như : Việc nhẹ thì tác bạch một lần, cho chúng Tăng biết thôi, việc vừa vừa thì bạch hai lần, còn việc trọng thì bạch tới lần thứ tư.

Ba phép Yết Ma đây, có thể gồm hết tất cả pháp Yết Ma. Nhưng các pháp Yết Ma : nói sơ thì có 122 pháp. Pháp bạch lần đầu gồm có 27 pháp, pháp bạch lần thứ hai gồm có 57 pháp, pháp bạch lần thứ tư gồm có 38 pháp.

Các bộ luật khác, hoặc thêm, hoặc bớt. Như bộ Căn bản luật gồm có 101 việc.

Phàm làm các pháp sự Yết Ma, tất phải làm pháp phương tiện trước, nhưng trong khi thuyết giới, cần phải hỏi thêm câu này : “Bên phái Ni có sai Ni nào qua cầu thỉnh giáo giới chăng?”. Ngoài câu ấy, còn sáu câu hỏi kia, chung tất cả pháp Yết Ma.

Song, chỉ trừ pháp Yết Ma kiết giới thì không được phép vắng mặt một vị nào, nếu vắng không thành.

Nghĩa là : Phải đi cho đủ, để cho mỗi người được biết rõ giới tướng, chớ không cho thuyết dục. Thế thì sự kiết giới này, chúng phải nhóm đủ nhất định.

3.- GIỮ BẠCH PHÉP YẾT MA

(Phép này đơn bạch, bạch một lần)

CHÍNH VĂN : *Thưa Đại đức Tăng lòng nghe: nay ngày 15 tháng bạch nguyệt chúng Tăng thuyết giới. Nếu tới thời Tăng đến nhóm, Tăng bằng lòng cho hòa hợp thuyết giới.*

Bạch như vậy, tác bạch thành không ?

Đồng đáp : “Thành”.

CHÚ GIẢI : Đại đức Tăng lóng nghe là gì ?

Nghĩa là : Bảo các Tỷ Kheo để tai chăm nghe, đừng duyên cảnh khác, chuyên tâm nhất ý đối với việc nghe này, phải chính nhớ để giữ làm.

Mười lăm ngày tháng bạch nguyệt là sao?

Đây là lấy nửa tháng trước mà nói, nếu nửa tháng sau thì là tháng hắc nguyệt (vì không trăng).

Nhưng tháng thì có tháng đủ tháng thiếu, hoặc 14 hoặc 15 ngày 9 (trong mỗi nửa tháng) phải theo thời mà nói (15 hay 14 ngày)

Thế nào là chúng Tăng thuyết giới ?

Câu này là để rõ chúng Tăng thuyết giới, chớ không phải làm việc chi khác vậy.

Xét bộ giới bốn này của ngài Da Xá dịch, thì nói Bố tát thuyết giới. Còn bản này chỉ nói thuyết giới chớ không nói hai chữ Bố tát, là vì bớt vậy.

Vì sao ? Vì thuyết giới là chỉ nói y việc đó, chứ chưa rõ cái nghĩa của nó. Còn Bố tát đây lại có cái nghĩa trưởng dưỡng tịnh trừ.

Nghĩa là : Do chúng nhóm thuyết giới hay nuôi lớn các công đức và trừ hết các tâm phiền não luôn những pháp bất thiện.

Đúng thời chúng Tăng đến là sao ?

THỜI : Nghĩa là : Thời thuyết giới.

ĐẾN : Nghĩa là : Chúng Tăng y theo thời mà đến vậy.

Tặng bằng lòng cho bằng cách nào ?

Nghĩa là : Hiện tiền đại chúng tất cả bằng lòng hứa khả, hòa hợp thuyết giới Ba La Đề Mộc Xoa vậy.

Bạch như vậy là sao ? Nghĩa là : đem việc thuyết giới này mà thưa cho chúng biết vậy. Phàm tới ngày Bố tát, mấy ông niên thiếu Tỳ Kheo phải tới nhà thuyết giới, để dọn dẹp, rưới, quét trải tòa ngồi, nấu nước, thắp đèn, sắm thẻ (*lá phiếu*), nếu mấy ông không biết, thì vị Thượng Tọa phải dạy, nếu lười biếng không dạy, mắc tội Đột Kiết La. Sau khi thuyết giới hãy thu các đồ đạc đem để lại chỗ cũ, không làm y như vậy mắc tội như trên.

Sắm thẻ là gì ? Nghĩa là : Đưa mỗi người một cây thẻ, để cho biết số người là bao nhiêu. Thẻ kia làm bằng : đồng, thiếc, tre hay cây, dùng hộp hay là cái ống để đựng thẻ.

Vị Tỳ Kheo ngồi gần hãy kiểm soát cùng nhau, để cho biết vị nào có đến nhóm và vị nào vắng mặt, phải bạch trước cho Thượng Tọa hay rồi mới làm phép tụng giới.

Nhưng trong khi tụng giới mà chúng nhóm họp quá đông, nghe không rõ, thì phải lót cái tòa cao. Chứng cái tòa ấy thật cao và cho thật tốt, rồi vị Thượng Tọa lên ngồi trên tòa ấy mà tụng giới. Trong khi tụng nếu quên hoặc lầm, thì ông Tỳ Kheo ngồi kế đó phải nhắc. Bằng ông ấy quên nữa, thì ông Tỳ Kheo thứ hai kế đó phải tụng thế. Nhưng cũng tụng tiếp theo đây chớ không được tụng trở lại.

Song, ông Tỳ Kheo mà tụng giới, trước phải học giới cho thuộc lâu, đừng để khi tụng sai lầm giữa chúng. Hoặc trong khi tụng giới, có tám việc nạn xảy ra và có những chuyện khác, thì cho tụng giới bằng cách sơ lược.

Tám nạn là gì ? Là nạn vua, nạn giặc, nạn nước, nạn lửa, nạn bệnh, nạn độc trùng, nạn người, nạn phi nhân.

Có việc khác là gì ? Hoặc đại chúng nhóm mà thiếu giường ngồi, hoặc trong chúng nhiều người bệnh, hoặc trên chỗ ngồi che lợp không kín gặp trời mưa dột, hoặc gặp những chuyện đánh lộn xảy ra, hoặc gặp duyên thuyết pháp quá khuya, thì cho trong lúc mặt trời chưa mọc, nên làm phép Yết Ma thuyết giới, chớ không được đổ thừa vì cái chuyện thuyết pháp mà bỏ cái lãnh dục thanh tịnh Yết Ma thuyết giới cách đêm.

Lược bỏ 6 pháp phương tiện trước, còn bao nhiêu giới phải tụng đủ. Độ lượng cái nạn kia còn xa hay đã tới gần để mà tụng giới đủ hay tụng lược.

Nếu không có việc nạn, thì không nên tụng giới lược; hoặc tụng lời tựa giới hỏi chúng thanh tịnh rồi, nạn tới, liền bảo rằng : Chư Đại đức ! Bốn pháp Ba La Di này quý ngài cũng thường nghe rồi. Như vậy ba mươi pháp Tăng tàng cho đến trăm pháp Chúng học. Nếu nạn gặp tới, vị Thượng Tọa tụng giới đến đâu thì tùy đó để nói : Tôi đã tụng tới giới... còn bao nhiêu chúng Tăng cũng thường nghe rồi, bây giờ nạn tới để lo công chuyện. Nếu nạn duyên bức cận

quá, không kịp tụng cho rồi lời tựa giới kinh, thì như trong luật Tăng Kỳ có dạy. Vị Thượng Tọa bảo rằng : “Thưa chư Đại đức : Nay ngày 15 là thời Bố tát, các ngài chính thân, khẩu, ý chớ buông lung. Vị Thượng Tọa dứt lời. Đại chúng mỗi người tùy ý tản mác (lánh nạn)

Nếu thầy Tỳ Kheo ở riêng một mình, tới ngày Bố tát phải về chùa Tổ đình, cùng nhau dọn dẹp rười quét, sắp đặt như trước để tụng giới. Nếu có ông khách Tỳ Kheo đến bốn ông hay trên bốn ông phải bạch trước rồi, vậy sau mới tụng giới. Nếu chỉ có ba ông, hoặc hai ông, thì mỗi ông đối với nhau mà bạch. Lời bạch như vậy: “Thưa hai trưởng lão nhớ nghĩ, nay ngày 15 chúng Tăng tụng giới, tôi Tỳ Kheo pháp danh... được thanh tịnh” (nói ba lần).

Nếu riêng có một ông, thì lòng nghĩ miệng nói : “Nay ngày 15 chúng Tăng tụng giới, tôi Tỳ Kheo pháp danh... được thanh tịnh” (nói ba lần).

Nếu ông có phạm giới không được tụng giới, không được nghe giới, không được tới ông phạm câu sám hối.

Ông phạm kia cũng không được thọ cái sám hối của người.

Phải tới ông Tỳ Kheo thanh tịnh, trình bày vai bên hữu (đấp y) bỏ guốc, gối bên hữu chấm đất (quỳ gối) chấp tay. Nếu là vị Thượng Tọa, hãy lễ dưới chân, tự trần cái tội phạm của mình như pháp mà sám hối.

Hoặc trong khi phạm, lại sinh nghi thì cũng như trên, tới chỗ ông Tỳ Kheo thanh tịnh, tự trần cái tội phạm của mình.

Lời tự trần như vậy : “Tôi pháp danh... ở trong cái tội phạm lại sinh nghi (*nghi có phạm hay không phạm*). Nay tới Đại đức tự trần, chẳng nào tôi hết nghi sẽ như pháp sám hối, nói như vậy rồi được nghe tụng giới”.

Nếu Tỳ Kheo đang khi tụng giới nhớ biết mình có tội, hoặc tâm nghi, nếu tự trần ngay giữa chúng, sợ sinh náo loạn. Thì nói nhỏ với ông Tỳ Kheo ngồi gần, hoặc tự tâm gắng nhớ, đợi khi xuống tòa rồi, phải như pháp sám hối, như vậy thì được nghe giới.

Nếu trong tất cả chúng Tăng ai cũng phạm giới hết, hoặc sinh nghi, nên đối trước ông khách Tỳ Kheo thanh tịnh mà sám hối quyết nghi, vậy sau mới tụng giới.

Nếu không có khách Tỳ Kheo đến, phải sai hai, ba vị đến trong chúng Tăng thanh tịnh ở chùa gần, quyết nghi cho và sám hối rồi trở về chùa mình thì các Tỳ Kheo ở chùa mình kia, phải đến trước ông Tỳ Kheo đi sám hối về đó mà sám hối, vậy sau mới tụng giới.

Nếu chùa ở gần không có chúng Tăng thanh tịnh, thì đối nhau tác bạch rồi sẽ sám hối.

Tác bạch như vậy : “Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, tất cả chúng Tăng trong đây, ai cũng phạm tội hết”.

Nếu giờ chúng Tăng đến, chúng Tăng bằng lòng cho tất cả chúng Tăng đây sám hối. Bạch như vậy tác bạch thành không ?

Đồng đáp “Thành”, vậy sau mới tụng giới. Song, một pháp sám hối đây, nghĩa là ai ai cũng biết cái tội của mình phạm, mà ngặt không có một ông Tỳ Kheo thanh tịnh nào, để cầu sám hối nên sự bất đắc dĩ mới cho làm sám bạch như vậy, thật lấy làm hổ thẹn !!! Chớ không phải đối với danh, chủng, tính, tướng, tội không biết, luông tuông mà làm. Làm phép Yết Ma này, hãy mắc tội trừ diệt (*bỏ luật*).

Nếu tất cả chúng Tăng đối với tội có nghi, nên có lời tác bạch rồi, mới tự trần cái tội kia... Lời tác bạch như vậy : Thừa Đại đức Tăng lắng nghe : Tất cả chúng Tăng trong đây đối với tội có nghi, nếu giờ chúng Tăng nhóm, Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng đây tự nói cái tội, thưa bạch như thế rồi, vậy sau mới tụng giới (*đây là chỉ phát lồ cái tội, để được tụng giới, chừng nào tội ấy hết nghi sẽ đến vị Thượng Tọa bạch rồi sám hối*).

Trong Ngũ Phần Luật dạy : “Nếu tụng quá không có thanh tịnh Tăng, thì cho đối ông Tỳ Kheo có tội mà xin sám hối, nhưng không cho đối với ông đồng phạm một tội mà sám hối. Nếu ông Tỳ Kheo có bệnh nặng thì cho đối với ông Tỳ Kheo đồng phạm một tội mà sám hối đỡ cho yên lòng hết nghi, để nghe giới được thanh tịnh”.

Nếu không biết tên tội và tướng tội. thì đợi có ông khách Tỳ Kheo trì luật đến ta sẽ cầu hỏi cho biết rồi như pháp mà sám hối.

Nếu ngày tụng giới, các ông cựu Tỳ Kheo nhóm họp, tụng bài tựa giới kinh rồi, có khách Tỳ Kheo đến ít, thì khách phải nói rằng : “Tôi thanh tịnh”, nói lời như vậy : “Xin Đại đức Tăng lắng nghe, tôi Tỳ Kheo pháp danh... được thanh tịnh”. Một ông kia thưa như vậy xong, còn bao nhiêu ông thì cứ theo thứ lớp ngồi nghe.

Nếu tụng giới rồi, cả chúng chưa đứng dậy; hoặc phần nhiều chưa đứng dậy, hay đã đứng dậy hết rồi, khách Tỳ Kheo cũng phải nói “tôi Tỳ Kheo... được thanh tịnh”.

Nếu tụng lời tựa giới rồi hay là tụng giới xong rồi, khách Tỳ Kheo đến hoặc bằng, hoặc nhiều hơn, thì phải tụng giới lại.

Nếu ông khách Tỳ Kheo tụng giới trước, ông cựu Tỳ Kheo đến sau cũng phải nói như trên (*tôi thanh tịnh*).

Nếu Tỳ Kheo tâm loạn, cuồng, si, phải làm Yết Ma cuồng, si cho ông.

Đây có ba bậc cuồng, si :

- 1.- Là khi tụng giới hoặc nhớ, hoặc không nhớ, hoặc đến, hoặc không đến.
- 2.- Hoặc nhớ mà đến.
- 3.- Hoặc chẳng nhớ chẳng đến.

Hai bậc giữa và sau chẳng nên làm phép Yết Ma.

Một bậc trước phải làm phép Bạch nhị Yết Ma.

Nếu bệnh cuồng hết, phải làm phép Bạch nhị Yết Ma mà giải.

Thầy Tỳ Kheo có năm hạ phải tụng giới và phép Yết Ma cho thuộc lòng. Chẳng được đong nhiều Tỳ Kheo đốt ở chung một chỗ.

Đã không biết giới lại không biết tụng giới, chẳng biết phép Bố tát, phép Yết Ma Bố tát, phải nương theo thầy Tỳ Kheo tụng giới được kiết hạ an cư.

Nếu trong lúc an cư, mà người của mình y chỉ mạng chung, hoặc ông đi xa, hoặc ông thôi tu, những đến mắc 13 nạn v.v...

Nếu ngày hậu an cư chưa đến, thì phải đến chỗ chùa gần kiết hậu an cư, hoặc phải thỉnh thầy nào tụng giới được, đi đến chỗ an cư tụng cho mình nghe.

Nếu đã quá ngày hậu an cư, các Tỳ Kheo phải đến chùa gần hoặc có thầy học tụng được lời tựa, hoặc có thầy được bốn việc (*Ba La Di*), hoặc 13 việc, hoặc tụng được chín mươi việc hay tụng được Tăng tàng, mỗi ông kia tụng rồi trở về chỗ cũ dạy cho một thầy tụng. Nếu ông đó không thể tụng hết, tùy tụng tới đâu, các ông kia thứ lớp mà tụng tiếp chớ không được tụng trở lại. Nếu được như vậy là tốt, còn như không có ai tụng giới được, thì chỉ thuyết pháp tụng kinh, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi (*nghĩa là tới ngày Bố tát không nên không tụng giới*). Nhưng ngặt vì không có ai tụng được nên mới cho

thuyết pháp tụng kinh, chớ không phải cho làm phép tắc thường hoài.

Trong bộ Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu cả chúng không ai thuộc thì nên bảo ông Thượng Tọa ra ngoài giới, tâm nghĩ miệng nói làm phép Bố tát”. Còn ba người ở trong giới, ba lần hô lên : Bố tát. Tức là phạt ông Thượng Tọa (*bởi làm Thượng Tọa không biết tụng*).

Hơn nữa không nên Bố tát sớm lắm (*vì sợ chúng Tăng đường xa đến chưa kịp*)

Nếu ông Tỳ Kheo ở một mình, nên đợi các ông khách Tỳ Kheo đến chung làm phép Bố tát. Nếu không khách đến ông có tội phải nghĩ như vậy : Nếu được Tỳ Kheo thanh tịnh, thì tội này ta sẽ y như pháp mà sám hối. Nghĩ như thế rồi tâm tưởng miệng nói : Bố tát (3 lần)

Nếu làm phép Bố tát đã xong, có ông khách Tỳ Kheo tới, khách ấy phải tùy hỷ mà nói: Trưởng lão đã làm phép Bố tát, tôi pháp danh... xin tùy hỷ. Nếu không tùy hỷ hãy ra ngoài Đại giới làm phép Bố tát, chớ chẳng lẽ ở trong một giới mà làm phép Bố tát hai lần. Nếu ông Tỳ Kheo trong khi đi xa, tới ngày Bố tát, thì ông ghé lại một chùa nào đó để làm phép Bố tát và sau khi Bố tát xong, không nên làm thình mà đi, phải dặn ông Sa Di, hoặc người giữ vườn, hoặc người chăn trâu rằng : “Có Tỳ Kheo khác đến, chú phải nói giùm cho ông biết : Trong đây có làm phép Bố tát rồi”. Nếu không có ai để dặn, thì viết chữ vào cột hay cánh cửa chùa, hoặc rải hoa

làm dấu. Ông sau có đến, phải hỏi và tìm dấu chớ không được vội làm phép Bố tát.

Nếu đi chung với người khách buôn tới ngày Bố tát, có cái nạn khủng bố. Người khách buôn lật đật đi; không đợi. Ta được phép đi theo, vừa đi vừa làm phép Bố tát.

Song, trước phải trừ tinh : Độ chừng bao nhiêu cây số mới tụng giới xong, hoặc dùng núi, hoặc dùng đá làm cây tràng nêu hay giăng tay đụng nhau làm Yết Ma kiết tiểu giới Bố tát rồi, vậy sau mới tụng giới Bố tát.

Nếu căn cứ trong Căn bản bộ, đến ngày Bố tát, đi giữa đường trống không làng, kiết tiểu giới mà tụng giới, đều không có tướng nêu bên ngoài.

Tức là dùng chỗ thân mình ngồi mà làm giới thể, nên trong văn Yết Ma nói rằng : Nay có bao nhiêu Tỳ Kheo nhóm đây kiết tiểu giới, nên biết rằng : Tiểu giới không có tướng ngoại, ở chỗ đi như vậy, chúng Tăng phải hòa hiệp nhóm một chỗ cùng nhau tụng giới.

Nếu chúng Tăng không được hòa hiệp tùy theo thiện hữu đồng thầy xuống bên đường nhóm lại một chỗ, làm phép Bạch nhị Yết Ma kiết tiểu giới, tụng giới, đây là vì nạn duyên nên mới cho. Nếu không có nạn duyên thì không cho.

Tụng giới rồi phải làm phép Bạch nhị Yết Ma giải tiểu giới mà đi. Tỳ Ni Mẫu kinh nói : Chẳng nên dùng tiếng ca ngâm mà tụng giới, phải dùng tiếng lời rành rẽ mà tụng giới.

Tiếng ca ngâm có 5 việc lỗi :

- 1.- Tâm đắm nhiễm tiếng đầy.
- 2.- Bị người đời chê cười.
- 3.- Đồng với người đời không khác.
- 4.- Ngăn bỏ việc tu hành.
- 5.- Ngăn pháp nhập định.

Trong bốn luật không cho tiếng ca thuyết pháp mà không cấm tụng giới, nghi là sót lắm.

Xét trong nghi thuyết pháp ban đầu cho, sau vì lỗi lầm liền không cho. Vì có năm điều lỗi lầm, rất đồng với Tỳ Ni Mâu kinh nói trên.

4.- NÓI LỜI TỰA GIỚI KINH

Chia làm hai :

- A/ Chính nói lời tựa
- B/ Kết hỏi

A/ Chính nói lời tựa

CHÍNH VĂN : *Thưa các Đại đức, tôi nay muốn tụng giới Ba La Đề Mộc Xoa các ngài lòng nghe, khéo nghĩ nhớ lấy.*

Nếu biết mình có phạm thì phải sám hối, còn như không phạm thì im lặng. Vì im lặng nên biết các ngài thanh tịnh. Nếu có hỏi cũng đáp như vậy. Như vậy, Tỳ Kheo ở trong chúng, nhẫn đến ba phen hỏi. Nhớ nghĩ : Có tội mà không sám hối phạm tội cố vọng ngữ.

Phật nói : “Cố vọng ngữ là phép ngăn đạo”.

Nếu Tỳ Kheo nhớ nghĩ mình có tội, muốn được thanh tịnh thì phải sám hối. Sám hối thì được an vui, không sám hối tội càng thêm nặng.

CHÚ GIẢI : “Các Đại đức ! Tôi nay nói giới Ba La Đề Mộc Xoa là gì ?”.

Lời đây là bảo trong chúng cho, biết thì giữ tụng giới sắp đến; mỗi người phải giữ gìn oai nghi nghiêm chỉnh ba nghiệp đừng cho tán loạn vậy.

Ba La Đề Mộc Xoa, Trung Hoa dịch : “Biệt giải thoát”. Nghĩa đã giải thích như trước.

Chữ XOA, dịch : “Bảo giải thoát”.

Nghĩa là : Giới này có năng lực bảo đảm người tu ra khỏi biển sinh tử vậy.

Các ngài lóng nghe là sao ? Là bảo : phải để ý kỹ, thiết rõ thâm nhập ngữ nghĩa, để thành pháp văn huệ vậy.

Khéo nghĩ nhớ lấy là gì ? Nghĩa là : Phải đúng như nghĩa, nghe rồi nhớ, nhớ tưởng đừng quên, để thành pháp tư huệ vậy.

Nếu biết mình có phạm là gì ? Nghĩa là : Nghe rồi nhớ, lựa chọn chữ nghĩa, tốt xấu tự hiện trong tâm, nên bỏ những điều bất thiện; lựa lấy những điều thiện mà tu hành để thành pháp tu huệ, nếu thành thời nước chính pháp thường rót vào tâm ta vậy.

Có phạm v.v... là sao ? Nghĩa là : Việc của mình phạm, chưa đối với thầy khác phát lồ sám hối.

Nay tự phải nói rõ tên tội đó, mới được nghe giới, chớ để thầy khác thưa, lại phạm thêm tội vậy.

Không phạm là gì ? Nghĩa là : Không phạm; hoặc phạm mà đã sám hối rồi.

Im lặng là sao ? Nghĩa là : Đã không phạm, thì phải nhất tâm vắng lặng mà nghe giới vậy.

Vì im lặng v.v... là thế nào ? Bởi các ngài im lặng, cho nên biết là thanh tịnh không tội vậy.

Nếu có ai hỏi cũng đáp như vậy là sao ? Là trong khi khác có thầy gạn hỏi cứ như thật mà đáp. Đây cũng phải như thật mà đáp.

Như Tỳ Kheo ở trong chúng, nhân đến ba phen hỏi là thế nào ? Chử Tỳ Kheo là chỉ cho ông phạm tội. Trong chúng là gì ?

Nghĩa là : Tăng chúng hiện tiền nghe giới.

Ba phen hỏi là gì ? Là khiến cho lời nói đầy đủ, không nhiều không ít. Ít thời người tối đốt khó nhận rõ. Người không hổ, chưa phát tâm thẹn mà sám hối. Nhiều thời nghe bắt chán sinh tâm mỗi mệt vậy.

Nhớ nghĩ v.v... là thế nào ? Nghĩa là : Do vị Thượng Tọa tụng giới, ba phen hỏi, nhớ biết có phạm mà không phát lồ, cho nên mắc tội cố vọng ngữ. Tuy yên lặng không nói, do vị hiện thân tướng, nên thành ngữ nghiệp.

Dầu trước có phạm, nhưng nay không nhớ biết, thì không phạm tội vọng ngữ. Mỗi lần hỏi tùy nhớ mắc tội, ba lần hỏi, ba lần nhớ, ba lần mắc tội,

Pháp ngăn đạo là sao ? Lời Phật nói : “Cổ vọng ngữ là pháp ngăn đạo”

Ngăn những đạo chi ? Nghĩa là : Ngăn các đạo : Thiên định, Tam muội, Tứ quả, Niết bàn.

Muốn được thanh tịnh là sao ? Nghĩa là : Muốn cầu cho thanh tịnh không tội, thì tự phải sám hối.

Chẳng phải sợ người cật hỏi trách phạt mới đứng ra mà sám hối.

Thanh tịnh có hai : 1.- Tịnh nhân. 2.- Tịnh quả.

NHÂN : Nghĩa là : Giới trong sạch.

QUẢ : Nghĩa là : Quả Niết bàn.

Muốn được quả Niết bàn phải giữ gìn giới trong sạch. Vừa có chút mảy tý vết móng ở trong tâm liền phải đào bới tróc gốc rễ ấy, đừng cho rậm rạp cây nhánh càng ngày sum sê trở thành bông uest mà mất trái tịnh giới vậy.

Sám hối được an vui là sao ? Là : Do phát lồ sám hối thì thân tâm vắng lặng, liền được các pháp : Thiên định, Tam muội, cho đến chứng quả vui Niết bàn.

B/ Kết hỏi

CHÍNH VĂN : *Thưa các Đại đức tôi đã nói lời tựa giới kinh rồi. Nay xin hỏi các Đại đức : Trong đây được thanh tịnh không ? (ba lần). Thưa các Đại đức :*

Trong đây thanh tịnh, vì đều im lặng việc này rõ như vậy.

CHÚ GIẢI : Lời tựa giới kinh là gì ? Đây là giềng mối của 250 giới kinh biệt giải thoát. Việc này biết rõ như vậy là sao ?

Việc này biết rõ là : Đã ba phen hỏi, chúng đều thanh tịnh, do vì thanh tịnh nên mới im lặng. Bởi vì chúng im lặng nên việc này tôi biết rõ như vậy, mới được phép tụng giới kinh.

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH
(HẾT QUYỂN NHẤT)

LUẬT TỬ PHÂN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

QUYỂN NHÌ

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu,
thầy Sa môn Thích Hoàng Tân,
hiệu Tại Tham (dịch).

B.- CHUNG BÀY GIỚI TƯỚNG

Chia làm tám :

- | | |
|--------------------|---------------------|
| 1.- Pháp Ba La Di | 2. Pháp Tăng tàng |
| 3.- Pháp Bất định | 4.- Pháp Xả đọa |
| 5.- Pháp Ba Dật Đề | 6.- Pháp Hồi quá |
| 7.- Pháp Chúng học | 8.- Pháp Diệt tránh |

1.- PHÁP BA LA DI (chia làm ba)

- a/ Nêu chung
- b/ Chia riêng
- c/ Kết hỏi

a/ NÊU CHUNG

CHÍNH VĂN : Thừa các Đại đức : Bốn phép Ba La Di này, rút trong Giới kinh, nửa tháng tụng một kỳ.

CHÚ GIẢI : Rút trong giới kinh là thế nào?

Nghĩa là : Bốn phép này, rút trong Kinh Biệt Giải thoát, chính đức Phật ngài đã nói, chớ không phải rút trong bộ sách khác và người khác nói (người khác là : Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát).

Ba La Di là gì ? Ba La Di gồm nhiều nghĩa, cho nên dịch có nhiều tên :

1.- Khí. Nghĩa là : Bỏ

2.- Tha thắng. Nghĩa là : Kia hơn.

3.- Vô dư. Nghĩa là : Không còn phương pháp nào để cứu chữa dù có phát lồ sám hối, cũng thành dư chuyện.

4.- Cực ác. Nghĩa là : Vì tội này quá nặng, không còn tội nào hơn.

5.- Đoạn đầu. Nghĩa là : Vì không còn sống trở lại.

6.- Đọa Phụ xứ. Nghĩa là : Nói thầy Tỳ Kheo thọ giới, muốn ra khỏi sinh tử, cùng bốn ma cộng chiến; nếu phạm giới này, thì liền bị thua nó. (*Bốn ma là : phiền não ma, ngũ ấm ma, tử ma và thiên ma*). Phạm giới này cũng như giống lúa bị rang, mặc dù gieo nơi ruộng tốt và thêm công bón tưới, nhưng không sinh được lúa hạt.

Người phạm giới này cũng như vậy. Mặc dù tinh tấn gia công cách mấy, rốt cuộc cũng không sinh được hạt lúa Đạo quả.

Lại nữa : Khi vừa phạm giới này, tức không phải Sa môn, không phải con Phật Thích Ca, mất tính Tỳ Kheo, trái hạnh Niết bàn đọa lạc sa ngã, bị người tịnh hạnh họ khinh khi đè nén. Lại nữa : Thầy Tỳ Kheo là con của vị Pháp vương, bị quân phi pháp kia đến hàng phục, chịu thua với nó, đã mất chỗ tôn quý cho nên gọi là : “Tha thắng” (*nó hơn*). Vì

không còn chỗ tôn quý, nên bỏ hẳn ra ngoài chúng thanh tịnh. không cho cùng với chúng Tăng tụng giới làm phép Yết Ma. làm phép Bố tát. Tất cả công đức thấy đều mất hết; cho nên nói rằng : “Khí” (bỏ) lược giải như thế.

b/CHIA RIÊNG

Giới thứ nhất BẤT TỊNH HẠNH

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo cùng Tỳ Kheo đồng giới, nếu không xả giới, giới ốm không tự ăn năn, phạm hạnh bất tịnh cho đến chung cùng loài súc sinh. Tỳ Kheo đó phạm Ba La Di không được ở chung.

CHÚ GIẢI : Đức Như Lai ra đời, trong 12 năm đầu, chúng đều thanh tịnh, chưa có sinh ra việc hữu lậu (việc vô nhiễm). Cùng các chúng Tăng vô sự (thanh tịnh) lược nói Giới kinh. Đến năm thứ 13, lần sinh việc hữu lậu.

Khi đó Phật ở nước Tỳ Xá Ly, trong thôn Ca Lan Đà, có người con ông Trưởng giả tên là Tu Đề Na, do tín tâm kiên cố, xuất gia học đạo. Sau đó bị bà mẹ khuyên dỗ, buộc ông phải có con để nối dòng. Túng thế ông cùng với vợ cũ ba phen làm hạnh bất tịnh, rồi ôm lòng lo rầu. Bạn đồng học thấy vậy hỏi duyên cớ ? Ông tự trần đúng sự thật; các Tỳ Kheo đem việc này thuật đủ với đức Thế Tôn. Bấy giờ đức Thế Tôn nhóm các Tỳ Kheo, dùng vô số phương tiện mà quả trách ông Tu Đề Na rằng : “Ông làm như thế là bậy lắm không phải oai nghi, không

phải Sa môn, không phải người tịnh hạnh, không phải hạnh tùy thuận, chuyện không nên làm”.

Vì sao ? Đang ở trong pháp thanh tịnh của ta, cho đến tâm ái hết, sẽ chứng Niết bàn, mà nay ông lại cùng với vợ cũ làm cái hạnh bất tịnh như thế !

Thà lấy cái Nam căn để vào miệng con rắn độc (*nó cắn một cái mà chết*), chớ không nên để trong Nữ căn.

Vì sao ? Do vì làm việc đó mà phải đọa trong đường ác. Nếu phạm người nữ, một khi mạng chết thì đọa trong ba đường ác. Ta dùng vô số phương tiện nói pháp Đoạn dục, là đoạn nơi lòng dục tưởng, diệt cái dục niệm, trừ hết cái dục nhiệt, mới được khỏi cái tâm ái kiết.

Ta dùng vô số phương tiện nói việc dâm dục : Cũng như lửa phồng, cũng như cầm đuốc mà đi ngược gió, cũng như trái cây sắp rụng, và cũng như sự cây mượn (*giả dối không thật*).

Vì như xương khô, cũng như cục thịt thúi, như việc thấy trong mộng, như đập nhằm mũi nhọn, như đi trên miếng Bén, như đồ đất mới nắn dựng nước để giữa trời, như đầu rắn độc, như lưỡi gươm quơ múa, như ở trên mũi nhọn, như gươm Bén xẻ thân, rất là nhơ nhớp.

Đức Phật quả trách, sau khi ngài quả trách rồi, liền nhóm chúng nói 10 câu nghĩa kiết giới cho các Tỳ Kheo.

Khi đó có ông Bạc Xà Tử Tỳ Kheo, ưu sâu không muốn tu tịnh hạnh nữa, mới trở về nhà cùng với vợ cũ làm những việc dâm dục.

Các Tỳ Kheo hay được bạch lên với Phật.

Phật quả : Người là người si, phạm Ba La Di không được ở chung với các Tỳ Kheo thanh tịnh.

Nếu Tỳ Kheo nào không muốn tu cái hạnh thanh tịnh nữa thì cho xả giới hườn gia, chừng nào muốn xuất gia tu tịnh hạnh trở lại, người đáng độ thì độ cho xuất gia, người đáng thọ đại giới, thì cho thọ đại giới. Do đây lại kết thêm câu: Giới bất hoàn (*không xả giới hoàn tục*), Giới ồm (*khuyết điểm*) không có tự ăn năn.

Lại có ông Tỳ Kheo nương trong rừng cùng với con khỉ cái chung nhau làm việc bất tịnh. Các thầy Tỳ Kheo hay, đem việc này bạch lên với Phật. Phật quả trách kia rồi mới kết thêm cho câu văn : Không nên cùng với loài súc sinh.

Nói : 10 câu nghĩa là gì ?

1.- *Nhiếp Thủ Ư Tăng*. Nghĩa là : Những thiện nam tín nữ trong thế gian có tâm tín, đi xuất gia thọ giới Cụ túc, ở trong chính pháp của đức Như Lai, được gồm thâu vào thành chúng thanh tịnh.

2.- *Linh Tăng Hoan Hỷ*. Nghĩa là : Ở trong pháp luật chân chính tu phạm hạnh thanh tịnh, khiến việc lành được tăng trưởng nên trong lòng thường hoan hỷ.

3.- *Linh Tăng An Lạc*. Nghĩa là : Do vì sự hoan hỷ, nên mới được cái quả vui Thiên định tịch diệt, cũng nhờ tu phạm hạnh thanh tịnh mới trả được cái nợ áo cơm của tín thí, tâm ta mới được an lạc (*vui sướng*).

4.- *Linh Vị Tín Giả Tín*. Nghĩa là : những người chưa được tin Phật, Pháp, thấy chư Tăng tu phạm hạnh thanh bạch đây, liền sinh tâm tịnh tín vậy (*tin một cách hết lòng*).

5.- *Di Tín Giả Linh Tăng Trưởng*. Nghĩa là : Vì người đã sinh lòng tin, phải khéo giữ cái tin kia cho được thêm nhiều.

6.- *Nam Điều Giả Linh Điều Thuận*. Nghĩa là: Có những người phạm giới không biết xấu hổ nên dùng giới luật này mà vì điều phục họ. Người đáng trị phạt thì trị phạt, người đáng đuổi thẳng thì đuổi thẳng, để cho yên chúng.

7.- *Tàm Quý Giả Đắc An Lạc*. Nghĩa là : Vì khiến những người tu phạm hạnh có biết Tàm quý, khỏi đem lòng nghi nan và hết sự tranh luận, được ở yên tu hành.

8.- *Đoạn Hiện Tại Hữu Lộ*. Nghĩa là : Vì hiện mắc cái tâm phiền não, làm cho không tu hành được.

9.- *Đoạn Vị Lai Hữu Lộ*. Nghĩa là : Những phiền não chưa sinh, làm sao đừng cho nó sinh, và nếu phiền não sinh lỡ ra rồi, thì ta hãy cương quyết đoạn cho tới nguồn tới gốc.

10.- *Chánh Pháp Đắc Cửu Trụ*. Nghĩa là : Do vì giữ gìn phạm hạnh, thì nên chánh giáo đức Như Lai được còn mãi mãi giữa thế gian vậy.

Mười món công đức đây ở trong mỗi giới đều có, cho nên trong mỗi giới đều hay sinh ra 10 món công đức như :

1.- Niếp Thủ Ư Tăng v.v...

Ở trong mỗi công đức hay sinh ra 10 món chánh pháp : Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, cả năm căn và ba món thiện căn : không Tham, không Sân, không Si; với hai món lành của Thân và Khẩu nhiếp.

Như vậy 250 giới, hiệp thành hai vạn năm nghìn biển phước.

Lại trong bộ Kiền Độ, đức Như Lai kết các giới, mỗi giới đều hay sinh ra 10 món công đức chánh pháp, bèn thành ra vô lượng biển phước. Do vì biển phước này thường chảy, hằng thời giặt rửa các tâm phiền não : Kiết sử, Cấu uế; hay khiến người tu hành ra khỏi đường sinh tử, phước đức và trí tuệ đầy đủ vậy.

LUẬN HAI CHỮ TỖ KHEO

Tỳ Kheo có tám hạng :

1.- *Danh tự Tỳ Kheo*. Nghĩa là : Người thế gian họ đặt cái tên, kêu là ông Tỳ Kheo, chữ không phải Pháp chúng xuất gia, thọ giới Tỳ Kheo đường hoàng.

2.- *Tương tự Tỳ Kheo*. Nghĩa là : Có người cạo bỏ râu tóc, mà không chịu thọ giới của Phật, hình

mạo oai nghi, đi đứng làm bộ tĩnh táo giống hết như Tỳ Kheo, nhưng cũng không phải Pháp chúng, đó là mấy ông Cư sĩ trọc đầu.

3.- *Tự xưng Tỳ Kheo*. Nghĩa là : Tự cạo bỏ râu tóc, rồi mặc áo Ca Sa trà trộn trong chúng Tăng, tự xưng rằng : “Ta là Tỳ Kheo”. Đấy gọi là người Tặc Trụ : thằng giặc ở trong Phật pháp, cần phải diệt tận đuổi ra đứng truyền giới cho nó.

4.- *Thiện lai Tỳ Kheo*. Nghĩa là : Khi Phật còn ở đời có người tu được chứng quả vô học, đi đến chỗ Phật. Đức Như Lai kêu rằng : “Thiện lai Tỳ Kheo, ráng tu phạm hạnh để mà diệt cho hết cái nguồn khổ”. Tức thời râu tóc tự rụng. Y Ca sa dính vào mình thành tính Tỳ Kheo.

Hạng này chính từ miệng Phật mà đắc giới. Nếu không phải hạng này không đắc vậy.

5.- *Khất cầu Tỳ Kheo*. Nghĩa là : Như các ngoại đạo, người thế tục khi tới người xin ăn, cũng tự xưng rằng : “Ta là Tỳ Kheo”. Thế gọi là : Tỳ Kheo khất cầu, chớ không phải Pháp chúng.

6.- *Các tuyệt y Tỳ Kheo*. Nghĩa là : Ba Y của Tỳ Kheo cắt rọc từng miếng may lại và nhuộm màu hoại sắc mà mặc, như bọn ngoại đạo, người thế tục có người mặc y này cũng xưng là Tỳ Kheo, nhưng không phải phép chúng xuất gia vậy.

7.- *Phá Kiết sử Tỳ Kheo*. Nghĩa là : Tất cả phiền não đều gọi là kiết sử, nó kết buộc chúng sinh, làm cho chúng sinh phải trôi lăn trong ba cõi; nếu người xuất gia hoặc đủ hai mươi tuổi, hoặc dưới hai mươi

tuổi mà có thể đoạn được các thứ phiền não ấy, thì chứng quả A La Hán, liền gọi là được Cụ túc giới.

8.- Thọ đại giới bạch bốn lần Yết Ma, như pháp thành tựu đắc xứ sở Tỳ Kheo. Nghĩa là : Có người thiện nam trông cầu giới Cụ túc phát tâm cao thượng ái mộ quý trước chúng Tăng ba phen cầu khẩn. Chúng Tăng mới bạch từ một đến ba lần Yết Ma làm phép kiết giới truyền giới như pháp thành tựu cứu cánh viên mãn thành tánh Tỳ Kheo, nên gọi là thọ Đại giới bạch tứ Yết Ma như pháp thành tựu, đắc xứ sở Tỳ Kheo; ở trong pháp Tỳ Kheo ông này mới đúng nghĩa Tỳ Kheo.

Theo trong văn này chỉ đề cập đến ông Tỳ Kheo thu tám, vì có Kiết giới đủ Thập sư bạch tứ Yết Ma Tỳ Kheo. Còn ông Thiện lai và ông Phá Kiết sử thì có giới đức tự nhiên hằng khỏi những tội lỗi phá giới cấm, vì phiền não đã đoạn, phạm hạnh đã lập; ngoài ra năm ông kia thì hình tướng tuy đồng cũng mang chuỗi, cũng cạo râu ra tướng Đại sư, nhưng kỳ thật là Cư sĩ trọc đầu chớ không phải Pháp chúng xuất gia, nên trong Luật không để vào hàng giới cấm vậy.

Cùng các Tỳ Kheo đồng giới là gì ? Như các hàng Tỳ Kheo thọ đồng giới, bạch bốn lần Yết Ma, được xứ sở, ở trong phép Tỳ Kheo, thế gọi là cùng các Tỳ Kheo đồng giới.

Thế nào là đồng giới ? Nghĩa là : cùng các Tỳ Kheo, đồng một lòng vâng giữ giới luật. Thà chết chớ không phạm, già trẻ đồng học, đều không có khác. Dù cho ông thọ giới trước 100 năm, nhưng cái giới

ông được học (250 giới), cùng với ông mới thọ giới, sự học giới (250 giới) cũng in nhau... Và ông mới thọ giới, sự cần học (250 giới) cùng Tỳ Kheo thọ giới đã 100 năm..., chỗ học giới ấy cũng không khác. Nên nói ở trong các giới pháp, Trì, Phạm, Oai nghi, cũng đều đồng nhau, nên gọi là đồng giới.

Câu không xả giới là gì ? Là giới không xả vậy. Nghĩa là : Nếu Tỳ Kheo không ưa tu tịnh hạnh nữa, thì luật cho xả giới về nhà làm ăn, chường nào muốn xuất gia tu phạm hạnh lại, thì luật cũng rộng dung cho xuất gia thọ giới lại (*chỗ này nên chú ý : thọ giới sau phải ngồi sau*).

Tại sao trong đây có cái giới xả thành xả, mà cũng có cái giới xả không thành xả ?

Vì sao gọi là xả giới không thành xả ? Hoặc điên cuồng, hoặc tâm loạn, hoặc thống não (*đau màng óc*), hoặc phiền não ràng buộc, hoặc căm, hoặc điếc; hoặc đối với người điên cuồng, cho đến người căm, điếc mà xả giới (*vì không nghe hiểu cái tiếng nói, nên dù xả cũng không thành xả*).

Hoặc người trung quốc đối với người biên địa, hoặc người biên địa đối với người trung quốc, do vì không hiểu tiếng nói của nhau, nên xả cũng không thành xả.

Hoặc không thanh tịnh, tưởng thanh tịnh, hoặc thanh tịnh tưởng không thanh tịnh, hoặc giỡn cười, hoặc đối với các vị : Thiên Long, Quỷ thần, người ngủ, người chết, người vô tri, hoặc mình không

nói hoặc nói mà người không hiểu, như thế v.v... đều không gọi là xả giới.

Thế nào gọi là xả giới thành xả ? Nếu Tỳ Kheo chán phép Tỳ Kheo, bèn tới trước người không phải sám, điếc như trên, nói như vậy : “Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ Hòa Thượng, bỏ A Xà Lê, bỏ các phạm hạnh, bỏ luật, bỏ các việc học, thọ pháp Cư sĩ, tôi làm tịnh nhân, tôi làm Ưu bà tắc, tôi làm Sa Di, tôi làm người ngoại đạo, tôi làm đệ tử của ngoại đạo, tôi chẳng phải Sa môn, chẳng phải Thích tử”.

Hoặc nói như vậy : “Tôi thôi không dùng Phật, Phật đối với tôi không có ích chi, xa lìa chỗ Phật, như vậy nhần đến bỏ việc học v.v... cũng như vậy”.

Hoặc nói lời khác như là : Phật Pháp Tăng nhần đến chê việc học v.v... Lại khen việc nhà, nhần đến nói tôi chẳng phải Sa môn, chẳng phải Thích tử.

Như vậy, tùy nói một lời nào, nói mà rõ ràng đấy; liền thành nghĩa xả giới.

Giới ốm, chẳng tự ăn năn là gì ? Nghĩa là : Ở trong giới pháp của Như Lai, không thể giữ được tâm sinh nhàm chán, gọi là Giới ốm.

Trong lòng buồn rầu, mà không nói ăn năn đấy, gọi là chẳng tự sám hối.

Trong đây hoặc có giới ốm chẳng thành giới xả, hoặc có giới ốm thành xả giới.

Thế nào gọi là giới ồm chẳng thành xả giới ?

Như thầy Tỳ Kheo buồn rầu, không ưa tịnh hạnh, nhằm việc các Tỳ Kheo, ý muốn ở nhà, nhẫn đến việc ngũ dục lạc, làm hạnh chẳng phải Sa môn, chẳng phải Thích tử. Liền nói như vậy : Tôi nhớ cha, mẹ, anh em, chị em, vợ con, làng xóm, thành ấp, ruộng, vườn v.v...

Tôi muốn bỏ Phật, Pháp, Tăng, nhẫn đến bỏ việc học v.v... Liền muốn giữ gìn gia nghiệp, nhẫn đến hạnh chẳng phải Sa môn, chẳng phải Thích tử. Ông chỉ thốt những lời nói như vậy :

Nhưng chưa nhất định nói với người khác (*nói cho chúng biết*), thế gọi là giới ồm, chớ chẳng thành xả giới.

Thế nào giới ồm mà thành xả giới ? Nếu thầy Tỳ Kheo buồn rầu chẳng ưa phạm hạnh, nhằm việc của Tỳ Kheo, suy nghĩ như vậy : Tôi muốn xả giới tức thành xả giới. Thế gọi là : Giới ồm mà thành xả giới.

Tát Bà Đa Luận nói :

Nghĩa là : Khi xả giới không có người xuất gia, hoặc được người Cư sĩ, hoặc là đệ tử của Phật hay không phải đệ tử của Phật. Nhưng khiến cho người nghe hiểu lời nói với nhau, cũng được xả giới, nói một lần liền xả, chẳng cần nói đến ba lần.

Nghĩa là : Khi thọ giới như người vào biển tìm ngọc báu, dùng vô lượng vô số phương tiện mới được, nên phải cầu tam sư thất chứng. Còn khi xả giới như mất ngọc báu. Như : trộm, cướp, nước, lửa,

trong giây phút tiêu tan mất. Cũng như ở trên cao rớt xuống, nên đối với một người liền xả được.

Trong Ma Đắc Lạc Già Luận nói : “Không cho ở trước Sa Di, ngoại đạo và Cư sĩ mà xả thì không thành xả”.

Phạm hạnh bất tịnh là gì ? Chữ phạm nghĩa là : Cố tâm làm chớ chẳng phải bị nạn ép buộc tâm không thọ vui, cũng không phải việc trong chiêm bao. Trong đây trái phạm là thân nghiệp làm quấy.

Chữ hạnh bất tịnh là : Việc dâm dục; do hạnh này nhiễm ở trong lòng dạ, trái ngược đạo thánh và sai hẳn Niết bàn.

Những đến cùng loài súc sinh là gì ? Nghĩa là : Từ trên Người, Trời, Quý, Thần, dưới đến cùng loài súc sinh làm việc xấu xa, những người có thể hành dâm, tức là phạm.

Ba La Di là sao ? Như người bị chặt đầu, không còn sống lại. Thầy Tỳ Kheo phạm giới này, không còn thành Tỳ Kheo nữa, nên kêu là Ba La Di; còn bao nhiêu nghĩa nữa, như trước đã giải.

Không được ở chung là sao ? Nghĩa là : Phải diệt tận, chẳng được cùng với chúng Tăng ở chung :

1. Đồng làm một pháp Yết Ma.
2. Đồng một chỗ tụng giới, không được ở trong hai việc này, nên kêu là : Chẳng được ở chung.

Trong thể thức phạm tội ấy là sao ? Nghĩa là : Thầy Tỳ Kheo có tâm dâm với tất cả người,

chẳng phải người, loài súc sinh, nam, nữ, hai hình, huỳnh môn, ở trong đường đại tiện, tiểu tiện và cái miệng, vào chùng mảy lông, thì phạm tội Ba La Di. Phương tiện mà không vào, phạm tội Thâu Lan Giá (*Thâu Lan Giá, Trung Hoa dịch là : Thô tội*).

Nói đối với cảnh có thể hành dâm như trên, lấy vật bao cách vào vật có cách, đem cái có cách vào cái không cách, đem cái không cách vào cái có cách, đem cái không cách vào cái không cách, đều phạm tội Ba La Di.

Nếu bị kẻ oan gia ép bức, đem cái nam căn vào ba chỗ. Khi mới vào, khi vào rồi, khi ra, ở trong ba khi này, tùy có một khi nào sinh lòng thọ vui, liền phạm tội Ba La Di.

Nếu oan gia ép bức trong đường đại tiện, Tỳ Kheo làm hạnh bất tịnh ở trong ba thời, tùy có một thời thọ vui thì phạm Bốn tội.

Nếu khi ngủ, cái nam căn nổi lên, người khác ở trên làm dâm dục, tự mình không hay biết thì không phạm.

Người chưa lia lòng dục, có năm nhân duyên khiến cho nam căn khởi lên :

- 1.- Là Đại tiện gấp
- 2.- Tiểu tiện gấp
- 3.- Bệnh phong
- 4.- Loài trùng cắn
- 5.- Có tâm dâm dục.

Nếu người đã lia tâm dục, thì không có một món sau.

Nếu cầm cái căn của người đem để vào miệng của mình, hoặc đem cái căn của mình để vào trong miệng của người, mà thọ vui, phạm Bốn tội.

Nếu dạy Tỳ Kheo khác làm, thì người dạy phạm Thô tội. còn người vâng dạy phạm Bốn tội. Dạy mà người không làm, thì người dạy phạm Đột Kiết La (*Trung Hoa dịch là Ác tác*)

Nếu bị kẻ oan gia ép bức, nơi tử thi chưa hoại, hoặc phân nhiều chưa hoại, cho vào thọ vui, thì mắc Bốn tội.

Hoặc hoại phân nửa, hoặc hoại phân nhiều, hoặc xương, hoặc hình tượng người nữ, hoặc hang đất, lỗ bùn, miệng bình, hoặc là các lỗ trong thân, đều phạm Thô tội.

Nếu đường (*đường đại tiểu*) tưởng là đường, hoặc lại sinh nghi, hoặc tưởng không phải đường đều mắc Bốn tội. Nếu chẳng phải đường, tưởng là đường, hoặc nghi, mắc Thô tội.

Phải biết rằng : Thầy Tỳ Kheo phương tiện tìm cách muốn làm việc phi pháp, thành rồi, mắc Bốn tội. Còn chưa thành phương tiện thì Thâu Lan Giá.

Từ ban đầu mới phương tiện sửa y, những đến chưa chạm tới thân sắp trở lại, thì mắc tội Ác tác.

Nếu thầy Tỳ Kheo có lòng tin giới và sợ tội lỗi, mà bị phiền não ép bức làm điều phi pháp, mà không có một chút tâm che giấu, buồn tủi, khóc lóc, không muốn bỏ lia Pháp phục; cho đối với chúng Tăng ba phen cầu xin. Chúng Tăng làm phép Bach

tử Yết Ma cho học giới, trọn đời thuận làm theo 35 việc...

Hoặc khi chúng Tăng tụng giới và làm phép Yết Ma, ông đến hay là không đến, chúng Tăng không lỗi.

Nếu Tỳ Kheo Ni phạm lỗi này cũng mắc tội Ba La Di.

Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni, mắc tội Đột Kiết La Diệt tẩn. *(Ba giới sau tứ chúng mắc tội cũng đồng đây, chớ không nói riêng nữa).*

Thế thức không phạm : – Tâm không thọ vui, tất cả không có ý dâm dục và khi tối sơ Phật chưa lập giới, người si, cuồng, tâm loạn, thống não ràng buộc.

Tối sơ là sao ? Nghĩa là : Trước khi ban đầu Phật chưa lập giới, như ông Tu Đề Na v.v...

Cuồng, si là gì ? Hoặc là bà con chết, hoặc mất của cải, hoặc thân tử đại bệnh, hoặc nghiệp báo đời trước cho nên điên cuồng.

Tâm loạn là sao ? Hoặc bị thần phi nhân quấy rối, hoặc thân tử đại bệnh và nghiệp báo đời trước.

Thống não là gì ? Hoặc bị bệnh : phong, hàn, nhiệt v.v... khiến cho tâm đau đớn ép ngặt.

Những bệnh như vậy đều làm cho ta mất bản tính, chẳng biết đông tây, như sạch, ở nơi tự thân không tưởng mình là Tỳ Kheo, cho nên không phạm.

Sắp về sau, các giới đều có bốn phép này, không thành việc phạm, so sánh đây nên biết, đều không nói lại nữa.

Song, giới này cần phải đủ bốn việc mới thành ra phạm :

1.- Là chân thật Tỳ Kheo.

Nghĩa là : đúng như pháp mà đặc giới.

2.- Là đủ cả tình cảnh.

Nghĩa là : Người cần không hoại, chẳng phải phi nhân và loài súc sinh.

3.- Là vào chừng quá mảy lông.

4.- Là tâm biết thọ vui là như đói được ăn, như khát được uống. Còn chẳng thọ vui, như ăn đồ phần ế và như sắt nóng hập thân. Đủ bốn duyên này, thì phạm Ba La Di cứu không được.

Nếu có tâm tin giới và sợ hãi, tâm không che giấu phạm Ba La Di, nhưng có thể sám hối được. Cho học (35 việc) là học giới. Cho học giới rồi, nếu còn phạm giới trọng nữa, thì phải diệt tận.

Tát Bà Đa Luận nói : Khi mới phạm một giới, thì đã đập bể đồ đựng Đạo, gọi là Ba La Di. Sau khi có giết người, phạm Đột Kiết La; thật tuy tội nặng, nhưng không có tên Ba La Di, vì không còn đồ đựng Đạo nữa.

Mẫu kinh nói : Cho học rồi gọi là : Thanh tịnh trì giới, song một kiếp này chẳng được ra khỏi đường sinh tử, nhưng mà khỏi đọa vào địa ngục.

Xét trong Căn Bản bộ. – Ba chúng dưới cũng cho học nói 35 việc :

- 1) Chẳng được truyền giới Cụ túc cho người.
- 2) Chẳng được cho người y chỉ.
- 3) Chẳng được nuôi Sa Di.
- 4) Nếu sai đi giáo giới Tỳ Kheo Ni, thì không được thọ lãnh.
- 5) Dầu có sai, không nên ai dèn đó mà dạy bảo.
- 6) Chẳng được vì Tăng mà tụng giới.
- 7) Chẳng được ở trong chúng Tăng mà vấn đáp Tỳ Ni.
- 8) Chẳng được thọ Tăng sai làm thầy Tri sự.
- 9) Chẳng được thọ Tăng sai bình luận đoán việc.
- 10) Chẳng được thọ Tăng sai làm người Sứ mệnh.
- 11) Chẳng được sớm vào tụ lạc tối mới về.
- 12) Phải nương gấn thầy Tỳ Kheo.
- 13) Chẳng được lân la với người ngoại đạo và người đời.
- 14) Phải thuận theo phép của Tỳ Kheo.
- 15) Chẳng được nói việc thế tục.
- 16) Chẳng được ở trong chúng tụng luật, nếu không ai tụng được thì cho.
- 17) Không được phạm lại tội này nữa.
- 18) Các tội khác cũng không nên phạm, hoặc tội tương tợ; hoặc từ tội đó mà sinh ra (*tùng sinh*) hoặc nặng hơn tội này.
- 19) Chẳng được chê chúng Tăng làm pháp Yết Ma.
- 20) Chẳng được chê người làm Yết Ma.
- 21) Chẳng được thọ thầy Tỳ Kheo thanh tịnh trái tòa cho mình ngồi.
- 22) Chẳng được thọ thầy Tỳ Kheo thanh tịnh mức nước mình rửa tay, chân.

- 23) Chẳng được thọ thầy Tỳ Kheo thanh tịnh bưng nước mình dùng (uống)
- 24) Chẳng được để thầy Tỳ Kheo thanh tịnh lau giày, guốc.
- 25) Chẳng được thọ Tỳ Kheo thanh tịnh thoa chà nơi thân.
- 26) Chẳng được thọ Tỳ Kheo thanh tịnh lễ bái.
- 27) Chẳng được thọ Tỳ Kheo thanh tịnh rước đũa.
- 28) Chẳng được thọ Tỳ Kheo thanh tịnh thừa xá.
- 29) Chẳng được thọ Tỳ Kheo thanh tịnh cầm y.
- 30) Chẳng được thọ Tỳ Kheo thanh tịnh bưng bát.
- 31) Chẳng được cử tội Tỳ Kheo thanh tịnh làm phép nhớ nghĩ, tự nói sám hối.
- 32) Chẳng được chứng việc chính của người.
- 33) Chẳng được ngăn Tỳ Kheo thanh tịnh tụng giới.
- 34) Chẳng được ngăn Tỳ Kheo thanh tịnh Tự tứ.
- 35) Chẳng được cùng Tỳ Kheo thanh tịnh cãi lầy.

Thập Tụng Luật nói : “Tất cả giới của Phật kiết phải vâng làm và phải ngồi rốt sau hàng của Đại Tỳ Kheo. Chẳng được ngủ chung phòng với Đại Tỳ Kheo quá ba đêm. Tự ông không được ngủ chung với người chưa thọ Cụ túc giới quá hai đêm; được với chúng Tăng làm phép Tự tứ; làm phép Bố tát”.

Hai phép Yết Ma này chẳng được tính đủ số, còn các pháp Yết Ma khác chẳng được làm, nhưng được thọ tuổi hạ.

Tăng Kỳ Luật nói : “Đồ ăn bất tịnh của Tỳ Kheo, ông ăn cũng bất tịnh; đồ ăn bất tịnh của ông, Tỳ Kheo ăn cũng bất tịnh. Được với Tỳ Kheo làm

phép dư thực, trừ ra năm thứ sống hỏa tịnh và vàng, bạc, phải từ ông Sa Di mà thọ”.

Giới thứ hai CHẲNG CHO MÀ LẤY.

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, hoặc ở xóm đông nhà, hoặc chỗ vắng vẻ, người không cho lòng gian mà lấy, tùy theo phép không cho mà lấy, hoặc bị vua, quan đại thần bắt được, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi ra khỏi nước. Nói : ông là giặc, ông là si, ông không biết chi. Tỳ Kheo đó phạm Ba La Di tội, không được ở chung.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá trên núi Linh Thứu, khi đó có ông Đản Ni Ca Tỳ Kheo, bị ông tiều đốn củi phá nhà tranh của ông, ông mới nhồi đất lấy củi đốt, làm nhà toàn bằng ngói gạch, Phật cấm (không cho), dạy chúng Tăng đập phá, ông lại đi đến nói gạt quan giữ cây cho vua, lấy thứ cây tốt của vua Bình Sa Vương để dành, quan đại thần tâu với vua.

Vua nghĩ : Không nên vì chút ít cây mà giết mạng người xuất gia, mới quả trách rồi thả đi.

Các thầy Tỳ Kheo đem việc này bạch với Phật, Phật hỏi các vị Tỳ Kheo : Theo phép của vua, người trộm vật đáng bao nhiêu bị xử tử.

Các Tỳ Kheo bạch rằng : “Nếu lấy từ năm tiền, hoặc vật cân xứng năm tiền thì xử tử”. Phật liền y theo pháp của vua mà kết giới. Trộm đủ năm tiền thì phạm Ba La Di.

Hoặc ở xóm đông là gì ? Nghĩa là : Ở chỗ người thường ở trong thành, hào, rào, tường.

Hoặc chỗ vắng vẻ là gì ? Nghĩa là : Ở ngoài rào tường của làng, không có xóm, chỗ đất trống.

Người không cho đem lòng gian lấy là sao ?

CHẲNG CHO : Nghĩa là : Chẳng phải người trao cho.

LÒNG GIAN LẤY : Nghĩa là biết vật đó của người, móng lòng lên lấy đem về cho mình, chẳng phải tưởng tạm dùng, chẳng phải tưởng bà con đồng ý mà lấy.

Không cho mà lấy là sao ? Nghĩa là : Đủ 5 tiền, hoặc hơn 5 tiền, hay vật đáng giá 5 tiền (*phép ở nước Xà Vệ, trộm 5 tiền sắp lên liệt vào tội xử tử*).

Phật y theo phép đó, chung lập Luật trong Châu Thiệm Bộ chỗ có Phật pháp, hạn chừng 5 tiền phạm tội trọng.

Nếu nước không dùng tiền, so sánh vật đáng 5 tiền thì phạm tội.

Thập Tụng Luật nói : “Một đồng tiền lớn đáng 16 đồng tiền nhỏ; đây thì trộm đủ 80 đồng tiền nhỏ thì thành tội trọng”. (*Phép toán của biên tập : 1 đồng tiền lớn có 16 đồng tiền nhỏ. Trong 80 đồng tiền nhỏ đây, có mấy lần 16, thì sẽ có mấy đồng tiền lớn. Nghĩa là : $80 : 16 = 5$*).

Căn Bản Luật nói : “Đủ 5 cái Ma sái thì phạm tội trọng”. Ma sái là tên số, một cái Ma sái có 80 cái Bối xỉ, 5 cái Ma sái cộng thành 400 cái Bối xỉ.

(Mỗi cái có 80 cái Bối xỉ, 5 cái Ma sát, có 5 lần 80 cái Bối xỉ nhiều hơn).

Nghĩa là : $80 \text{ Bối xỉ} \times 5 = 400 \text{ Bối xỉ}$.

Một lượt lia chỗ, mới phạm tội trọng. Cái Bối xỉ cũng gọi là Bối tử, tục gọi là Yếm biết loa, lại cũng gọi là Hải ba (là con ốc nhỏ ngoài biển). Đời thượng cổ rất quý trọng, dùng đem đổi đồ báu. Nay có chỗ cũng còn dùng ốc biển để làm tiền.

Vua là ai ? Là ông chủ trong nước.

Đại thần là chi ? Là người lãnh sự trong nước và quan Phụ tướng trong nước.

Bất : Nghĩa là : Cầm giữ.

Giết : Nghĩa là : Dùng dao, gậy v.v... làm chết mạng sống của chúng sinh.

Trói : Nghĩa là : Gông, trăn, cùm, xiềng xích v.v...

Đuổi ra khỏi nước v.v... là sao ? Nghĩa là : Đuổi ra ngoài biên giới của nước, các việc này đều là vua, quan không tin Phật, Pháp, tâm lượng hẹp hòi, sinh lòng bất nhẫn, cho nên dùng phép trị phạt như vậy.

Nếu vua, quan, tin kính, thì chỉ dùng lời nói quở trách như sau :

Ông là giặc là gì ? Nghĩa là : Lia việc lành và tâm vô ký, giữ theo niệm ác, nên kêu là tặc, do ngu si không biết chi, nên làm những việc ác đó.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Hoặc tự lấy, hoặc bảo người lấy, hay xúi người tìm cách lấy, có lòng gian khởi phương tiện.

Vật có chủ, tưởng là có chủ; hoặc vật trọng đáng 5 tiền, lấy khỏi chỗ cũ, tưởng là của mình, khi mới lia chỗ thì phạm Ba La Di.

Hoặc phương tiện muốn lấy, mà lấy không được. Nhẫn đến khi chạm đến vật ấy, lay động xoay lăn ngã nghiêng phạm Thô tội. Nếu lia chỗ cũ tưởng là của mình, rồi đem trả lại chỗ cũ cũng phạm Bốn tội.

Nếu thấy vật của người đáng giá 5 tiền. Nghĩ rằng : Rồi sẽ trộm lấy, sau ăn năn không lấy, phạm Thô tội.

Tát Bà Đa Luận nói : “Người không cho mà lấy, hoặc có thứ không cho mà lấy, chẳng phải là Tặc. Như lấy vật có chủ, nói là không chủ; hoặc là Tặc”.

Nghĩa là : Chẳng phải chẳng cho mà lấy, như trong chúng Tăng cho ba cái bánh, mà lòng gian lấy bốn cái. Lại như vật không chủ tưởng là có chủ mà lấy; ấy là tặc. Chẳng phải chẳng cho mà lấy : Một là do người cho, hai là vật không chủ.

Hoặc là Tặc, cũng không cho mà lấy, như lòng gian lấy vật có chủ. Hoặc chẳng phải tặc, chẳng phải chẳng cho mà lấy, như không có lòng gian, lấy vật không chủ.

Nói chỗ : Hoặc ở dưới đất.

Nghĩa là : Các vật, bầy báu chôn giấu dưới đất.

Hoặc ở trên đất, như chỗ nương :

Nghĩa là : Cửa để trên tượng, ngựa, xe cộ v.v...

Hoặc chỗ gánh :

Nghĩa là : Ở trên đầu, trên vai, lưng, ôm trước ngực, các chỗ gánh, trên gánh có bầy báu các vật.

Hoặc ở trên hư không :

Nghĩa là : Gió thổi vật của người trên hư không và các loài chim v.v...

Hoặc ở trên :

Nghĩa là : Ở trên cây, trên tường, rào, nọc, sào y và trái đồ ở trên giường nệm gối.

Hoặc ở trong làng, hoặc ở chỗ vắng vẻ :

Nghĩa là : Ngoài làng có chủ, trên đất trống có bầy báu và những vật cần dùng, hoặc dùng phương tiện phá đất trống của người, hoặc nương theo sức mạnh của bà con, hoặc dùng lời biện luận đối gạt mà lấy, khi mới lấy được phạm Ba La Di.

Hoặc trong ruộng :

Nghĩa là : Lúa, bắp, mía, các vật trong ruộng, có đồ bầy báu các thứ, hoặc dùng phương tiện phá hư ruộng của người ta, nhẫn đến đối gạt mà lấy.

Hoặc ở chỗ :

Nghĩa là : Trong nhà, trước chợ, quán, vườn, ao, trước sân, sau nhà và các chỗ khác v.v...

Hoặc chỗ ghe, chỗ nước :

Nghĩa là : Người giấu đồ dưới nước, hoặc cá, trạnh, hoa sen v.v... những vật có chủ.

Hoặc lên qua ải không đóng thuế :

Phép của Tỳ Kheo không đóng thuế, hoặc người đời có vật phải đóng thuế, mà Tỳ Kheo đem lòng gian vì người đem vật qua, hay quăng cho khỏi ải, hoặc giấu cất đi, hoặc biện luận dối gạt, hoặc dùng chú thuật đi qua, nếu đúng 5 tiền hoặc hơn 5 tiền, phạm Bốn tội.

Hoặc lấy vật của người tin gửi :

Nghĩa là : Thọ vật của người tin gửi, rồi đem vật dời đi vì lòng gian, ở trên đầu đời để dưới vai, hoặc là ở vai dời lên đầu. Từ vai hữu dời qua vai tả, những đến tả hữu dời lẫn nhau, hoặc ôm ở trong lòng, hoặc để dưới đất.

Thiện Kiến Luật nói : “Nếu lãnh vật của người gửi, chủ trở lại lấy đáp rằng : Tôi không có lãnh đồ của ông gửi”, thì phạm Ác tác. Làm cho người chủ hồ nghi, phạm Thâu Lan Giá.

Chủ vật nói : “Tôi mất vật đó”, thì phạm Ba La Di.

Hoặc lấy nước :

Nghĩa là : Chum lớn, nhỏ và các đồ đựng nước, hoặc nước thơm, nước thuốc, những đến trộm nước ruộng của người, hoặc vì người lên khai nước ruộng, hoặc có thù oán với người, khai bỏ nước ruộng của người, đáng 5 tiền phạm Bốn tội.

Hoặc trộm cây dương chi (hoặc một cây, hoặc hai cây, những đến một bó, một vác).

Hoặc chỗ vườn :

Nghĩa là : Tất cả cỏ cây, rừng bụi, hoa trái, những đến vạt có chủ.

Hoặc chúng sinh không chân, 2 chân, 4 chân, nhiều chân.

Hoặc cửa cải chung :

Nghĩa là : Trộm được cửa cải đồng chia nhau.

Hoặc ước hẹn với người :

Nghĩa là : Dạy người đi trộm lấy cửa cải để cùng chia.

Hoặc rình (chờ đồng lōa) :

Nghĩa là : Tự đi xem chừng, người kia được vật sẽ chia cùng nhau.

Hoặc giữ gìn :

Nghĩa là : Từ ngoài được cửa đem về, tôi sẽ giữ gìn, nếu được vật sẽ chia ăn cùng nhau.

Hoặc coi đường :

Tôi sẽ coi đường, nếu có ai đến sẽ báo cho nhau, có được vật chi sẽ chia cùng nhau.

Các chỗ như trên có 7 báu và những vật cần dùng thuộc có chủ, đem lòng gian lấy, giá đáng 5 tiền sắp lên phạm Bốn tội.

Phương tiện muốn lấy, mà lấy không được, phạm Thô tội.

Phương tiện tìm 5 tiền sắp lên, mà được dưới 5 tiền, phạm Thô tội.

Tìm dưới 5 tiền mà được 5 tiền, phạm Ba La Di; tìm dưới 5 tiền được, thì phạm Thô tội. Không được, phạm Ác tác.

Người dạy tìm 5 tiền sắp lên mà được, thì cả hai người đều mắc Bốn tội. Còn không được, thì hai người đều mắc Thô tội.

Người dạy tìm dưới 5 tiền mà được 5 tiền; người lấy mắc Bốn tội, người dạy mắc Thô tội; còn không được thì cả hai mắc Ác tác.

Dạy người tìm 5 tiền sắp lên, người thọ dạy lấy vật khác hoặc lấy vật chỗ khác, người lấy phạm Bốn tội, người dạy phạm Thô tội.

Nếu người vâng lời dạy, không có lòng gian, thì không phạm. Còn người dạy so sánh vật, phạm tội. Nếu người dạy lấy vật nhưng không có lòng gian, người vâng lời lại xin chỉ cách lấy trộm, người dạy không phạm, người lấy mắc tội.

Nếu rất nhiều Tỳ Kheo, dạy một người đi lấy vật của người được 5 tiền sắp lên, thì hết thầy các thầy đều phạm Ba La Di.

Nếu trong chúng có người nghi liên can, mà người đó quyết đi lấy, được 5 tiền sắp lên, người can phạm Thô tội, người không can mắc Bốn tội. Được 5 tiền đem về chia nhau, tuy mỗi người được dưới 5 tiền, cũng đều phạm Bốn tội.

Ở chỗ đó, được vật đáng 5 tiền, đến chỗ này dưới 5 tiền cũng phạm Bốn tội. Ở chỗ đó, được vật dưới 5 tiền, đến chỗ này hơn 5 tiền phạm Tho tội. Trước chịu đi lấy vật của người, sau ăn năn không đi cũng phạm Ác tác.

Muốn trộm lấy của người, lầm lấy của mình, phạm Tho tội; người trộm lấy vật, mình giựt lại của người trộm, phạm Bốn tội.

Nếu đem lòng gian, trở đổi thẻ chia vật của người, khi mở thẻ, phạm Bốn tội; nếu trước sau lấy đủ 5 tiền cũng phạm Bốn tội.

Nếu nóng ý làm hư tổn, hoặc đốt, chôn, đập bể của người đáng giá 5 tiền phạm Bốn tội.

Nếu chia đất, lòng gian đời nêu nọc của người, đáng giá 5 tiền phạm Bốn tội.

Nếu lấy đồ vật ăn ở trong hang ổ của chim, chuột, so sánh giá tiền phạm tội, nếu vàng lụa không ai dùng, thì không phạm.

Vật có chủ, tưởng có chủ, trộm 5 tiền sắp lên phạm Bốn tội; dưới 5 tiền phạm Tho tội. Có chủ, nghi, lấy 5 tiền sắp lên phạm Tho tội; dưới 5 tiền Ác tác. Không chủ tưởng có chủ, hoặc sinh nghi lấy 5 tiền sắp lên phạm Tho tội; dưới 5 tiền phạm Ác tác.

Thế thức không phạm tội :

Tưởng là người cho, tưởng của mình, đồ phẩn tảo tưởng không chủ, tưởng mượn lấy, tưởng đồng ý bà con thương mến v.v...

Trong đây có đủ sáu duyên mới thành phạm:

- 1.- Thật Tỳ Kheo.
- 2.- Có lòng gian trộm.
- 3.- Tự lấy, hoặc bảo người lấy.
- 4.- Vật của người tưởng có chủ.
- 5.- Đủ số tiền.
- 6.- Lia chỗ cũ tưởng là của mình thì mắc Bốn tội.

Nếu duyên không đủ thì Thâu Lan Giá.

Ngũ Phần Luật nói : Vật thuộc của người, người giữ gìn chẳng cho mà lấy, gọi là lòng gian trộm. Lại dùng tâm bợ đỡ, tâm vay vò, sân hận, tâm khùng bố mà lấy của người, cũng gọi là lòng gian trộm.

Luật Nhiếp nói : Việc trộm lược có năm thứ :

- 1.- Đối trước mặt cưỡng bách lấy.
- 2.- Lén trộm lấy.
- 3.- Giấu cọt lấy.
- 4.- Gửi gắm cho mình lấy luôn.
- 5.- Đưa coi rồi mình giựt lấy.

Năm thứ này đều là Tặc.

Nếu người chồng thật không nói cho, mà thầy Tỳ Kheo nói dối với người vợ để xin, tùy theo được vật ít nhiều, phạm tội Khinh, Trọng. Hoặc trộm Kinh sách đều tính giá phạm tội.

Hoặc trộm ngọc Xá lợi có người giữ gìn, ý tưởng : ngọc của bậc Đại sư, muốn trộm về để cúng

dường, phạm tội Ác tác. Nếu tưởng đem về bán mà cầu lợi, rồi trộm lấy mắc Bổn tội.

Hoặc đồ trang nghiêm trong chùa, tháp, miếu thờ Trời, có người giữ gìn mà trộm lấy, mắc Bổn tội. Phi nhân giữ gìn, mắc Thô tội; phòng có phi nhân giữ gìn, tưởng là các Trời, Thần, Dược xoa giữ gìn, lấy phạm Ác tác.

Nếu khi người gian trộm, đến chỗ kỳ hẹn, phạm tội ăn trộm. Nếu đệ tử mình bị bắt trộm đem đi, đã thuộc về họ; hoặc chưa thuộc về họ, tùy theo thứ lớp trước, phạm tội, hay không phạm tội.

Nếu thầy Tỳ Kheo bị người ép bức, bắt làm tội, tự mình trốn đi thì không phạm. Hoặc lười rập bắt loài hữu tình, và bọn trộm bắt trâu cọt nơi nọc trụ nào, lòng gian lén mở lấy lia khỏi chỗ; phạm Ba La Di. Nếu vì lòng thương xót mở thả phạm Ác tác.

Thợ săn rượt nai vào chùa, hoặc bị thương hay không bị thương, không trả, không phạm, nếu con nai chết thì phải trả lại.

Hoặc ruộng, đất vườn, tiệm, quán, v.v... của người mà có ý tưởng của Tăng già nói dành phi lý, khi quan xử đoán cho, tâm của người chủ chưa bỏ, phạm Thô tội. Khi người chủ tính bỏ thì mắc Bổn tội. Quan không xử thì phạm Thô tội. Hoặc đến vua xử cho, xử được thì mắc Bổn tội, không đợi tâm người tính bỏ dù đó mới phạm tội ư ?

Nếu đem vật của mình đến chỗ đóng thuế, rồi xúi người đem đồ trốn thuế, phạm Bổn tội.

Thà là vật của mình quyết lòng đem cho cha, mẹ v.v... thưa với người thu thuế rằng : Vật này không phải của tôi không đóng thuế cho ông.

Hoặc nường hư không mà đi, hoặc ngậm trong miệng, hoặc gói trong y, hoặc đi lánh đường khác đều phạm Thô tội.

Nếu người buôn bán đem vật đáng đóng thuế, để trong y đây cho thầy Tỳ Kheo, mà thầy Tỳ Kheo không biết xách đi qua thì không phạm.

Nếu vì cha mẹ và vì Tam Bảo, đem đồ qua chỗ đóng thuế, phải vì quan thu thuế thuyết pháp nhiều cách, khen ngợi ngôi Tam Bảo và ơn sâu của cha mẹ. Quan thương xót không lấy thuế thì không phạm. Nếu quan cũng còn đòi hỏi thì phải đóng.

Hoặc của ngôi Tam Bảo, phải lấy đi một phần mà đóng thuế, sau rồi sẽ chia cho đồng, chớ để phần nào ít.

Nếu có vật của thí chủ đem đến, biết không phải phần của mình, mà nói : Tôi cũng được một phần. Nếu có lãnh vật đó theo số mà phạm tội. Nếu vì người khác đem vật tính giúp cho người bệnh, nghe người kia mạng chung, đem vật trả lại cho chủ. Nếu còn sống sau mới chết, thì vật đó thành của vong.

Nếu trộm lấy vật của người, vì sợ sệt đem cúng cho Tỳ Kheo chẳng được thọ. Nếu tâm tin tưởng lấy để trả lại cho người chủ, thọ không phạm.

Nếu người đầu đảng đem vật đến cúng, tùy nên thọ. Nếu bạn đầu vì mượn chác, sau tính không trả lại, khi nhất định không trả, thì phạm Bốn tội.

Cờ bạc gian xảo dối, gạt gẫm lấy của, so sánh số thành phạm. Phạm là vật cờ bạc đều phạm Ác tác.

Minh bị ăn trộm lấy của, tâm mình tính bỏ, thì là thuộc của nó, chẳng được giựt lại, hễ lấy lại thì so sánh theo số ít nhiều phạm nặng nhẹ. Khi bị ăn trộm lấy của, tâm chẳng nên lật đật tính bỏ liền, sau khi thấy vật biết của mình, thì lấy lại được.

Tăng Kỳ Luật nói : Thầy Tỳ Kheo bị ăn cướp lấy của cải, nếu đã tính là mất, giựt lấy trở lại, thì là ăn cướp của ăn cướp.

Nếu bọn ăn cướp đến chỗ đông nhà, đem của tính chia, thầy Tỳ Kheo đến xin được thì không tội, hoặc dùng thế lực khủng bố cho trả lại thì không tội, hoặc đi thưa ông chủ ấp, phương tiện khuyên lơn khiến trả lại, thì không tội. Nên biết thưa ra mà người ăn cướp bị hại, bị bắt, thì chẳng nên thưa.

Thiện Kiến Luật nói : Thầy Tỳ Kheo đem lòng gian lấy vật của ăn cướp, lìa thân phần của ăn cướp, nếu người ăn cướp mạnh hơn, giựt lấy trở lại. Thầy Tỳ Kheo tuy không được vật, cũng phạm Ba La Di. Vì lòng gian quyết lấy cho được, đã lìa chỗ cũ.

Nếu người Đản việt cúng trái cây cho chúng Tăng, hoặc cho y phục, hoặc thỉnh cho thuốc thang, chúng Tăng không được chia ăn. Hoặc đem trái cây

làm tử sự cúng dường. Thầy Tỳ Kheo đem lòng gian ăn quá phần, tùy theo giá nhiều ít, kiết tội.

Hoặc vì làm phòng xá cúng cho chúng Tăng, đổi làm đồ ăn, phạm Thô tội, phải thường tiền lại. Nếu thí chủ vì cúng y, thì phải sắm y, gặp lúc mất mùa chúng Tăng làm phép Yết Ma hòa hiệp ăn dùng thì không tội. Đem tiền cúng y mà mình làm phòng xá. Đem tiền cúng phòng xá mà mình sắm đồ ăn uống, thì cũng như thế.

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu thầy Tỳ Kheo làm chủ chùa, Tháp không có cửa, Tăng có cửa liền suy nghĩ như vậy : Thiên nhân sở dĩ cúng dường cho Tăng đó, đều nhờ ơn của Phật. Cúng dường cho Phật đó tức là cúng dường cho Tăng, ông liền đem vật của Tăng sửa sang Tháp, ông chủ chùa ấy phạm Ba La Di.

Hoặc Tháp có cửa, Tăng không cửa, liền nghĩ như vậy : Cúng dường cho Tăng thì Phật cũng có ở trong ấy một phần, liền đem vật của Tháp cúng dường cho Tăng, thì ông chủ chùa dùng như thế phạm Ba La Di.

Nếu Tháp không có cửa, Tăng có cửa, được như phép mượn dùng, nhưng phải làm tờ giấy nói rõ giờ nào mượn dùng, giờ nào phải trả. Hoặc Tăng không cửa, Tháp có cửa cũng như vậy.

Hoặc khi giao lãnh, phải ở giữa Tăng đọc giấy tờ mượn giao cho rõ ràng, nếu không đọc tờ giấy, phạm tội Diệt Tỳ Ni.

Nếu hai thầy Tỳ Kheo có của cải chung, bây giờ muốn chia. Một thầy Tỳ Kheo có tâm tham lấy

một mình, trừ phần của mình ra còn phần của người đủ số tiền, phạm Ba La Di. Nếu đồng ý lấy, hoặc nghĩ như vậy, nay dùng sau sẽ trả lại, thì không tội.

Thập Tụng Luật nói : “Người đàn việt thỉnh chúng Tăng, thứ lớp đãi cơm, nhưng chưa tới phiên mình, mà tự nói rằng : Tôi phải đi thì phạm Ba Dật Đề. Khi được phần ăn thì tính theo giá mà mắc tội”.

Phá tổ chim, lấy tổ chim đều phạm Ác tác. Dem lòng vui phá đồ của thợ săn, phạm Thô tội; lòng thương xót phá thì phạm Ác tác.

Thiện Kiến Luật nói : Hoặc nhà chùa bỏ không, chẳng ai ở, thầy Tỳ Kheo đi đến, thấy có cây trái, phải đánh kiên chùy, ít nhất ba lần vỗ tay rồi ăn, không tội; nếu không vậy phạm tội ăn trộm.

Nếu chùa chúng Tăng lánh nạn chạy đi, khách Tỳ Kheo đến, thấy đồ ăn và trái cây, đem lòng gian lấy ăn, tùy theo giá ít nhiều, kết tội nặng, nhẹ. Nếu thầy Tỳ Kheo gặp người ăn trộm y, trong lúc nó chạy quãng y lại, Tỳ Kheo cũng cứ rượt, rượt không kịp trở lại lấy y lia khỏi đất phạm Ba La Di.

Nếu người ăn trộm chạy cõi y quãng lại dưới đất, thầy Tỳ Kheo chạy rượt theo không kịp, trở lại thấy y dưới đất, nghĩ rằng : Người này quãng bỏ ta sẽ lượm lấy thì không phạm.

Nhưng mắc phương tiện lấy của người trộm, nên phạm Thô tội. Nếu người ăn trộm ở xa ngó lại nói rằng : Thầy đừng lấy y tôi, nếu Tỳ Kheo cố lấy khỏi chỗ đó thì phạm Ba La Di.

Nếu tôi tớ của người, thầy Tỳ Kheo nói rằng : Ông ở đây cực khổ sao không bỏ đi đến kia, thì có thể thông thả hơn; theo lời của thầy Tỳ Kheo mà đi, lia chừng hai bước, Tỳ Kheo mắc Bốn tội.

Nếu tôi tớ trốn đi, thầy Tỳ Kheo nơi giữa đường xúi giục cho đi mau, tùy theo lời nói phạm tội trọng. Nếu tôi tớ đi chậm thầy Tỳ Kheo nói rằng : Đi chậm chủ bắt lại được, người tớ nghe lời chạy mau, thì phạm tội trọng.

Nếu Tỳ Kheo nói như vậy : Chỗ đó rất vui, đồ ăn uống đầy đủ, ai theo tôi cũng được no đủ. Dừa tớ nghe lời nói đó, liền tự đi theo thầy Tỳ Kheo, thì thầy Tỳ Kheo không phạm.

Lại nói rằng : Có bốn thầy Tỳ Kheo đồng ăn trộm, ba thầy phạm Ba La Di, một thầy khỏi. Vì cố sao ?

Như bốn thầy Tỳ Kheo : Một ông thầy có ba người đệ tử, muốn trộm sáu tiền, thầy nói cùng đệ tử rằng : Mỗi ông trộm một tiền, tôi trộm ba tiền. Người đệ tử thứ nhất nói rằng : Thầy trộm ba tiền, tôi trộm một tiền, hai ông kia mỗi ông trộm một tiền. Rồi hai ông kia cũng tuần tự dạy với nhau như vậy. Thầy đó tự trộm ba tiền, phạm Thâu Lan Giá, dạy ba người đệ tử trộm cũng phạm Thâu Lan Giá.

Vì cố sao ? Nghĩa là : Tự trộm khác, dạy người trộm khác, cho nên hai tội Thâu Lan Giá.

Còn ba người đệ tử vì sao Ba La Di ? Vì dạy người trộm đủ 5 tiền vậy.

Giới thứ ba ĐOẠN MẠNG NGƯỜI

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo cố tự tay mình đoạn mạng người; hay là cầm dao đưa cho người, khen ngợi cho chết, khuyên cho vui chết. Nói rằng : “Ôi ! Nay nam tử, đời sống như vậy thà chết còn hơn, móng lòng suy nghĩ như vậy”. Nhiều cách phương tiện khen ngợi cho chết, khuyên cho vui chết, thì Tỳ Kheo ấy phạm Ba La Di, không được ở chung.

CHÚ GIẢI : Phật dạy trong thành Quảng Nghiêm, ở bên mé sông Di Hầu, trong nhà giảng đường, cùng các thầy Tỳ Kheo nói pháp Quán bất tịnh, các thầy Tỳ Kheo liền tu tập theo pháp Quán bất tịnh từ trong pháp định đứng dậy, nhờm gồm thân mạng, buồn rầu không vui, liền kiếm dao muốn tự tử, than chết, khen chết, khuyên chết.

Khi đó có một thầy Tỳ Kheo tên là Dật Lực Đà Nan Đề, Trung Hoa dịch Lộc Hỉ. Luật khác nói : (*Lộc Trọng ngoại đạo*), tay cầm dao bén vào trong vườn Bà Cữu, có một thầy Tỳ Kheo nhằm chán thân mạng. Nói rằng : “Ông có thể giết thân mạng giúp tôi, tôi đem dâng y bát cho ông”, ông kia liền thọ lời muốn giết mạng ông này. Như vậy cho đến một ngày ông giết tới 60 thầy Tỳ Kheo. Đức A Nan bạch với Phật, Phật liền nhóm chúng Tăng bèn nói pháp A Na Ban Na tam muội (*sổ tức quán*) vắng lặng vui vẻ, các pháp bất thiện sinh ra, liền hay dứt được, hằng khiến chẳng sinh ra nữa, nói rồi liền cùng các thầy Tỳ Kheo kiết giới.

Cố tự tay mình đoạn mạng người là gì?

Cố : nghĩa là : Quyết lòng, chẳng phải lằm lạc vậy.

Tự tay mình : Nghĩa là : Chính tay mình làm vậy.

Đoạn : Nghĩa là : Khiến cho mạng căn của người đứt không còn nối nhau tử đại rời rã.

Người : Chính là loài người, không phải loài khác vậy.

Thế nào gọi là mạng ? Vì tất cả chúng sinh kia lấy Thức làm cội gốc; Thức này có 6 thứ: Từ nhân căn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, sinh ra, do hay sinh ra Thức, nên gọi là căn. Từ 6 căn này, sinh ra 6 Thức nên gọi là thọ (*mạng sống*), là vì cỡ sao ?

Vi 6 căn, 6 thức này, được nối nhau mà sống, nếu đoạn cái nối nhau ấy, thì gọi là Tử (*chết*). Cho nên ở đây gọi là mạng; có hai thứ :

1.- Từ khi mới vào thai mẹ, chỉ có thân mạng và ý ba căn.

2.- Từ 49 ngày sắp lên, 6 căn đầy đủ.

Hai món này đều gọi là nhân mạng, nếu giết hai món này đều kêu là đoạn mạng.

Cầm dao đưa cho người là sao ? Đây là dạy người giết. Nghĩa là : Cầm dao, gậy v.v... trao cho người khác, khiến đoạn mạng người, hoặc biết người khác nhằm chán thân mạng, liền cầm dao, v.v... trao cho người khen khuyển, khiến cho họ tự hại.

Khen ngợi cho người chết là gì ? Nghĩa là: Người kia ưa muốn chết, thì tán thán khen ngợi : Các ông có công đức tốt đẹp. Như nói rằng : Ông làm các việc lành đã làm nhiều công đức. Ông cứu độ biết bao nhiêu người, thế mà ông sống đây, thì chịu nhiều điều khổ não. Nếu chết thì chắc chắn sinh lên cõi Trời; nhiều cách phương tiện khen ngợi khiến cho họ chết.

Khuyên cho vui chết là gì ? Nghĩa là : Người kia ưa chết, thì gắng khuyên nói với họ rằng : Ông làm tội ác không có nhân tử, chứa lòng ác độc, chẳng làm việc lành, chẳng làm việc cứu hộ, ông sống thì chịu nhiều tội khổ, chẳng bằng chết sướng hơn.

Như vậy đối trước hai người thiện, ác này mà đem lời khen khuyên khiến cho họ tự chết, hoặc miệng nói, hoặc hiện tướng thân khẩu, hoặc sai người nói, hoặc sai người đem thư đến kia khiến cho họ tự sát.

Ôi ! Này nam tử là gì ? Đây là lời kêu gọi.

Đời sống như chớp thà chết không thêm sống là sao ? Nghĩa là : Ông làm tội ác bất thiện này, sống mà làm chi, sống thì tội ác càng ngày càng nhiều, thà chết cho rồi, thì có phước hơn. Vì trước kia khen ngợi và khuyên dỗ mà chẳng nghe theo, nên buông lời quở trách này, khiến cho họ đành tự chết.

Móng lòng suy nghĩ như vậy là gì ? Nghĩa là : Nếu quở trách cũng không nghe theo, lại dụng lòng giết như vậy, suy tìm cách khác.

Nhiều cách phương tiện v.v... là sao ? Nghĩa là : Dùng nhiều cách khéo léo khen ngợi, khuyên dỗ khiến cho họ phải chết vậy. Phương tiện trong đây gồm có ba thứ :

1.- Thân nghiệp. 2.- Thân ngữ. 3.- Ngữ nghiệp.

Nếu dùng tay của mình và ngói, đá, dao, trượng v.v... làm cho sát, thì gọi là : thân nghiệp.

Hoặc cầm dao trao cho người, dạy họ làm việc sát, hoặc cầm dao trao cho người khác, khen ngợi khuyên dỗ, khiến cho họ tự sát đó gọi là : thân ngữ nghiệp.

Hoặc quở trách, khen ngợi khiến cho họ tự sát, đây gọi là : ngữ nghiệp.

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Nếu đem ba món như trên, khiến cho họ chết, đều phạm Ba La Di, còn như không chết thì phạm Thô tội.

Nếu dùng phương tiện khác, hoặc đào hầm hố, khiến cho họ sập, hoặc làm máy móc khiến cho họ sập máy.

Hoặc cho uống sái thuốc, hoặc làm hư thai người; hoặc mẹ chết còn sống, thì phạm Thô tội, vì không có tâm đó.

Nếu rất nhiều thầy Tỳ Kheo, sai một thầy đi giết mạng người trong đó có một thầy nghi liên can, mà người kia cũng quyết đi giết mạng người thì thầy can phạm Thô tội, các thầy không can phạm Ba La Di.

Hoặc thầy Tỳ Kheo phương tiện muốn tử tự thì mắc Thô tội. Hoặc Thiên Long, Quỷ Thần và loài súc sinh biết tiếng nói của người, hay biến hóa thân hình mà ta giết chết, thì Thô tội, còn không chết thì Ác tác.

Nhận biết là người mà cố giết, thì phạm Ba La Di. Thật người mà sinh nghi và tưởng là phi nhân, đều phạm Thâu Lan Giá. Phi nhân, tưởng là người và nghi mà giết cũng Thâu Lan Giá.

Thế thức không phạm là sao ? Giết lầm, tất cả không có tâm giết hại, trong đây trọn đủ năm duyên mới thành tội phạm :

- 1.- Thiệt Tỳ Kheo.
- 2.- Cảnh người.

(Nghĩa là : Nam, nữ, huỳnh môn và từ khi mới vào thai mẹ về sau).

- 3.- Cố giết.
- 4.- Tưởng là người.
- 5.- Khiến cho đứt mạng.

Năm duyên có thiếu thì không mắc Bốn tội.

Tăng Kỳ Luật nói : “Thầy Tỳ Kheo vì cố giết người, cầm dao, mắc tội Diệt Tỳ Ni”.

Nếu chạm đến thân người phạm Thâu Lan Giá, nếu chết thì Ba La Di.

Thập Tụng Luật nói : “Có ba cách giết mạng người” :

- 1.- Dùng nội sắc, nghĩa là : Thầy Tỳ Kheo dùng tay đánh người, nơi chân, nơi đầu và các bộ phận trong mình.

2.- Dùng chẳng phải nội sắc. Nghĩa là : Dùng cây, ngói, đá, dao, tên v.v... ở xa phóng cho người chết.

3.- Dùng nội sắc chẳng phải nội sắc. Nghĩa là: Dùng tay cầm cây, ngói, đá, dao, tên v.v... đánh cho người chết.

Lại có khi không dùng ba thứ như vậy. Nhưng cho uống thuốc độc, đào hầm, làm bẫy, làm rập, làm máy móc, tụng chú sai Thần, Quỷ v.v... mà giết người.

Nếu thầy Ty Kheo muốn hại người, đào hầm, gài bẫy gió, rập máy móc v.v... người nhân nơi đây mà chết, đều phạm Ba La Di. Hoặc chưa chết liền, sau nhân nơi đấy mà chết, cũng phạm Ba La Di. Sau không nhân nơi đấy mà chết, mắc Thâu Lan Giá.

Nếu phi nhân và súc sinh, nhân nơi đây mà chết, đều mắc Thâu Lan Giá.

Nếu muốn hại phi nhân, đào hầm v.v... Phi nhân chết thì Thô tội.

Người và súc sinh chết đều phạm Ác tác.

Nếu muốn hại súc sinh, đào hầm v.v... súc sinh chết phạm Ba Dật Đề, người và phi nhân chết đều Ác tác.

Nếu không nhất định giết loài nào, hề có loài nào đến, đều khiến cho chết, người chết thì phạm Ba La Di.

Phi nhân chết, thì Thô tội, súc sinh chết, thì Ba Dật Đề. Dầu không có loài nào chết, thì Thâu Lan Giá cùng Đột Kiết La. Nếu tự đoạn âm, thì Thô tội, tự chặt ngón tay, Ác tác.

Luật Nhiếp nói : “Thầy Tỳ Kheo tự đánh cái sinh chi (*nam căn*)”.

Phật nói : “Lý đáng đánh đây (*tâm*), mà trở thành đánh cái khác (*căn*) là người vô tri mắc tội Ác tác”.

Ma Đắc Lạc Già Luận nói : “Nếu người có thai súc sinh, phá hư, thì phạm tội trọng. Nếu súc sinh có thai người, phá hư, thì phạm tội trọng”.

Muốn giết người phạm mà lầm giết vị A La Hán, muốn giết vị A La Hán mà giết lầm người phạm; muốn giết cha mà lầm giết mẹ, hoặc trái nơi đây đều Thâu Lan Giá, không phạm tội nghịch, nên trước tính giết mẹ, phương tiện rồi, tự tử (*chết*). Mẹ chết trước phạm tội trọng, trái lại mình chết trước, mẹ sau mới chết, mắc tội Thâu Lan Giá. Giết cha lầm giết A La Hán cũng lại như vậy.

Tát Bà Đa Luận nói : “Nếu nghe lời thầy Tỳ Kheo nói : Đi đánh giặc lấy nước khác và được của báu, thì đều phạm sát, đạo, hai tội Ba La Di...”

Giới thứ tư ĐẠI VỌNG NGŨ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, thật không biết chi, mà tự nói rằng “Tôi được phép của bậc thượng nhân. Tôi đã vào Thánh Trí Thắng Pháp; tôi biết việc

ấy, tôi thấy việc ấy. Tỳ Kheo đó khi khác, hoặc có người hỏi, hoặc không ai hỏi, tự mình muốn được thanh tịnh, nói lời như vậy : Tôi thật không biết, không thấy, nói biết, nói thấy là lời luống dối, thì Tỳ Kheo đó phạm Ba La Di, không được ở chung; trừ bậc Tăng thượng mạn”.

CHÚ GIẢI : Khi ấy đức Thế Tôn dạo ở thành Quảng Nghiêm ở mé sông Di Hâu, nơi giảng đường Cao Các. Lúc đó nhằm thời lúa dất, đi khát thực khó được. Các thầy Tỳ Kheo ở trong chùa bên sông Bà Cữu, đến các nhà Cư sĩ tự nói mình được pháp bậc Thượng nhân, và khen ngợi... Tỳ Kheo kia, cũng được pháp của bậc Thượng nhân. Các người Cư sĩ tin theo lời đó, liền đồ ăn uống cúng dường. Máy thầy đó khỏi bị khổ sở về việc ăn uống. Sau khi an cư rồi đến ra mắt Thế Tôn, Phật an ủi hỏi thăm. Rồi các thầy liền đem những việc trước bạch lên với Phật. Phật nói : “Các ông là người si mê, có chứng thật còn chẳng nên nói với người, huống chi là không chứng”. Phật dùng vô số phương tiện quở trách, rồi kiết giới cho quý thầy Tỳ Kheo.

Khi đó có một thầy Tỳ Kheo Tăng thượng mạn, nói với người rằng : “Tôi được Đạo”, ông đó khi khác tu hành tinh tấn không có giải đãi, gắng tìm phương tiện, chứng được phép Tối Thượng, Thù Thắng, nghi phạm tội vọng ngữ, đem việc này bạch lên Phật. Phật nói : “Trừ bậc Tăng thượng mạn thì không phạm” (Thầy Tỳ Kheo đó ở chỗ vắng vẻ tu tập vừa thành được phép Chỉ Quán hàng phục lòng phiền não, sau khi dạo chốn nhân gian không nhiếp các căn, lòng

phiền não lại khởi ra rất sinh lòng hổ thẹn tinh tấn tu hành, chứng được quả A La Hán).

Thật không biết chi là sao ? Nghĩa là : Đối với pháp của bậc Thượng nhân, không được chứng ngộ.

Tự nói rằng là gì ? Nghĩa là : Tự xưng rằng ta đã chứng được vậy.

Pháp của bậc Thượng nhân là gì ? Là pháp của Hiền Thánh tu chứng. Pháp này đối với tất cả phàm phu, ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới, những đến ngũ dục, thập kết, các pháp hữu lậu, pháp này là trên hết.

Nên nói : “Niệm, Huệ, Chính căn, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát thánh đạo, các pháp thiền định, giải thoát, tam muội, chính thọ vậy. Lại hay trừ pháp hữu lậu kia, cũng gọi là pháp của bậc Thượng nhân”.

Tôi đã vào Thánh trí thắng pháp là sao ?

Tôi đã vào : Nghĩa là : Tự mình đã chứng vào vậy.

Thánh : Là Phật và Thanh Văn.

Trí : Là khổ, tập, diệt, đạo, bốn trí Thánh đế và các trí khác v.v... Trí này là phép tối thượng thù thắng, hay chứng được quả Thánh, bậc Tam thừa.

Tôi biết việc ấy là sao ? Nghĩa là : Biết khổ, tập, diệt, đạo, bốn lẽ chắc chắn của bậc Thánh kia.

Tôi thấy việc ấy là gì ? Nghĩa là : Thấy bốn lẽ chắc chắn của bậc Thánh kia và được pháp Thiên nhân thanh tịnh, xem thấy các chúng sinh, sinh đây chết kia, tùy theo nghiệp báo thiện ác; hoặc thấy Thiên Long, Quỷ Thần đến chỗ tôi. Lại biết : thuộc về ý căn, được ý căn thanh tịnh, chứng vào Trí Thánh.

Thấy : Thuộc về nhân căn, được nhân căn thanh tịnh, thấy rõ các pháp không còn sai lầm nữa.

Tỳ Kheo đó khi khác là sao ? Tỳ Kheo đó : là chỉ cho người chứng lầm.

Khi khác : Là sau khi nói dối gọi là khi khác.

Hoặc có người hỏi là sao Nghĩa là : Trong chúng tra hỏi : Ông dùng pháp nào mà được ? Từ ai mà được ? Ở chỗ nào mà được ? Khi được như thế nào ?

Khi hỏi như vậy ông mới chịu thật.

Hoặc không ai hỏi là gì ? Nghĩa là : Tự tâm mình sinh lòng ăn năn, không có ai hỏi mà tự phát lộ.

Tự muốn được thanh tịnh là gì ? Nghĩa là: Muốn cầu cho giới được thanh tịnh, mới thưa với chúng rằng : “Tôi thiệt không biết, không thấy bốn pháp chắc chắn của bậc Thánh v.v... mà tôi nói biết, nói thấy là lời luống dối”.

Luống : Nghĩa là : Lời nói của mình không thật.

Đối : Nghĩa là : Đối gạt người khác.

Vọng ngữ là sao ? Nhân vì cái tâm vọng mới tự mình xưng nói.

Cớ sao giới này có lời nói : Hoặc có người hỏi, có người không hỏi muốn cầu thanh tịnh, đâu đợi người phát lồ mới phạm tội đó ư ?

Đây là do người kia, trước tự đối với người (*chúng*) bày nói, thì mắc tội ấy rồi, cho nên muốn đối với người, mà cầu cho thanh tịnh trở lại, tuy là lời nói phát lồ như vậy, nhưng khi vừa đối với người, thì tội đó đã thành, chớ chẳng phải nhờ phát lồ này mà được không phạm ! ?

Trừ bậc Tăng thượng mạn là sao ? Nghĩa là : Trừ người Tăng thượng mạn, không có lòng đối gạt, chẳng phạm vào trong tội vọng ngữ. Vì Tỳ Kheo kia tu hành phiến não tạm ngưng, tâm của ông tưởng thật mình đã chứng được quả Thánh, nên ở trong pháp Tăng thượng xuất thế, khởi sinh lòng kiêu mạn; song bậc thượng mạn này, chẳng phải là người giải đãi phá giới mà được.

Duy có người trì tịnh giới, tu thiền định, chẳng khéo phân biệt danh sắc. Tỳ Kheo kia ban đầu tu phép Tỳ Bà Xá Na (*phép quán*) trong lòng dứt hết việc vọng niệm, đồng mãnh tu hành được phép Xa Ma Tha (*định*), dùng sức khéo giữ gìn, tâm phiến não không sinh khởi. Tự nói : Đã được quả Thánh, cho nên sinh lòng tăng thượng mạn. Nếu tự biết mình thật không có chứng chi, mà cố làm việc đối gạt, thì ấy là vọng ngữ vậy.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Nếu thầy Tỳ Kheo lường dối không thật như vậy mà nói với người, hoặc ra dấu, hoặc sai người khác nói, hoặc gửi thư đến, hoặc làm tướng cho người biết, người kia biết thì phạm Ba La Di, không biết, mắc Thô tội.

Nếu tự mình ở chỗ tịnh, tưởng là không tịnh, hoặc chỗ không tịnh tưởng là tịnh. Tự nói : Tôi được pháp của bậc thượng nhân, phạm Thô tội. Hoặc đối với Thiên long, Quỷ thần và loài súc sinh biến hình được, mà nói, họ biết được thì Thô tội; không biết Ác tác. Nếu thật là được Đạo, đối với thầy Tỳ Kheo không đồng ý mà nói, thì Ác tác.

Nếu nói pháp tướng cho người nghe, nói được thì Ba La Di. Người tưởng là người dối nói, Ba La Di. Người, mà nghi. Người, tưởng là phi nhân, và phi nhân tưởng là người, hoặc nghi, đều mắc Thâu Lan Giá.

Thế thức không phạm là sao ? Nói pháp cho người nghe, tự chẳng nói tôi được, hoặc nói giấu cười, hoặc nói chỗ khuất, hoặc nói một mình, nói trong chiêm bao, nói lầm v.v... Trong đây trọn đủ 5 duyên mới thành phạm :

1.- Thật Tỳ Kheo. 2.- Đối với người. 3.- Cố tâm nói vọng. 4.- Thân khẩu hiện tướng. 5.- Người kia biết rõ.

Đủ 5 duyên này thì Ba La Di, có thiếu tùy theo nặng nhẹ kết tội cần phải biết.

Luật Nhiếp nói : Thầy Tỳ Kheo ý muốn khoe mình được thắng pháp, mà nói trở rằng : “Có thầy Tỳ Kheo được những việc hay giỏi như vậy v.v...” nhưng chẳng nói là mình được, cũng Thô tội.

Ngũ Phần Luật nói : Vì lợi dưỡng, nhiều cách khen ngợi người khác được thành tựu : Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến mà ngụ ý khen mình, thì Thâu Lan Giá.

Nếu vì sự lợi dưỡng mà hiện tướng đắc đạo : đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng vững vàng, muốn khiến cho người biết thì Thâu Lan Giá.

Thập Tụng Luật nói : Có người hỏi thầy Tỳ Kheo rằng : “Thầy có phải A La Hán hay không ? ...” Nếu thầy có làm thình thì Thâu Lan Giá... Phải đáp : “Tôi đây chẳng phải A La Hán”.

Ma Đắc Lạc Già Luận nói : Nếu có người hỏi : “Có đắc quả hay không ?”. Đáp rằng : “Đắc”, rồi chỉ quả ở trong tay, thì Thâu Lan Giá. Nếu nói : “Tôi không bị đọa tam đồ”, cũng mắc tội Thâu Lan Giá.

Tát Bà Đa Luận nói : Cho đến nói rằng : “Tôi trì giới thanh tịnh, tâm dâm dục chẳng sinh khởi”, nói mà chẳng thật đó thì phạm Thâu Lan Giá.

Không tụng kinh mà nói tụng kinh; mình chẳng phải Luận sư mà nói Luận sư, chẳng phải Luật sư mà nói Luật sư, chẳng phải Tọa thiền mà nói Tọa thiền. Nói tóm lại không có tụng tập, mà nói có tụng tập v.v... đều Thâu Lan Giá.

Tăng Kỳ Luật nói : Thà ăn tro than, và nuốt phần ứ, chịu dao bén mổ bụng, chớ chẳng nên

đem lời luống dối mà nói cho được pháp hơn người để được sự cúng dường.

Như trong Luật bốn nói : Phật kêu các Tỳ Kheo mà dạy rằng : “Đời có hai thứ đại ăn cướp”.

Những gì là hai ?

1.- Thật chẳng phải hạnh thanh tịnh, mà tự nói là thanh tịnh.

2.- Vì miệng, bụng, chẳng phải chân thật, mình không có chứng, mà ở trong đại chúng cố nói vọng ngữ. Tự xưng rằng : Ta được pháp bậc Thượng nhân”. Mà kỳ thiệt trong đó ta vì miệng, bụng.

Hạng ấy gọi là : đại ăn cướp, do vì trộm thọ đồ ăn uống của người vậy.

c/ KẾT HỎI

CHÍNH VĂN : *Thưa các Đại đức : tôi đã nói bốn pháp Ba La Di. Nếu thầy Tỳ Kheo nào phạm trong mỗi pháp, thì không được ở chung với các thầy Tỳ Kheo khác, như trước, sau, phạm cũng vậy, thầy Tỳ Kheo ấy phạm Ba La Di, không được ở chung.*

Nay xin hỏi các Đại đức : Trong đây được thanh tịnh không ? (hỏi ba lần).

Thưa các Đại đức, nếu trong đây thanh tịnh, vì rằng im lặng, thì việc này như vậy suốt biết.

CHÚ GIẢI : Phạm trong mỗi pháp là gì ?

Nghĩa là : Ở trong 4 pháp Ba La Di, tùy phạm một pháp nào, thì chẳng phải Tỳ Kheo, chẳng được ở chung với chúng thanh tịnh.

Như trước, sau, phạm cũng vậy là sao ? Như trước khi chưa thọ đại giới, là người thế tục không phải thầy Tỳ Kheo; sau khi phạm giới rồi, cũng như người thế tục trước kia không khác.

Tỳ Kheo ấy phạm Ba La Di không được ở chung là sao ? Đã phạm pháp đó, thì chắc lấy tội đó; gọi là tội ném bỏ.

Nghĩa là : Bỏ hẳn ở ngoài biển Phật pháp, nên chẳng được ở chung vậy.

Nếu 4 pháp này thanh tịnh được nghe các giới sau nên phải hỏi. Còn bao nhiêu nghĩa nữa, như trước đã giải, sắp về sau các thiên khác, sánh theo đây nên biết, chẳng cần lập lại. Trong đây tội Ba La Di, tên phạm tuy đồng, nhưng quả báo có khác. Vì sao ? - Như cảnh dâm chẳng phải một, a/ súc sinh, b/ loài người. Trong loài người lại có hạng xuất gia và hạng tại gia; song hạng người không xuất gia cũng có hai : 1/ Người trì giới. 2/ Người không trì giới.

Trong người xuất gia có 5 hạng :

Người trì giới, người không trì giới, cho đến Thánh nhân có sai khác v.v...

Như trong giới trộm, cướp. Cách trộm không phải một : Có người xuất gia, có người tại gia. Trong hạng người tại gia, trộm lấy vật của người cũng có nhiều cách.

Trong hạng người xuất gia, trộm cũng có nhiều cách, trong Tam Bảo cũng có nhiều cách.

Như trong giới sát, có người tại gia, có người xuất gia và người trì giới, người không trì giới, cho đến Thánh nhân sai khác cũng như vậy.

Như trong giới vọng ngữ, đến người tại gia nói tội được pháp của bậc Thượng nhân thì phạm tội trọng, còn đến người xuất gia nói, thì phạm tội nhẹ.

Cho nên tên tội tuy đồng, nhưng quả báo có khác vậy.

Tát Bà Đa Luận nói : Phạm phạm tội có ba thứ :

- 1.- Phạm tội nghiệp đạo.
- 2.- Phạm tội ác hạnh.
- 3.- Tội phạm giới.

Như ông Tu Đề Na ở trong ba tội :

- 1.- Phạm tội ác hạnh, vì dâm là ác pháp.
- 2.- Không có tội nghiệp đạo, vì là vợ của ông.
- 3.- Không có tội phạm giới, vì khi đó Phật chưa kiết giới.

Còn thầy Tỳ Kheo ở trong rừng phạm hai tội :

- 1.- Tội ác hạnh, vì dâm là ác pháp.
- 2.- Tội nghiệp đạo, vì con khỉ cái, là thuộc của con khỉ đực.
- 3.- Chẳng mắc tội phạm giới, vì là Phật chưa kiết giới.

Còn các giới khác thì sánh theo đây nên biết.

Lại khi trộm vật của người, dời vật đi khỏi chỗ cũ, có hai thứ :

1.- Lấy khỏi chỗ cũ.

2.- Lấy đem đi rồi trả lại chỗ cũ.

Người lấy đi luôn thì mắc hai thứ tội :

1.- Mắc tội nghiệp đạo, do vì lấy vật của người.

2.- Mắc tội phạm giới, vì Phật đã kiết giới rồi.

Người trả lại chỗ cũ mắc một tội, vì trước đã lia chỗ cũ rồi trả lại chỗ cũ, chưa mất vật của người, không có tội nghiệp đạo, chỉ có tội phạm giới; theo nghĩa nên biết. đều có tội ác hạnh, vì trộm là ác pháp vậy.

Trong Luật Nhiếp nói : Vì sao 3 pháp Ba La Di ban đầu nói “Giới Dâm” trước, “Giới Sát” sau, ngược thứ lớp không đồng, ở chỗ khác nói : Sát, Đạo, Dâm. Vọng, làm thứ lớp. Còn ở đây lại : Dâm, Đạo, Sát, Vọng, trái thứ lớp vậy ?

– Bởi ở đây y theo duyên phạm trước, sau mà nói, lại y theo cái trước dẫn sinh ra cái sau mà làm thứ lớp.

Vì do bất tịnh hạnh, nên làm việc trộm cướp, đã làm việc trộm cướp nên mới giết kẻ oan gia; giết rồi khi hỏi lại nói vọng ngữ. Lại tâm người phiền não rất cường thịnh hơn, nên sắp Giới Dâm ở trước.

Bốn pháp Ba La Di này tướng mạo nó ra sao ? Nghĩa là : Không biết nhàm lia, không nhẫn, không chứng; nhưng người không nhàm lia rất cường thịnh hơn, nên lập nó đứng đầu có hai nghĩa : 1.- Nơi dâm dục. 2.- Nơi của cải.

Vì không nhẫn nên làm việc sát sinh, vì chẳng chứng nên nói vọng ngữ. Có giải như trước nên lấy lời sau mà làm nghĩa chắc.

Nghĩa là : Do chúng sinh ở trên trái đất này, tâm phiền não nặng hơn, Phật lập giới này ở trước. Vì thấy Tỳ Kheo gấp ra khỏi ba cõi, dâm dục là cái nhân nhớ hữu lậu, và cội gốc đường sinh tử. Nên kinh Lăng Nghiêm cũng cấm Dâm là trước hết.

Phật dạy ngài A Nan rằng : “Nếu 6 đường chúng sinh ở trong các thế giới, mà tâm không có dâm dục, thì chẳng bị trôi lăn trong đường sinh tử”.

Ông tu pháp Tam muội, chính là cầu ra khỏi trần lao, nếu tâm dâm không trừ, thì trần lao không ra khỏi. Dầu có đa trí thiền định hiện tiền đi nữa, bằng tâm dâm không trừ, ắt phải lạc vào đường ma. Ông phải dạy người đời tu pháp Tam Ma Địa, thì trước phải đoạn tâm dâm. Đây là lời dạy sáng suốt thanh tịnh quyết định thứ nhất của mười phương các đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.

Nếu người không đoạn lòng dâm, mà tu pháp thiền định, thì khác nào nấu cát mà muốn thành cơm, dầu nấu trái vô lượng kiếp, thì cũng chỉ là cát nóng mà thôi... Vì sao ?

Vì cơm chẳng phải do cát mà thành vậy.

Nếu ông đem thân dâm dục này, mà cầu quả mầu của chư Phật, dầu được diệu ngộ Thiền cơ, thì cũng là dâm căn mà thôi, căn bản đã là dâm, thì phải chịu luân chuyển trong ba cõi, quyết chẳng ra khỏi được.

Cõi Niết bàn của Phật sẽ do đường nào mà tu chứng ?

Chính là khiến cho máy Dâm, Thân và Tâm đều dứt, mà tính dứt cũng không, thì quả Bồ đề của Phật từ đây mới có thể trông mong; như trong kinh đã nói rõ, tự mình phải quan sát, khéo nghĩa mà tu hành chớ dừng để mất.

2.- PHÁP TĂNG TĂNG (chia làm ba) :

- a/ Nêu chung
- b/ Chia riêng
- c/ Kết hỏi.

a/ NÊU CHUNG.

CHÍNH VĂN : *Thưa các Đại đức : Đây là 13 phép Tăng già Bà Thi Sa mỗi nửa tháng tụng một lần, rút ra trong Giới kinh.*

CHÚ GIẢI : Tăng già : Là hòa hiệp chúng..

Bà Thi Sa : Là tăng.

Nghĩa là : Bốn pháp Ba La Di trước không có nghĩa dư tăng, nếu phạm trong một pháp, thì không có lý dư tăng nào còn trị được nữa.

Còn 13 pháp này cái thể có dư tăng. Nếu vị nào lỗi phạm thì còn chút đỉnh nghĩa dư cứu được, nhưng cần phải y theo trong Tăng già mà làm phép đó và phải nương theo Tăng già mà xả tội đó. Chớ chẳng phải y theo một, hai hay ba vị Tỷ Kheo mà làm phép đó, và chẳng phải y theo dưới 20 ông Tăng mà được xả tội đó được.

Kinh Tỳ Ni Mẫu nói : Như người ta bị giết mà cuống họng chưa đứt, nên gọi là Tăng.

Thí như : Hai người đồng vào trong trận, mà một người bị giết tuyệt mạng; còn người thứ hai cũng bị giết, mà mạng căn chưa tuyệt, nếu có thuốc hay thầy giỏi, thì có thể trị lành.

Nếu không có thầy hay cũng chưa chết luôn. Người phạm tội Tăng tăng đây cũng in như vậy, còn có chút lý sám hối được. Nếu được đại chúng thanh tịnh, đúng như pháp mà sám hối thì dứt tội, thì tội này mới hết.

Còn như đại chúng không thanh tịnh, thì tội đó không tiêu hết, nên gọi là Tăng tăng.

b/ CHIA RIÊNG

Giới thứ nhất CỔ DỌC ÂM CHO XUẤT TINH

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cố dọc âm cho xuất tinh, thì phạm Tăng già Bà Thi Sa, trừ trong chiêm bao.*

CHÚ GIẢI : Khi đó Phật đạo đi nơi thành Xá Vệ, ông Ca Lưu Đà Di ý dâm lừng lẫy, liền tùy theo ý suy nghĩ mà dọc âm cho ra tinh (*thủ dâm*). Các Tỳ Kheo đem việc đó bạch lên Phật, Phật quả rằng : “Cớ sao đi xuất gia ở trong pháp thanh tịnh của ta mà làm việc nhơ nhớp, ông là người si mê, tay nào thọ của người tin thí, còn tay nào để dọc âm cho ra tinh”. Phật dùng vô số phương tiện quả trách, rồi liền kết giới cho các Tỳ Kheo.

Khi đó có một thầy Tỳ Kheo loạn ý ngủ mê, trong chiêm bao bị chảy tinh ra (*mộng tinh*). Nghĩ phạm tội Tăng tàng, đem việc này bạch lên Phật. Phật nói không phạm.

Song, loạn ý ngủ mê có 5 điều lỗi :

- 1.- Chiêm bao dữ
- 2.- Các vị chư Thiên không hộ
- 3.- Tâm không vào chính pháp
- 4.- Chẳng suy nghĩ tướng sáng
- 5.- Trong chiêm bao ra tinh.

Khéo nhiếp ý ngủ, cũng có 5 việc công đức, trái lại năm việc hại nói trên nên biết.

Cố dục âm cho ra tinh là sao ? Cố : Nghĩa là : Cố tâm mà làm, do lòng vọng tưởng gió tà nhớ, nghĩ, thổi ngọn lửa dâm dục, nên trong sơ thục chảy tỳ ra, có hơi nóng biến làm tinh, nên trong tâm chảy khỏi chỗ cũ.

Thiện Kiến Luật nói : Lấy trái cật làm chỗ cũ, lại nói, chẳng phải vậy, cả thể đều có tinh, chỉ trừ tóc, móng và chỗ khô mới không tinh, nếu tinh lia chỗ cũ, đến đường hay không đến đường, mà ra chúng con ruồi ăn no, thì phạm tội Tăng tàng.

Trừ trong chiêm bao là gì ? Nghĩa là : Ở trong chiêm bao không có phạm, do vì trong chiêm bao không có sự thật tìm được.

Nếu người tâm chưa lia tham, sân, si, tán loạn mà ngủ, thì ắt ra đồ bất tịnh, nếu tâm chuyên niệm Phật, mà ngủ, thì không có lỗi đó. Nói cố tâm dục

âm, là cái nhân phạm giới, trừ trong chiêm bao, là kết thêm duyên mở cho.

Tăng già Bà Thi Sa, là kết tướng tội vậy.

Tăng Kỳ Luật nói : “Chiêm bao là luống dối không thật, nếu chiêm bao là chân thật, thì ở trong pháp của ta, người tu phạm hạnh không có giải thoát, vì tất cả chiêm bao đều không chân thật, cho nên những người tu phạm hạnh ở trong pháp của ta, đều được hết khổ”.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Hoặc vì vui, vì làm thử, vì phước đức, vì cúng tế, vì sinh lên cõi trời, vì bố thí, vì nối dòng, vì kiêu căng buông lung, vì nhan sắc tốt đẹp, như vậy tất cả phương tiện dục âm cho xuất tinh thì phạm Tăng tàng, còn không xuất, phạm Thâu Lan Giá.

Đây có 6 thứ, móng tâm động thân ra đồ bất tịnh, đều phạm Tăng tàng :

- | | | |
|------------|--------------|------------------|
| 1) Nội sắc | 2) Ngoại sắc | 3) Nội ngoại sắc |
| 4) Nước | 5) Gió | 6) Không |

Nội sắc là : Thân mình.

Ngoại sắc là : Thân người.

Nội ngoại sắc là : Thân mình, thân người, nước, gió, không.

Hoặc lấy nam căn để ngược nước, hoặc thuận nước, hoặc lấy nước mà rưới, hoặc đi nghịch gió, thuận gió, hay dùng miệng mà thổi. Hoặc giữa hư không động thân, cũng không nội sắc cũng không ngoại sắc, vì tự động mắc tội.

Như vậy tất cả ý tưởng nghĩ, thân động ra đồ bất tịnh, thì phạm tội Tăng tàng.

Hoặc người nữ nắm Tỳ Kheo phía trước hay phía sau, Tỳ Kheo động thân chảy đồ bất tịnh, thì phạm tội Tăng tàng

Còn như chẳng động thân không chảy đồ bất tịnh, thì phạm Ác tác.

Nếu thầy Tỳ Kheo dạy thầy Tỳ Kheo khác đọc âm cho xuất tịnh, thì phạm Thô tội; không ra thì phạm Ác tác. Dạy người khác đọc âm, ra hay không ra tất cả đều phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni thì phạm Ba Dật Đề, còn ba chúng dưới thì Đột Kiết La.

Thể thức không phạm là sao ? Vì nhớ nghĩ tà mà ra, và thấy sắc tốt đẹp không chạm đến, mà ra; hoặc khi đi chạm hai bên háng; hoặc dụng y, dụng quần, hoặc khi tắm rửa kỳ mài; hoặc tâm phiền não lừng lẫy; hoặc khi người khác chạm nhằm mà xuất ra, tất cả không móng ý, mà xuất ra đồ bất tịnh v.v...

Giới này Tỳ Kheo phạm Ba Dật Đề, là vì người nữ tâm phiền não sâu nặng, nên khó kiểm chế, lại phải ở chỗ khuất riêng nhiều duyên, nhiều sức, mới có thể ra được. Không đồng với người nam, tùy theo có việc thì liền ra, cho nên chế giới không đồng, mà tội cũng nhẹ vậy.

Căn Bản Luật nói : Khi thức làm phương tiện trong chiêm bao ra tịnh. Hay trái đây, mà móng lòng thọ vui, hoặc trước làm phương tiện sau mới

dứt tâm; hay làm phương tiện mà khi tinh muốn ra, liền nhiếp tâm niệm, đều mắc Thô tội.

Hoặc cầm cái sinh chi của người khác mà cố dục cho ra đồ bất tịnh; hay là do cái sinh chi của mình, hoặc tay cầm bóp cái sinh chi mà vui, hay là rờ bóp cố làm cho nó dậy lên đều phạm Thô tội. Nếu vì tâm nhiễm, xem coi cái sinh chi của mình, thì phạm tội Ác tác.

Lặc Già Luận nói : “Cái sinh chi ra tinh, mắc tội Thâu Lan Giá”. Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu tâm dục nổi lên, cái sinh chi nổi dậy không cố tưởng cho ra, và chẳng cố dục cho ra, phải tự trách tâm”. Nếu thấy người khác làm việc dâm dục, và loại cầm thú giao hội, lòng dục nổi lên ra đồ bất tịnh thì phải trách tâm. Nếu vì thọ vui phương tiện mà theo xem, muốn cho ra đồ bất tịnh, khi ra thì phạm tội Tăng tàng. Nếu thấy nam nữ lỏa hình, dục tâm nổi lên, ra đồ bất tịnh thì phải trách tâm. Nếu vì cố vui theo để xem, khiến ra đồ bất tịnh thì phạm Tăng tàng.

Giới thứ hai CỌ VỚI THÂN NGƯỜI NỮ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ý dâm dục, cọ với thân người nữ; hoặc nắm tay nắm tóc, hay là chạm cọ mỗi mỗi thân phần, thì phạm Tăng già Bà Thi Sa.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, khi ấy ông Ca Lưu Đà Di nghe Phật chế giới : không cho xuất tinh, bèn rình người nữ vào phòng ông, rờ mó, hôn hít. Các Tỳ Kheo khác đem việc này bạch lên Phật; Phật quả trách rồi liền vì đó mà kiết giới.

Ý dâm dục là gì ? Nghĩa là : Tình sinh ái nhiễm vậy.

Cọ với người nữ là gì ? Câu ấy là nêu chung.

Nắm tay nắm tóc là gì ? Là câu giải riêng.

Chạm cọ mỗi mỗi thân phần là sao ? Là câu tổng kết, người nữ là cảnh làm việc dâm dục được.

THÂN : Nghĩa là : Từ chân tóc đến bàn chân.

Thân chạm nhau : Nghĩa là : Dùng thân này chạm đến thân kia, làm việc rờ chạm.

Đây có chín việc : Nghĩa là : Nắm rờ, kéo tới, xô lui, rờ ngược, rờ xuôi, nâng lên, để xuống, nắm, bóp.

Nắm rờ là gì ? Nghĩa là : Rờ phía trước thân, phía sau của thân.

Kéo tới : Nghĩa là kéo tới gần đến trước.

Xô lui : Là xô lui lại phía sau.

Rờ ngược : Là rờ từ dưới đến trên.

Rờ xuôi : Là rờ từ trên đến dưới.

Nâng lên : Là nắm giở đứng lên.

Để xuống : Là nắm để ngồi xuống.

Nắm : Là nắm cầm vú đùi trước sau.

Bóp : Là nhận bóp vú đùi trước và sau vậy.

Nắm tay là gì ? **TAY :** Nghĩa là : Từ ngón tay đến cánh tay.

Nắm tóc là sao ? TÓC : Nghĩa là : Dầu tóc.

Thế nào là chạm mỗi mỗi thân phần ?

CHẠM : Nghĩa là : Chạy nhằm.

Mỗi mỗi thân phần : Nghĩa là : Các chi tiết cả trong thân mình : vai, cánh tay, rún, vú, đùi, vế, bắp chuối, móng răng v.v...

Thế thức phạm tội trong đây ra thế nào ?

Nếu thầy Tỳ Kheo dục tâm đắm nhiễm, chạm cọ đến người nữ, hoặc người nữ dục tâm đắm nhiễm chạm đến Tỳ Kheo, khi không y vật cách ra, tùy chạm nhiều ít mỗi chỗ, đều Tăng tàng. Tùy một người có y vật cách ra, cũng mắc Thô tội, hai người đều có cách, do y vật (*quần áo*) chạm nhau thì Ác tác.

Nếu chạm người nữ của Thiên long, Quỷ thần và loài súc sinh hay biến hình được đều mắc Thô tội. Chạm đến thân người hai hình thì Thô tội. Chạm cọ nhau với người nam, và loài súc sinh không biến hình được, cũng mắc Ác tác.

Hoặc tưởng là người nữ, mà chạm với thân người nam, hay là tưởng người nam, mà chạm cọ nhau với người nữ, đều Thâu Lan Giá. Người nữ này tưởng người nữ khác, hoặc người nữ khác tưởng người nữ này, đều phạm Tăng tàng.

Nếu chạm đến thân người nữ chết rồi, mà chưa hoại cũng phạm Tăng tàng. Còn hoại phần nửa, hay là hoại phần nhiều, mắc Thô tội.

Dầu người nữ dựa ở chỗ nào, mà thầy Tỳ Kheo dục tâm động khởi, thì phạm Thô tội.

Nếu người nữ làm lễ, giở chân, biết là chạm cọ, vui động thân, thì phạm Tăng tàng; còn không động thân thì mắc Ác tác.

Đánh người nữ thì phạm Đột Kiết La.

Nếu tâm dục chạm nhằm y, bát, tọa cụ v.v... cho đến chạm thân mình, tất cả đều phạm Ác tác.

Người nữ của loài người, tưởng là người nữ của loài người thì phạm Tăng tàng. Người nữ của loài người mà nghi và tưởng là người nữ của phi nhân, người nữ của phi nhân mà tưởng người nữ của loài người, hoặc sinh nghi... đều mắc Thô tội. (*Tỳ Kheo Ni phạm Ba La Di, ba chúng sau phạm Ác tác*).

Thế thức không phạm là sao ? Như có lấy vật chi cho, mà chạm nhằm nhau. Hay trượt chân té dưới đất, mà ngã nhằm trên người nữ. Hoặc người nữ bị nước trôi, hay là sa trong lửa, trong hầm, lòng lạnh vớt kéo ra. Hoặc người nữ lấy dây thắt cổ, uống thuốc độc tự vận ta vì cố cứu vớt họ, tất cả không có lòng chạm thọ vui, thì không phạm.

Phật khi ấy đi dạo trong nhân gian, thấy đồng lửa to cháy bùng. Hỏi các thầy Tỳ Kheo rằng : “Chí như có người ôm đồng lửa kia mà rờ rẫm hôn hít, liền bị cháy tiêu cả da thịt, xương, gân. Lại có người ôm nắm người con gái trong bốn họ mà rờ rẫm, hôn hít, hai việc này việc nào tốt hơn ?”.

Các thầy Tỳ Kheo nói rằng : “Ôm nắm và hôn hít người con gái kia, v.v... người đời cho là tốt. Còn ôm đồng lửa thì bị cháy tiêu da thịt gân xương, thật quá đau đớn không thể chịu được”.

Phật nói : “Thà ôm đống lửa mà hôn hít, cho đến cháy tiêu gân, xương là tốt...”. Vì sao ?

Vì chẳng do nhân duyên đó (*hôn người nữ*) mà đọa trong ba đường dữ.

Nếu chẳng phải Sa môn, mà tự nói Sa môn, cho đến ở chỗ khuất làm các việc tội lỗi, trong tâm trống không bấy rã, mà ngoài thân hiện hoàn toàn trong sạch không tiêu của tín thí đọa trong ba đường dữ, nhiều kiếp chịu khổ; cho nên phải giữ gìn tịnh giới, thọ của người thí chủ, tất cả đồ cần dùng, thì người thí chủ được nhiều điều hạnh phúc, đó thật đáng là người xuất gia, làm Sa môn cũng được thành tựu.

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu người nữ té xuống sông, cầu cứu, thấy Tỳ Kheo tưởng như đất, kéo lên thì không phạm.

Hoặc trao tre, cây, dây kéo lên thì không phạm.

Hoặc người nữ lẹ nắm thấy Tỳ Kheo, thì thấy Tỳ Kheo phải chính niệm, nếu tâm có chi khác lạ, gộp y cho dây để cầm, thì phạm Thâu Lan Giá, nếu y, chăn mềm, mỏng gộp nắm thì phạm Tăng tàng.

Thập Tụng Luật dạy : Người nữ bị nước trôi, cầu cứu, tuy tâm dâm khởi lên, nhưng chỉ nắm một chỗ dừng buông, đến bờ không nên cố tâm chạm cọ nữa, nếu còn chạm thì mắc tội.

Hoặc hình người nữ thêu, vẽ, chạm trở bằng cây mà cố dụng chạm thì phạm Đột Kiết La.

Thiện Kiến Luật nói : Nếu người nữ đánh thầy Tỳ Kheo, mà thầy Tỳ Kheo đem lòng dâm dục vui thọ đó, thì phạm tội Đột Kiết La.

Luật Nhiếp nói : Nếu mẹ đến ôm hay con gái ngồi trong lòng (*Con gái ngồi trong lòng... là con của ông, khi chưa xuất gia, có vợ con v.v...*).

Hoặc con đường đi chật hẹp, miệng chạm môi người nữ, đều không phạm.

Có 5 thứ bàng sinh được nương qua sông : voi, ngựa, trâu đực, trâu nước, trâu mao. Còn trâu cái, chẳng được cỡi qua sông.

Giới thứ ba NÓI LỜI THÔ ÁC

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, ý dâm dục cùng người nữ, nói lời dâm dục, thô ác. Tùy nói lời dâm dục thô ác phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Duyên khởi cũng đồng như trước.

Ý dâm dục : Đã giải như trước.

Người nữ : Nghĩa là : Người biết lời phạm quấy.

Lời thô ác là sao ? Nghĩa là : Lời xấu như không sạch, chẳng phải việc phạm hạnh. Tuy tất cả các tội đều gọi là ác, nhưng đây là nhân duyên tội thô trọng, hiện nay làm nhân xấu bất tịnh này, qua đời sau nhất định mắc quả báo xấu không vừa ý, nên riêng nói là thô ác...

Nói lời dâm dục là gì ? Nghĩa là : Nói đường đại tiểu kia tốt xấu, nói lời sai pháp, nhằm với việc dâm dục.

Nói lời dâm dục thô ác với người nữ : Là câu nêu chung.

Tùy lời nói dâm dục thô ác : Là câu nêu tướng riêng.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Có 8 việc đều phạm Tăng tàng. Nghĩa là : Tự tìm, bảo người tìm, hỏi, đáp, giải, nói, dạy, mắng.

Tự tìm là gì ? Là Tỳ Kheo ý dâm dục, đối với người nữ nói rằng : “Vị thiên thần giúp tôi với cô làm việc như vậy... như vậy...”.

Hỏi : Nghĩa là : Hỏi hai đường việc dâm dục kia : với chồng và việc tư thông với người ngoài.

Đáp : Nghĩa là : Đáp hai đường kia với chồng và làm việc tư thông.

Giải nói : cũng như trước.

Dạy : Nghĩa là : Dạy người kia sửa hai đường, làm cho chồng và người ngoài kính mến.

Mắng : Nghĩa là : Chê nhục hai đường kia vậy.

Như trước, nói mà rõ ràng, thì mỗi một lời, phạm Tăng tàng. Không rõ ràng thì phạm Thô tội. Hoặc ra dấu viết thư sai người, hiện tướng làm cho người nữ biết, Tăng tàng; không biết, Thô tội. Trừ hai đường, nói chỗ khác tốt xấu, phạm Thô tội.

Đối với người nữ Thiên long, Quỷ thân, người huỳnh môn, người hai hình, nói cho họ biết phạm Thô tội. Không biết phạm Ác tác. Đối với người nữ của loài súc sinh không biến hình được, và người nam mà nói, phạm Ác tác.

Nếu Tỳ Kheo ý dâm dục, đối với người nói lời thô ác hay là tưởng lời thô ác, phạm Tăng tàng; nghi nói lời thô ác và chẳng phải thô ác, tưởng là thô ác, hoặc lại sinh nghi, đều phạm Thâu Lan Giá.

Người nữ tưởng là người nữ, phạm Tăng tàng. Người nữ nghi hoặc tưởng là người nữ của phi nhân, và người nữ của phi nhân, tưởng là người nữ của loài người; hoặc lại sinh nghi, hoặc là người nữ, tưởng là người nam; hay là người nam tưởng là người nữ, đều phạm Thâu Lan Giá

Người nữ này tưởng là người nữ khác, người nữ khác tưởng là người nữ này, đều Tăng tàng.

Dầu tính tốt mà nói lời thô ác, tuy tâm không có dâm dục cũng phạm Đột Kiết La. Tỳ Kheo Ni phạm Thâu Lan Giá. Ba chúng sau cũng Đột Kiết La.

Thể thức không phạm là gì ? Vì người nữ nói pháp bất tịnh quán, hay là khi nói Tỳ Ni nói lần đến đây; hoặc nói trong chiêm bao, hay là nói đây nói lằm chỗ kia v.v...

Căn Bản bộ nói : Nếu người nữ nói lời tục tĩu, mà thầy Tỳ Kheo nghe lời nói lãnh thọ, vui lòng việc đó, tuy chẳng phải mình nói, cũng mắc Tăng tàng.

Hoặc ở nước khác tuy nói lời thô xấu, song chẳng phải lời tục tũ ở nước ta đều không phạm.

Giới thứ tư

KHEN THÂN MÌNH XIN CÚNG DƯƠNG.

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo ý dâm dục, ở trước người nữ, tự khen mình rằng : “Đại muội ôi ! Qua tu phạm hạnh, giữ giới tinh tấn, làm các việc lành, em nên đem việc dâm dục đó cúng dường cho qua. Cúng dường như vậy là quý hơn hết”, phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Ý dâm dục : Đã giải như trên.

Ở trước người nữ là sao ? Nghĩa là : Ở trước người nữ, biết được lời nghĩa tốt xấu.

Tự khen mình rằng là gì ? Đây có ba cách khen mình :

1.- Tự khen danh dự và nhan sắc đoan chính tốt đẹp của mình.

2.- Tự khen danh dự dòng Sát Đế Lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, Bà La Môn.

3.- Tự khoe danh dự, những pháp lành của mình tu chứng.

Đại muội ôi : Là lời kêu gọi người nữ kia.

Qua tu phạm hạnh : Là lời mình hay tu tập hạnh thanh tịnh, do hạnh này mà được đạo Niết bàn, nên nói là phạm hạnh.

Giữ giới tinh tấn là sao ? Là khoe mình giữ giới hoàn toàn, không thiếu, không lúng lợt, không nhiệm ô vậy.

Làm các việc lành như thế nào ? Là tự siêng năng tu tập các pháp lành.

Tối thắng nhiệm mầu : Tức là công đức của 12 hạnh Đầu đà và hay đọc tụng, đa văn, thuyết pháp, trì luật, tọa thiền v.v... Nhờ tu tịnh hạnh nên giới mới được hoàn toàn, do giới hoàn toàn nên thành tựu các công đức tối thắng nhiệm mầu vậy.

Sắp về trước thuật rõ công đức của mình, từ đây về sau mới đòi việc cúng dường.

Em đem việc dâm dục ấy cúng dường cho qua là sao ? Đây là rõ chính đòi sự cúng dường phi pháp, lựa chẳng phải việc khác vậy.

Cúng dường như vậy, là quý hơn hết ? Nghĩa là : Cúng dường sự dâm dục như vậy, đối trong các món cúng dường, là quý hơn hết.

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Nếu ở trước người nữ, một tiếng tự khen mình, thì phạm một tội Tăng tàng; tùy khen mình nhiều ít, rõ ràng mỗi một lời nói thì phạm một tội Tăng tàng. Nói không rõ ràng, phạm Thô tội.

Nếu đưa tay làm dấu, hoặc gửi thư, sai người, hiện tướng làm cho người kia biết, đều phạm Tăng tàng; còn không biết phạm Thô tội.

Trừ hai đường ra, lại đòi cúng dường chỗ khác, phạm Thâu Lan Giá.

Ở trước Thiên long, Quý thân nữ, hay là súc sinh nữ, biến hình được, nói rõ ràng, phạm Thô tội; còn không rõ ràng, phạm Ác tác.

Ở trước người nam súc sinh mà khen mình, phạm Đột Kiết La.

Người nữ của loài người, tưởng là người nữ phi nhân, hoặc nghi và bốn chúng kia, phạm tội nặng nhẹ, như giới trước đã giải.

Thế thức không phạm là sao ? Nói rằng : “Thầy Tỳ Kheo này hiền lành, cô nên đem thân, khẩu, ý, nghiệp lành mà cúng dường; hoặc khi vì nói Luật Tỳ Ni lời nói giống nhau cho đến nói lầm lộn v.v... (Sát Đế Lợi, như trong 90 việc (Ba Dật Đề) mà giới “Vào cung vua” đã có giải).

Giới thứ năm LÀM MAI MỐI

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo qua lại kia đây làm mai mối, đem ý của người nam, nói với người nữ, hay đem ý người nữ nói với người nam, hoặc thành vợ chồng, hay thành việc tư thông; cho đến chừng trong giây phút, phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, trong non Linh Thứu, khi ấy thầy Tỳ Kheo tên Ca La, quen biết việc thế tục, vì người làm mai mối, cho những người nam, nữ kia cưới gả. Người nào được vừa ý thì vui mừng cúng dường khen ngợi, còn người nào không được vừa ý, thì oán, mắng nhiếc, trách

móc. Các thầy Tỳ Kheo đem việc này bạch lên Phật. Phật dùng nhiều cách quở trách rồi kiết giới.

Qua lại kia đây làm mai mối là sao ? Nghĩa là : Thầy Tỳ Kheo làm người sứ cho hai đảng nam, nữ qua lại kết hôn thú vậy.

Đem ý người nam, nói với người nữ, hay là đem ý người nữ nói với người nam. Nghĩa là : Đem ý của nam, nữ kia đây, nói cho biết nhau vậy.

Hoặc thành vợ chồng, hay thành việc tư thông là sao ?

Thành vợ : Là trọn đời làm vợ chính thức.

Tư thông : Là tạm thời lén giao hội cùng nhau.

Nhẫn đến chừng giây phút là sao ? Rõ chẳng phải thời gian lâu dài vậy.

Một ngày một đêm cộng có 30 tu du (*giây phút*) nhẫn đến hội hợp trong một tu du, cũng mắc Bốn tội.

Người qua lại kia đây mai mối : là sứ vậy.

Còn đem ý nam, nữ nói với nhau : Là chủ vậy.

Làm thành vợ chồng và tư thông : Là sự vậy.

Nhẫn đến trong tu du : Là giờ phút vậy.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Người nam, nữ kia, cầu thầy Tỳ Kheo làm người sứ, nói rằng : Đại đức cưới vợ giùm tôi, hay là tư thông

giùm tôi, hoặc nói chừng trong tu du, hoặc trong một phút; thấy Tỳ Kheo thọ lời đó đi đến kia nói, rồi thọ lời bên kia, trở về trả lời, thì phạm Tăng tàng.

Như vậy nên biết thầy Tỳ Kheo thọ lời nói, đến kia hỏi rồi trở về trả lời. Ở trong ba lần này; hoặc tự làm lần ban đầu và lần thứ hai, còn lần sau, sai người khác; hay là tự làm lần ban đầu, còn hai lần sau sai người khác; hoặc tự làm lần đầu, lần sau, còn lần giữa sai người khác, đều phạm tội Tăng tàng.

Đây có bốn việc đều thành mai mối :

- 1.- Lời nói
- 2.- Viết thư
- 3.- Lấy ngón tay ra dấu
- 4.- Hiện tướng.

Dùng trong bốn việc này, hoặc ở chỗ kia thọ lời đi đến nói, trở về trả lời, ở trong ba việc, hoặc riêng dùng một việc, mà làm ba; hoặc dùng hai, ba việc, mà làm xen lộn, hoặc tự đi rồi về, hoặc sai người đi rồi trở về làm cho người kia biết, thì phạm Tăng tàng. Không biết thì phạm Thô tội.

Ở trong ba lần, làm hai lần, phạm Thâu Lan Giá.

Làm một lần, phạm Đột Kiết La.

Tùy mai mối nhiều ít, nói rõ ràng mỗi một lần, phạm tội Tăng tàng... Không rõ ràng phạm Thô tội.

Nếu mai mối cho người nữ của Trời, Rồng, Quỷ hay là súc sinh cái mà biến hình được và người

huỳnh môn, người hai căn đều mắc Thô tội. Mai mối cho người nam của loài súc sinh đều phạm Ác tác.

Người nữ tướng là người nữ, phạm Tăng tàng, người nữ của loài người mà nghi và tướng là người nữ của vị phi nhân, người nữ của phi nhân, tướng là người nữ của phi nhân và nghi đều phạm Thâu Lan Giá.

Nếu đem thư đến cho người, mà chẳng xem coi; hoặc vì người đời, làm sứ cho các việc khác, đều Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thể thức không phạm là sao ? Vì hòa hiệp việc biệt ly, chồng vợ rầy nhau, hòa hiệp dạy sám hối; vì cha mẹ có bệnh và bị giam trong ngục, vì Cư sĩ tín tâm có bệnh ở trong ngục. Vì Tam Bảo, vì Tháp, vì thầy Tỳ Kheo có bệnh, v.v... coi thư rồi cầm đi không phạm.

Năm giới trên đây đều thuộc về dâm dục.

Giới thứ nhất, tuy không có cảnh người nữ, mà được thọ vui; hai giới kế đó thân nghiệp, ngữ nghiệp, mà thọ việc dục lạc. Giới thứ tư, do phương tiện khéo léo cầu việc dục lạc. Giới thứ năm này, làm cho người khác thọ việc dục lạc, mà trong đó lợi dụng về việc sinh sống .

Thiện Kiến Luật nói : Nếu cha mẹ đánh lộn, cha đuổi mẹ về nhà ông ngoại. Sau rồi sinh tâm ăn năn, nói với thầy Tỳ Kheo rằng : "Tôi già cả sớm tối không có người hầu hạ nuôi dưỡng, nên nói với mẹ

ông trở về nuôi tôi”. Tỳ Kheo thọ lời đó, đến nói với mẹ, trở về đáp với cha thì phạm tội Tăng tàng.

Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu nam tử có nhiều vợ, mà có vợ thì thương, có vợ lại không thương”. Tỳ Kheo nói rằng : “Ông phải thương cho đồng, làm cho quân bình”. Đáp rằng xin vâng lời thầy dạy; thì phạm Thâu Lan Giá.

Nếu vợ chồng rầy rà mà thầy Tỳ Kheo khuyên dạy cho hòa hiệp, cũng phạm Thâu Lan Giá. Nếu vợ chồng kia không hiệp hòa, hoặc là đối với việc thờ Phật kính Tăng còn thiếu vì việc làm phước khuyên cho hòa hiệp thì không tội.

Nếu khuyên cho vợ sớm về nhà chồng, thì phạm Thâu Lan Giá. Có hai thầy Tỳ Kheo (vì trước khi chưa đi xuất gia) một thầy có con trai, một thầy có con gái, liền tự làm sui gia, hai thầy đều phạm Tăng tàng.

Có người nuôi ngựa nhiều, mà không có giống tốt nhảy, cậy thầy Tỳ Kheo nói nhà nào có giống ngựa tốt, vì tôi tìm giùm. Thầy Tỳ Kheo đi hỏi giùm phạm tội Thâu Lan Giá.

Giới Nhân Duyên Kinh nói : Mở cho loài súc sinh cái, đục, lộn nhau phạm tội Tăng tàng.

Luật Nhiếp nói : Nếu nói rằng : “Sao không đòi vợ, thì phạm tội Ác tác”. Hay nói rằng : “Nhà kia có con gái, sao không đến đó cầu hỏi... Vì ý muốn làm mai mối, thì phạm Thâu Lan Giá”. Nếu nói người này sao không vào nhà (nhập xá = ở rề), hoặc nói rằng : “Cô gái sao không thờ cô này (tức là mẹ chồng). Nếu nói

chú này sao không cất nhà riêng ? (*biệt thất = lấy vợ lẽ*)... Nếu nói lời chỉ in giống với việc mai mối chừng một chút, đều phạm Ác tác”.

Đệ tử bạch với thầy rằng : “Con muốn làm mai mối cho người kia, mà thầy làm thỉnh hứa cho lời đó. thì phạm Thô tột”.

Nhân duyên chi mà bốn giới này theo thứ lớp như vậy ?

- Vì những người nam chưa biết ý của người nữ, trước đã nắm tay, muốn thử tình của người kia. Nếu hứa cho, kế nắm cánh tay, cho đến sờ cổ, sờ bụng lần lần chạm đến chỗ khác. Nếu không cho liền nói lời tục tĩu, để kêu gọi tình của người kia.

Đây là đối với người nữ chưa tin Phật, Pháp, nên có hai việc này; nếu người nữ biết tin kính Phật Pháp, biết họ ưa làm phước, thì nói các pháp lành mà khuyên dạy đó. Trong ba giới này là chính thân mình nhiệm về sự dâm dục. Còn một giới sau là : Vì người mà làm việc mai mối cho nam, nữ, hòa hiệp, để cầu y thực.

Phụ vấn : Người hai hình ? Nghĩa là : Một thân mà có đủ nam, nữ hai căn.

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN HAI)

LUẬT TỬ PHẦN GIỚI BỒN NHƯ THÍCH

QUYỂN BA

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu,
thầy Sa môn Thích Hoàng Tân,
hiệu Tại Tham (dịch).

Giới Thứ Sáu

CHẲNG ĐƯỢC LÀM THẤT RIÊNG QUÁ LƯỢNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo tự xin làm thất, không có thí chủ, mình tự làm cho mình; phải làm đúng lượng.*

Đúng lượng trong đây như thế nào ? Bề dài 12 gang tay, bề rộng 7 gang tay của Phật. Phải mời các Tỳ Kheo khác chỉ bảo chỗ nơi. Các Tỳ Kheo kia phải chỉ bảo chỗ nơi, là chỗ không nạn, chỗ không hại. Nếu Tỳ Kheo nhè chỗ có nạn, có hại, xin làm thất cho mình, không có thí chủ mà tự mình làm cho mình; không mời các Tỳ Kheo khác chỉ bảo chỗ nơi, nếu làm quá lượng đấy, phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, trong non Linh Thứu, cho các thầy Tỳ Kheo làm phòng thất riêng. Bấy giờ có thầy Tỳ Kheo ở nước Khoáng Dã, nghe Phật hứa cho, bèn làm phòng riêng lớn, hao công rất nhiều, thường xuyên đi khuyên tội, các ông Cư sĩ nhàm chán lánh xa.

Lại có một thầy Tỳ Kheo khác, muốn làm phòng thất, tự đi đốn cây đại thọ; ông thân ở trên cây ấy mất chỗ ở, đến kiện với đức Thế Tôn.

Một khi tình cờ, ngài Đại Ca Diếp đi đến thành Khoáng Dã, các ông Cư sĩ thấy ngài còn ở xa, đều lánh mặt. Ông Ca Diếp hỏi ra mới biết việc ấy, đem bạch đủ lên Phật.

Phật quả trách thầy Tỳ Kheo kia, rồi vì đó mà liên kết giới.

Tự xin làm nhà là sao ? Tự xin là : Chính mình đi xin cây và xin công thợ v.v... Làm thất : Hoặc tự làm, hoặc bảo người làm.

Không chủ là gì ? Nghĩa là : Không người thi chủ làm hộ, tự mình đi xin cầu vậy.

Tự làm cho mình là sao ? Là chính làm cho mình chẳng phải làm cho chúng Tăng vậy.

Phải đúng lượng là thế nào ? Là đúng theo lượng Phật chế mà làm, thì khỏi cái lỗi thất lớn bộn bề và không cái thất nhỏ chật hẹp.

Đúng lượng trong đây là gì ? Chính lượng trong đây là : bề dài 12 gang tay, bề ngang 7 gang tay của Phật.

Bề dài 12 gang tay của Phật là sao ? Dài: Ý nói bề thâm hậu của cái thất. Một gang tay của Phật bằng 3 gang tay của người thường.

Bề trong rộng 7 gang là gì ? Là cái lượng rộng của bề ngang trong cái thất vậy.

Phải mời các Tỳ Kheo khác chỉ dạy chỗ nơi v.v... là sao ? Chữ Tỳ Kheo : Nghĩa là chỉ cho chúng Tăng, hay là sai một vị Tỳ Kheo khác.

Chỉ : Là dạy. Cho : là trao cho

Thầy Tỳ Kheo khi muốn làm phòng, trước phải tự xem coi chỗ đó, không nạn, không hại, xong rồi trở về tịnh xá, mời chúng Tăng đến xem và chỉ dạy chỗ nơi. Cách mời như thế này :

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tôi Tỳ Kheo ... xin làm thất; không có thí chủ làm, tôi tự làm cho tôi. Nay đến chúng Tăng xin chỉ chỗ : chỗ không nạn, không hại” (*bạch ba lần*).

Chúng Tăng phải xem xét, thầy Tỳ Kheo đó có thể tin được hay không ?

Nếu tin được thì cho làm, nếu như không tin được, thì trong chúng Tăng phải đến coi địa thế đó; nếu chúng Tăng không đi phải sai từ 1 đến 3 vị Tỳ Kheo đáng tin được, đến chỗ kia xem coi, nếu như địa cuộc đó có nạn, có hại, thì không nên cho, bằng như không nạn, thì chúng Tăng phải làm phép bạch hai lần Yết Ma, chấp thuận cho.

Văn bạch như vậy : “Bạch Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ Kheo... tự xin làm thất, không có thí chủ; ông tự làm, nay đến chúng Tăng, xin chọn cho chỗ không nạn, không hại”. Nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, sẽ chọn cảnh cuộc cho Tỳ Kheo, chỗ không nạn, không hại.

Bạch như vậy, phép bạch thành không ? Chúng Tăng xét được, thì đồng đáp : “Thành”.

Bạch Đại đức Tăng lắng nghe : “Tỳ Kheo... đây, tự xin làm thất, không có thí chủ, ông tự làm, nay đến chúng Tăng xin chọn chỗ không nạn, không hại. Chúng Tăng nay chỉ chỗ cho Tỳ Kheo... chỗ không nạn, không hại”.

Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho chúng Tăng chọn cho Tỳ Kheo... chỗ không nạn, không hại đấy, thì im lặng, còn vị nào không bằng lòng cứ nói. Yết Ma thành không ? Đồng đáp : “Thành”.

Chúng Tăng đã bằng lòng chọn cho Tỳ Kheo... chỗ không nạn, không hại rồi, vì chúng Tăng bằng lòng nên im lặng thì việc này rõ như vậy.

Chỗ có nạn là sao ? Là chỗ có các loài thú dữ, nhằn đến nhỏ như loài kiến. Tỳ Kheo kia, nếu không bị các loài thú và loài trùng đó làm hại, thì phải bảo người sửa sang cho bằng phẳng. Nếu đất bị người ta nhận, thì phải cùng nhau phân đoán cho rành rẽ, đừng để cho ai nói.

Chỗ ngại là sao ? Nghĩa là : Quanh ngoài bốn phía thất, không lọt xe cỏ quay qua lại.

Tăng Kỳ Luật nói : Bốn phía, mỗi phía không lọt 12 nấc thang, mỗi khoảng nấc thang cách nhau một cánh chỏ (cỡ 4 tấc tây).

Luật Nhiếp nói : Không được gấn bên thất trong một tầm mà có giếng và có đường đi, hay là bờ dốc cao.

Thập Tụng Luật nói : Đất trong bốn phía chừng một tầm (2 thước 5 tây) có đất của tháp, hoặc đất của quan, đất của Cư sĩ, đất của ngoại đạo, đất của cô Tỷ Kheo Ni, hoặc có đá lớn suối nước chảy, cây lớn, hầm sâu, đều gọi là chỗ hại cả.

Nếu Tỷ Kheo tự xin làm thất, nhẫn đến chỗ không hại, được như vậy, thế mới gọi là thuận theo lời Phật dạy, khỏi tội.

Nếu thầy Tỷ Kheo làm thất chỗ có nạn, nhẫn đến làm quá lượng, đó gọi là trái lời Phật dạy, mắc tội vậy.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Hai tội nặng, hai tội nhẹ, nếu không nhờ chúng Tăng chỉ chỗ và làm quá lượng, mắc hai tội Tăng tàng; hề làm chỗ có nạn, có hại, phạm hai tội Ác tác, mượn người khác làm cũng vậy.

Trong bốn việc trên, tùy theo thiếu một việc, mắc tội nhiều ít, nặng, nhẹ, cứ theo đây nên biết. Nếu làm mà không thành thì mắc hai Thô tội và hai Ác tác. Nếu làm thất giùm cho người ta khi thành, thì phạm hai Thô tội, hai Ác tác. Làm giùm mà không thành, thì bốn Ác tác.

Nếu chúng Tăng chọn chỗ cho, mà tưởng là không chọn chỗ mà làm càn, thì phạm Tăng tàng. Nếu sinh tâm nghi v.v... thì đều phạm Thô tội, làm quá lượng cũng như vậy.

Nếu chỗ có nạn, tưởng có nạn và nghi, v.v... thì đều phạm Ác tác, có hại cũng vậy.

Cô Tỳ Kheo Ni phạm Thâu Lan Giá. Ba chúng sau phạm Đột Kiết La.

Thế thức không phạm là sao ? Làm cho chúng Tăng, làm cho Phật, làm cho giảng đường, làm cái thảo am, làm am bằng lá, hay là làm thất nhỏ để dung thân.

Thập Tụng Luật nói : Nếu được cái thất họ làm sẵn trước rồi, thì không phạm.

Thiện Kiến Luật nói : Bớt bề dài một gang, thêm bề ngang một gang, nếu bớt bề ngang thêm bề dài, thì cũng không được, hướng chi dài, rộng đều quá lượng ư... !

Làm chưa rồi, nhẫn đến một năm bùn, cũng phạm. Nếu cái thất bề dài 6, bề ngang 4, mà không chủ, tự mình làm, thì cũng phạm.

Vì sao ? - Bởi vì chẳng phải cớ của cái thất.

Nếu làm một cái thất ở chung hai, ba ông. Một thầy Tỳ Kheo, một ông Sa Di đều không phạm.

Vì sao ? - Vì một ông không có phần (có phần nguyên một cái thất). Nếu chia riêng từ phần, ông nào được phần riêng một cái thất, phạm tội Tăng tàng.

Giới thứ bảy LÀM PHÒNG LỚN KHÔNG MỜI CHÚNG TĂNG CHỈ CHỖ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo muốn làm phòng lớn, có thí chủ làm cho mình, phải mời các Tỳ Kheo

khác chỉ dạy chỗ nơi cho; các Tỳ Kheo kia phải chỉ bảo chỗ nơi, là chỗ không nạn, không hại. Nếu Tỳ Kheo nhờ chỗ có nạn, có hại, làm phòng lớn, có thí chủ làm cho mình, mà không mời các Tỳ Kheo khác đến xem và chỉ bảo chỗ nơi, thì phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Câu Thiểm Di, trong vườn ông Trưởng giả, tên Mỹ Âm. Khi đó vua Ưu Điền, cùng Tôn giả Xiển Đà kết làm bạn thân hữu, vì đó mà mặt tình ông làm phòng xá.

Ở gần bên thành có cây linh tên là Ni Câu Luật (đại thọ) phần nhiều người và ngựa, đi qua hay lại ngừng nghỉ dưới gốc cây ấy.

Ông Xiển Đà đốn cây đó, đem làm thất lớn, mấy ông Cư sĩ thấy chê ghét. Các thầy Tỳ Kheo nghe biết, đem việc ấy bạch lên Phật, Phật vì đó kết giới.

Phòng lớn là sao ? Lớn có hai nghĩa :

- 1.- Thí Đại : hại tiền của quá nhiều.
- 2.- Hình lớn : hạn quá lượng

Có chủ là gì ? Là có người thí chủ làm cho, còn bao nhiêu như giới trước đã giải.

Vì sao giới này khác hơn giới trước ? Vì giới này có thí chủ, nên cho làm quá lượng. Còn vẫn mời chúng Tăng chọn chỗ, và chúng Tăng làm phép Yết Ma chỉ dạy cho cũng in như giới trước, chỉ khác là đổi hai chữ Đại phòng mà thôi.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Là :

1.- Tội Tăng tàng. 2.- Tội Ác tác. Còn bao nhiêu cũng đồng như giới trước.

Duyên có thiếu v.v... và phạm tội nặng nhẹ, thì nghiệm theo đây mà biết, không tiện giải nhiều.

Nơi đây nói rõ những phép kiết giới và giải giới. Phật nói tùy theo chỗ ở, hoặc làng, hoặc ấp, cảnh giới nào cho kiết giới.

Xem trong bản Tùy Cơ Yết Ma, nói Pháp Kiết giới.

Tóm lại có 2 pháp : 1.- Tác pháp. 2.- Tự nhiên.

Giới Tác pháp là gì ? Như trong Luật bốn nói thì có ba pháp :

1 - Đại giới. 2.- Giới tràng. 3.- Tiểu giới.

Giới Tự nhiên là gì ? Chia riêng có 4 :

1.- Tự lạc. 2.- Lan nhã. 3.- Đạo hành. 4.- Thủy giới.

1.- Giới Tự lạc là gì ? Có hai phép :

a/ Nếu chỗ đó phân biệt không được, cứ theo Luật Tăng Kỳ, cỡ 7 cây, tính chung có 6 gian và 63 bước, đều không có chúng khác, được làm phép Yết Ma.

b/ Như chỗ đó phân biệt được, cứ theo trong Thập Tụng Luật, đều nhóm chúng Tăng trong tự lạc đó. (Lấy tự lạc làm giới).

2.- Giới Lan nhã là gì ? Có hai pháp :

a/ Không nạn – Như trong Căn Bản Luật nói : Không làng chỗ A Lan Nhã (*chỗ vắng vẻ*) như chỗ ruộng trống, châu vi mỗi phía chừng một Cu Lô Xá, theo trong đây thì 8 dặm (*còn bản xưa nói 5 dặm*) có bao nhiêu Ty Kheo đồng nhóm một chỗ làm các pháp Yết Ma.

b/ Có các nạn. – Như trong Thiện Kiến Luật nói : Nhỏ nhất là hoặc vuông, hoặc tròn, chừng 7 cái Bàn Đà La (*một Bàn Đà La có 28 cánh chõ*) nhóm chúng Tăng trong đó làm phép Yết Ma.

3.- Giới Đạo hành là gì ? Trong Thập Tụng Luật nói : Chung quanh chừng 600 bước.

4.- Giới Thủy giới là gì ? Trong Ngũ Phần Luật nói : chúng Tăng ở trên chiếc thuyền, bảo ông mạnh hơn hết, lấy nước và cát quăng ra bốn phía, hễ đến chỗ nào thì làm ranh giới chỗ đó.

Trong 6 tướng này cũng phải xoay thân và mặt ngó tới, trong chừng hạn vuông vức cỡ 6 tướng nói trên, mà nhóm Tăng không có chúng khác, mới được gọi là đúng pháp.⁽¹⁾

Đại giới là gì ? Trong Ngũ Phần Luật nói : Rất xa chừng 3 do tuần.

Trong Căn Bản Luật dạy : chừng hai cái rưởi Du Thiện Na mới nên làm phép Kiết giới. Nếu quá

⁽¹⁾ Tụ lạc có 2, Lan nhã có 2, Đạo hành có 1, Thủy giới có 1, cộng là 6 tướng.

thì không phải Giới vậy (một cái Du Thiện Na xa hơn 30 dặm. 2 cái rươi xa cỡ 80 dặm)(một dặm có 3600 bước, tính phòng chừng 25 cây số ngàn).

Nên kiết như vậy, phải lót chỗ ngồi, đánh kiền chùy đều nhóm một chỗ, không cho thọ người thuyết dục (vì chưa Kiết giới không có giới để nhiếp sự thọ dục và thuyết dục. Hơn nữa nếu cho thọ thuyết dục, thì không biết giới tướng, nên có lỗi mất y, và phá hạ).

Trong đây ông Cự trụ Tỳ Kheo phải xướng cái tướng bốn phương của Đại giới. Nếu phương Đông có núi thì nói có núi, nếu có hầm thì xướng có hầm; hoặc làng, hoặc thành, hoặc bờ đắp, hoặc vườn, hoặc rừng, hoặc ao, hoặc cây, hoặc đá, hoặc vách tường, hoặc miếu thờ thần. Tướng phương Đông như vậy, thì các tướng phương khác cũng như vậy.

Nhưng chỗ kiết giới, không được hai giới liền nhau, phải để hở chính giữa, không được cách dòng nước chảy mau, trừ ra có cầu và thuyền đi lại.

Pháp xướng tướng giới, phải khởi thân đánh lễ chúng Tăng một lạy, rồi quỳ gối bạch rằng : “Thưa Đại đức Tăng lòng nghe, tôi Tỳ Kheo cự trụ pháp danh là...” (nếu ông đó chẳng phải là cự trụ, mà hề biết xướng tướng ranh giới, thì cũng được. Phải trừ hai chữ cự trụ đừng nói).

Thay thế chúng Tăng, xướng tướng Đại giới của bốn phương. Từ góc Đông Nam nêu cái chi...? Đến góc Tây Nam nêu cái chi ? Từ đó đến góc Tây Bắc nêu cái chi ?... Từ đây đến góc Đông Bắc nêu cái chi ?... Từ đây đến góc Đông Nam nêu cái chi...?

Đây là cái tướng bên ngoài của Đại giới, giáp một vòng rồi (*phải rành rẽ xương ba lần*).

Hễ có quanh co tùy theo sự mà xương đó, nếu không biết chừng phân chế hạn, thì kiết đã không thành, mà pháp Yết Ma cũng hư hỏng; hoặc thọ giới hay làm các pháp sự đều là lương hết.

“Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo ở lâu chỗ này, xương tướng bốn phương của Đại giới. Nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, thì chúng Tăng nay ở trong tướng của bốn phương này kiết Đại giới, đồng ở một chỗ, đồng tụng một giới. Bạch như vậy tác bạch thành không ?

- Đồng đáp : “Thành”.

Xin Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo ở lâu chỗ này, xương tướng bốn phương của Đại giới, chúng Tăng nay ở trong tướng của bốn phương này kiết Đại giới, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới.

Bạch Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng Tăng nay ở trong tướng bốn phương này kiết Đại giới, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới đấy thì lắng lắng, vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Tăng đã bằng lòng, ở trong tướng bốn phương đây, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới kiết Đại giới rồi, vì chúng Tăng đã bằng lòng, nên lắng lắng, thì việc này rõ như vậy.

Luật Nhiếp nói : Như sông rạch có cầu, thì cho kiết giới chung, rường cầu có hư, nếu muốn sửa

sang, chừng trong 7 ngày đêm, nếu quá đến đêm thứ tám, thì giới pháp mất, nếu mình không để tâm sửa lại, hễ cầu hư thì mất giới liền.

Phàm ông khách Tỳ Kheo đi đến chỗ lạ, phải ở được trong bảy, tám ngày rồi, hễ không ai đi đến, thì nên cùng nhau kiết giới, đây là vì chỗ trống bỏ lâu, không có Tỳ Kheo ở.

Bấy giờ các Tỳ Kheo ý muốn, kiết rộng, hoặc kiết hẹp. Phật nói : “Nếu muốn đổi kiết lại, thì phải giải giới trước”. Vậy sau muốn kiết rộng, kiết hẹp gì tùy ý, phải bạch hai lần Yết Ma như vậy mới giải :

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nay Tỳ Kheo ở chỗ này, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, đến giờ chúng Tăng nhóm, Tăng bằng lòng cho giải giới, bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nay Tỳ Kheo ở chỗ này, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, giải giới, các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng Tăng đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, giải giới, thì lắng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Xướng rồi trong chúng nên cử một vị biết làm phép Yết Ma. Hỏi và đáp xong rồi, phải bạch như vậy :

Tăng đã bằng lòng, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, giải giới rồi, vì Tăng đã bằng lòng nên lắng lặng thì việc này rõ như vậy. (Nếu giải giới,

trong Đại giới, có giới tràng, thì văn giải cũng đồng như đây. Không có văn nào khác).

Khi đó có hai chỗ ở : tụng giới riêng, lợi dưỡng riêng, muốn cho tụng giới chung, lợi dưỡng chung, Phật cho mỗi chỗ giải giới riêng, rồi nhóm hết chúng Tăng lại một chỗ, xướng tướng bốn phương, rồi kiết giới chung lại.

Văn kiết đại khái đồng như trên, chỉ nói câu : Chúng Tăng ở chỗ này với chỗ kia hai chỗ, kiết Đại giới, tụng giới chung, lợi dưỡng chung là khác thôi.

Lại có hai chỗ ở : Tụng giới riêng và lợi dưỡng riêng. Muốn tụng giới chung, lợi dưỡng riêng. Phật cho mỗi chỗ giải, rồi kiết chung lại. Văn kiết lược đồng như văn trước, nên biết.

Lại có hai chỗ ở : Tụng giới riêng, lợi dưỡng chung, vì muốn giữ gìn chỗ ở. Phật cho giải rồi kiết lại.

Khi đó các thầy Tỳ Kheo có việc phải dùng chúng 4 thầy khởi làm phép Yết Ma; hoặc chúng 5 thầy hoặc chúng 10 thầy hoặc chúng 20 thầy, khởi làm phép Yết Ma. Đại chúng ở trong đó nhóm họp sợ nhọc nhằn. Phải dạy : Cho kiết Giới tràng phải kiết như vậy; xướng giới tướng bốn phương...

Hoặc đóng nọc, hoặc trụ đá, hoặc lấy bờ làm chuẩn, để cho biết chừng hạn.

Nguyên Giới tràng này, vốn vì có việc cần yếu vì chúng Tăng phần nhiều khó nhóm, hoặc thường có khởi sự, chúng Tăng nhóm hoài sợ mỗi một, nên

cho kiết riêng Giới tràng này. Nếu chúng Tăng nhóm hết được, thì đều phải nhóm ở trong Đại giới làm các phép Yết Ma. Tràng này lớn nhỏ luật chế không nhất định.

Xét lời chú của ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng nói: Bên nước Tây quốc đều có độ lượng, vừa hơn một trượng, đất bằng gạch xây, cao chừng hai thước, trong tường đắp nền cao chừng 5 tấc, để cho chúng Tăng ngồi chung quanh, đều không thêm cấp và trau dồi các việc. Chính giữa để tháp nhỏ, cao bằng đầu người, khai cửa nhỏ một bên, ra vào vừa được.

Thiện Kiến Luật nói : Giới tràng nhỏ nhất là dung nạp 21 người, đây là tính nhỏ nhất, đặt cho khi khác có xuất tội Tăng tằng và bao nhiêu tất cả pháp Yết Ma cũng đều thành hết. Nếu muốn kiết phải ở một bên trong Đại giới, chỗ không nạn, không ngại, ở đó mà kiết.

Tỳ Ni Mẫu kinh nói : Phải ở chung quanh trong Đại giới. Căn Bản, Ngũ Phần đều bảo : Kiết trước Đại giới.

Khi giải, giải sau Đại giới, phải trước đặt ba lớp nêu tướng, trong bao một lớp, là ngoại tướng của Giới tràng, chặng giữa một lớp, là nội tướng của Đại giới.

Đại giới và Giới tràng không được dính liền nhau, cũng phải chừa ở chính giữa trống. Một lớp ngoài hết là cái tướng ngoại Đại giới, lập ba tướng rồi, chúng Tăng đều ở trong giới tự nhiên, nhóm ở trong nêu Giới tràng; trước cử một thầy Tỳ Kheo

xướng ngoại tướng của Giới tràng; phải xướng như vậy :

Đại đức Tăng nghe, tôi Tỳ Kheo (mỗ) ở trụ xứ này, vì Tăng xướng tướng bốn phương của Tiểu giới. Từ góc Đông Nam của trụ xứ này lấy (mỗ vật) làm nêu. Đến góc Tây Nam lấy (mỗ vật) làm nêu. Từ đây về phương Bắc, đến góc Tây Bắc, lấy (mỗ vật) làm nêu. Từ đây về phương Đông, đến góc Đông Bắc, lấy (mỗ vật) làm nêu. Từ đây về phương Nam, trở lại góc Đông Nam, lấy (mỗ vật) làm nêu. Đây là ngoại tướng của Giới tràng giáp một vòng.

Nếu có quanh co thì tùy theo việc mà nói; còn phép Yết Ma thì như văn trước nên biết phải xướng như vậy :

Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo ở chỗ này, xướng tướng bốn phương của Tiểu giới, nếu đến giò chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng nay ở trong tướng bốn phương của Tiểu giới đây kiết Giới tràng. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tỳ Kheo ở chỗ này xướng tướng bốn phương của Tiểu giới, Tăng nay ở trong tướng bốn phương của Tiểu giới đây, kiết Giới tràng. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng Tăng nay ở trong tướng bốn phương đây kiết Giới tràng, thì lắng lắng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Tăng đã bằng lòng ở trong tướng bốn phương đây kiết Giới tràng rồi. Vì Tăng đã bằng lòng nên lẳng lẳng, thì việc này rõ như vậy.

Kiết rồi nêu bảng cho biết chỗ đó để cho người sau đến biết ranh phần của các giới. Kế đó mới xướng tướng trong ngoài của Đại giới :

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tôi Tỳ Kheo pháp danh... vì chúng Tăng xướng tướng trong ngoài bốn phương của Đại giới. Trước xướng tướng trong. Từ tướng ngoài của Giới tràng cây nêu góc Đông Nam, ngoài chừng hai thước nêu cái chi... Đây là cứ theo đương thời, có chi nói nấy, không cần đọc lời văn.

Đây là nội tướng của Đại giới : Góc Đông Nam cây nêu chi... Từ đây qua phương Tây, đến góc Tây Nam, cây nêu chi... Từ đây qua phương Bắc, đến góc Tây Bắc, cây nêu chi... Từ đây qua phương Đông, đến góc Đông Bắc, cây nêu chi... Từ đây qua phương Nam, đến góc Đông Nam, cây nêu chi...

Kế đó xướng ngoại tướng : Từ chỗ ở đây góc Đông Nam chỗ nêu chi... Qua phương Tây, đến góc Tây Nam, cây nêu chi... Từ đây qua phương Bắc, đến góc Tây Bắc, cây nêu chi... Từ đây qua phương Đông, đến góc Đông Bắc, cây nêu chi... Từ đây trở về phương Nam, đến góc Đông Nam, cây nêu chi...

Kia là nội tướng, đây là ngoại tướng, và đây là tướng nội ngoại của Đại giới (*giáp một vòng rồi xướng ba lần*).

Phàm muốn xưng tướng nêu, phải mời 4, 5 ông Tỳ Kheo ra ngoài Giới tràng, đồng nhóm hết chúng Tăng ở trong tướng nêu. Vậy sau khi xưng hai lớp tướng nêu rồi, trong chúng Tăng mới làm phép kiết giới. Văn như phép kiết Đại giới trước không khác, cho nên không nói lại.

Đây là phép kiết Đại giới có Giới tràng. Nếu không dùng Giới tràng, thì phải kiết thẳng như văn trước. Nếu muốn giải, thì trước giải Đại giới rồi sau giải Giới tràng. Trong Luật thiếu văn giải, cho nên đây ta nên đối văn kiết làm văn giải như vậy :

Thưa Đại đức Tăng lắng nghe : Nay Tỳ Kheo ở chỗ này, giải Giới tràng, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng thì cho giải Giới tràng. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lắng nghe : Nay Tỳ Kheo ở chỗ này, giải Giới tràng. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng Tăng ở chỗ này, giải Giới tràng, thì lắng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? - Đồng đáp : "Thành". Chúng Tăng đã bằng lòng giải Giới tràng rồi. Vì Tăng đã bằng lòng nên lắng lặng, việc này rõ như vậy.

Nói Tiểu giới là sao ? Có ba món đều vì nạn duyên mới cho. Nếu không nạn không duyên thì không cho.

Khi đó có thầy Tỳ Kheo cản không cho ông khác thọ giới. Phật nói : Ở trong Đại giới, ông nào không đồng ý cho ra ngoài giới mau mau nhóm một

chỗ mà kiết Tiểu giới để thọ giới. Nếu ngày Bố tát ở chỗ không làng, đi giữa đồng trống. Nếu chúng Tăng không được hòa hiệp, thì tùy thầy nào đồng ý, ở dưới đường nhóm lại một chỗ, kiết Tiểu giới để tụng giới.

Lại đến ngày Tự tứ, ở chỗ vắng vẻ không làng; hoặc đi giữa đường, nếu hòa hiệp không được, thì tùy theo thầy, bạn đồng ý với nhau, đi chỗ khác kiết Tiểu giới để Tự tứ.

Ba giới này đều không có tướng ngoại, tức là thân ngồi chỗ nào, lấy đó làm giới thể. Nên trong nghi Thọ giới nói : Đây là chúng Tăng nhóm một chỗ kiết Tiểu giới.

Trong nghi Tụng giới nói : Nay có bao nhiêu Tỳ Kheo, nhóm chỗ ở này kiết Tiểu giới.

Trong nghi Tự tứ nói : Các Tỳ Kheo chỗ ngồi đã đủ, chỗ ngồi các Tỳ Kheo có chừng như vậy, chúng Tăng ở trong đó kiết Tiểu giới v.v... thế thì biết. Tiểu giới không có tướng ngoại : để ngăn người quở trách vậy.

Như trong luật nói : Ngoài giới, quở không thành quở. Nếu lập tướng Đại giới, không xướng thì là phi pháp. Còn Tiểu giới không tướng nêu, nếu lập cũng phi pháp.

Cho nên Đại giới riêng một người xướng, khi làm phép Yết Ma, trong văn có lớp lang. Tiểu giới đã không phép xướng, trong văn Yết Ma tự rõ tướng nêu, lấy chỗ ngồi làm giới thể do vì đó mà không để lâu được; cho nên pháp sự xong rồi thì phải giải giới

mà đi. Còn văn kiết với văn giải đủ như trong Đại Luật, và trong bản Yết Ma. Muốn kiết giới “bất thất y”, thì văn như trong giới “ly y túc” đã nói.

Kế đây kiết giới tịnh địa (làm nhà bếp)

Khi đó có thầy Tỳ Kheo bệnh thổ tả (ỉa mửa) bảo người trong thành nấu cháo, cửa thành mở trưa, chưa kịp được cháo thì ông đã tịch. Phật nói : cho ở trong chùa kiết làm tịnh địa, bạch nhị Yết Ma, nên xướng, hoặc trong phòng, hoặc trong nhà sưởi (nhà để đồ cho ẩm), hoặc nhà đi kinh hành.

Trong Luật đã cho xướng cái tướng khi kiết: Chúng Tăng phải ở bên ngoài cái phòng xướng với. Nếu nghi chỗ đó trước có kiết tịnh địa, phải giải rồi kiết lại, phải một thầy Tỳ Kheo đứng dạy đủ oai nghi, đối giữa chúng Tăng xướng rằng : “Thưa Đại đức Tăng lắng nghe : Tôi Tỳ Kheo pháp danh... vì chúng Tăng xướng chỗ tịnh địa, ở trong đất chùa này, trong phòng và các chỗ rau trái để làm nơi tịnh địa”.

Xướng ba lần rồi, nếu còn xướng chỗ khác, cứ theo việc nên biết. Xướng xong mới làm phép Yết Ma.

Thưa Đại đức Tăng lắng nghe : Đứng giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng nay kiết trong phòng này... và các chỗ rau, trái đây, để làm tịnh địa. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Thưa Đại đức Tăng lắng nghe : Tăng nay kiết trong phòng này và các chỗ rau trái đây, để làm nơi

tịnh địa. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng kiết trong phòng này và các chỗ rau trái đây, để làm nơi tịnh địa, thì lắng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Tăng đã bằng lòng cho kiết phòng này... và các chỗ rau trái đây, để làm nơi tịnh địa rồi. Vì Tăng đã bằng lòng nên lắng lặng, thì việc này rõ như vậy.

Phật nói : Có 4 món tịnh địa :

1.- Người dân việt, hoặc người kinh dinh khi cất chùa, phân xứ, nói như vậy : “Chỗ... làm tịnh địa cho chúng Tăng”.

2.- Hoặc làm chùa cho chúng Tăng mà chưa cúng cho chúng Tăng.

3.- Hoặc phân nửa có rào giậu, hoặc phần nhiều không rào giậu, hoặc trống rỗng hết, hoặc có vách tường, hoặc có hào cũng xướng như vậy.

4.- Chúng Tăng làm phép bạch nhị Yết Ma mà kiết, không nên kiết trong phòng tốt bậc nhất để làm tịnh địa; phải kiết trong phòng bậc hạ (*phòng xấu để làm nhà bếp*).

Nếu phòng của 5 chúng xuất gia, thì phải chừa phòng Tỳ Kheo ra, nhân đến miếu thờ Quý thần, đều được kiết làm tịnh địa, hoặc có duyên chi giải rồi, sau kiết lại. Trong Luật thiếu văn giải, phải đổi văn kiết mà xướng như vậy :

Thưa Đại đức Tăng lắng nghe : Nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng

Tăng nay giải chỗ tịnh địa này. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : chúng Tăng nay giải chỗ tịnh địa này. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng Tăng nay giải chỗ tịnh địa này thì lắng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? - Đồng đáp : "Thành".

Chúng Tăng đã bằng lòng giải chỗ tịnh địa này rồi. Vì Tăng đã bằng lòng nên lắng lặng, thì việc này rõ như vậy.

Ngũ Phần và Căn Bản đồng cho kiết chung trong Tăng phường làm tịnh địa, như trong Kỳ Quy truyện bảo : Y theo bộ Căn Bản mà kiết, có 5 pháp tịnh địa :

1.- Pháp khởi tâm tác ?

Nghĩa là : Trước khi làm chùa, định làm nền bằng đá rồi, hoặc cử một thầy Tỳ Kheo làm kiểm giảo (*xem xét*) phải có ý kiến như vậy : Ở trong chùa, hoặc phải để một phòng làm tịnh trụ cho chúng Tăng.

2.- Pháp cộng ấn tri ?

Nghĩa là : Khi định làm nền chùa, hoặc chỉ có ba người, thì phải một thầy Tỳ Kheo nói với các thầy Tỳ Kheo kia rằng : Các ngài Cụ thọ, đều phải để tâm ấn định ở chùa này, ở trong một chùa đây, hoặc phải để một cái phòng làm tịnh trụ cho chúng Tăng (*xướng ba lần như vậy*).

3.- Pháp như ngưi ngoạ ?

Nghĩa là : Cái chùa, cái thất, cái nhà hình giống như con trâu nằm. Còn cửa phòng không nhất định ở chỗ nào.

4.- Pháp cố phế xứ ?

Nghĩa là : Chỗ này trải qua đã lâu, vì chúng Tăng bỏ phế, như vị nào đến gặp chỗ đó cũ, thì làm pháp tịnh vậy. Nhưng mà chỗ này không được để cách đêm, tức là phải làm phép kết lại.

5.- Pháp bình pháp tác ?

Nghĩa là : Bạch hai lần Yết Ma mà kết vậy, như trước 5 pháp kết làm tịnh địa rồi.

Các thầy Tỳ Kheo được hai món an lạc :

1.- Chứa trữ vật thực ở ngoài giới, nấu nướng ở trong giới.

2.- Chứa trữ vật thực ở trong giới, nấu nướng ở ngoài giới, đều không có lỗi.

Chư Tổ đã kiểm điểm trong bốn bộ, và xem kỹ ý chỉ trong các Luật, chỗ lập tịnh trụ, cũng đồng như đây. Nhưng trước khi chưa kết tịnh trụ, hoặc ngủ và ăn chung đồng giới, thì có hai lỗi : “Nấu và ngủ”. Đã thêm pháp kết tịnh trụ kia, tuy ngủ chung một giới mà không có tội “Ngủ và nấu”.

Nói một chùa, là nói luôn chỗ ở vì lấy chỗ ở ấy làm tịnh trụ, thì trong tất cả phòng thờ sống, thờ chín đều chứa được cả. Nếu không cho nghỉ ở trong

giới; không lẽ bảo chúng Tăng ra ngoài giới mà nghỉ...!?

Kiết tịnh trụ có hai điều lợi ích :

- 1.- Chúng Tăng khỏi hộ túc (ngủ phải giữ đồ).
- 2.- Chứa vật thực không có tội (Ở bên Ấn Độ lưu truyền kiết chung trong một chùa làm tịnh xứ vậy).

Giới thứ tám VÔ CĂN CỨ VU BÁNG

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, vì giận hờn che đậy, Tỳ Kheo không phạm Ba La Di. Dem tội Ba La Di mà vu báng, muốn phá hư cái hạnh thanh tịnh của ông kia; Tỳ Kheo đó đến khi khác hoặc có người hỏi, hoặc không ai hỏi, biết việc ấy vô căn cứ nói : “Tôi vì sân giận nên nói lời như thế”. Nếu Tỳ Kheo mà nói lời như vậy, phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, khi đó có ông Tôn giả tên Đạp Bà Ma La Tử, chứng quả A La Hán rồi tự nghĩ : “Ta phải ra sức cúng dường cho Tăng chúng”. Bèn đến bạch Phật, Phật dạy các thầy Tỳ Kheo bạch nhị Yết Ma, cử ông Đạp Bà chia ngọ cụ cho chúng Tăng, và sắp thứ lớp cho chúng Tăng thọ thí chủ thỉnh.

Khi đó có ông Từ Địa Tỳ Kheo mới đến, ông là bậc hạ tọa, theo thứ lớp ông được phòng và ngọ cụ xấu, bèn sinh tâm giận hờn; qua ngày sau sắp chúng Tăng thọ thí chủ thỉnh. Ông Từ Địa nhằm phiên sai ông đến nhà đàn việt, người đàn việt nghe ông đến, bèn trải tọa cụ xấu và đái đồ ăn hèn. Ông

càng thêm giận dữ, mới dạy người em gái của ông là cô Từ Tỳ Kheo Ni...

Khi đó đợi giữa hội Phật và chúng Tăng mà vu báng nói : “Ông Tôn giả Đạp Bà đến rờ tôi”. Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi Tôn giả ? Tôn giả đáp rằng : “Tôi từ khi sinh đến nay, ở trong giấc mộng còn không có việc đó, huống chi lúc tỉnh mà có ư !”

Phật bảo các Tỳ Kheo : “Có hai hạng người quyết vào địa ngục”.

Sao gọi là hai ?

1.- Nếu người chẳng phải phạm hạnh, tự xưng phạm hạnh.

2.- Nếu người thật phạm hạnh mà nói chẳng phải phạm hạnh, đem việc vô cớ mà vu báng họ, đó gọi là hai hạng người

Phật dùng các lời quả trách ông Từ Địa, rồi liền kiết giới này.

Giận hờn che đậy là sao ?

Giận hờn : Là do tâm giận mà phiền hờn vậy. Lại giận người nói là giận, giận mình nói là hờn.

Che đậy : Là bị sự giận hờn che phủ trong tâm, chẳng phải do tâm tốt, và tâm vô ký mà sinh ra chuyện vu báng vậy.

Tỳ Kheo không có tội Ba La Di là sao ? Nghĩa là : Tỳ Kheo đó không phạm 4 tội Ba La Di.

Đem tội Ba La Di không căn cứ vu báng là sao ?

Căn : là ba căn : Thấy, nghe, nghi.

Thấy : Thật thấy ông kia phạm tội Tứ khí.

Nghe : Là nghe ông kia phạm tội Tứ khí, hoặc là nghe vị ở một bên nói lại.

Nghi : có hai món : Hoặc từ chỗ thấy mà sinh nghi.

Nghĩa là : Thấy ông kia và người nữ lỏa mình, hoặc ra hoặc vào, tay cầm dao, làm bạn với người ác.

Hoặc từ nghe mà sinh nghi.

Nghĩa là : Nghe tiếng giường cọt kẹt, nghe tiếng trở mình, nghe tiếng nói xâm xỉ, nghe tiếng giao hội, nghe tiếng trộm 5 tiền, nghe nói tội sát nhân, hoặc nghe nói được pháp của Thượng nhân.

Nếu không ba điều ấy, thì là không căn cứ.

Nghĩa là : Dem những việc xấu vô cớ đó muốn vu báng cho ông kia, mà sinh tâm chê bai càn, đó là việc chê bai không căn cứ vậy.

Muốn phá hư hạnh thanh tịnh của ông kia là sao ? Ý muốn phá hư hạnh tốt của ông kia, cũng vì sự giận hờn khiến ra làm những việc chẳng phải hạnh Tỳ Kheo, chẳng phải hạnh Sa môn, chẳng phải con nhà Thích tử vậy.

Tỳ Kheo đó đến khi khác v.v... là gì ? Tỳ Kheo đó : Là chỉ cho người hờn giận.

Khi khác : Là sau khi khác, nghi biết việc mình vu báng đó là không căn cứ, sinh tâm hối hận

tự muốn phát lộ, mong cầu thanh tịnh. Hoặc bị người cật hỏi, hoặc không bị người cật hỏi, mà tới người kia nói rằng : “Tôi vì cơ giận hờn nên nói lời vu cáo đó, chớ thật chẳng phải ông kia phạm vậy”.

Nếu Tỳ Kheo nói lời như vậy là sao ? Nghĩa là : Dấy lời vu cáo không căn cứ như trên và nói lời ăn năn ấy; một khi đã thốt lời vu cáo rồi, liền phạm tội đó, đâu phải đợi đến sau khi tới nói với người mà ăn năn được khỏi lỗi ư ?

Giận hờn che đậy, nhẫn đến muốn phá hư hạnh thanh tịnh của ông kia. Đó là cái nhân gây tội.

Tỳ Kheo đó khi khắc, cho đến cố nói lời như vậy, là muốn mình thanh tịnh, hết tội, ngờ đâu lời nói như thế, là kết thêm tội vậy.

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Nếu Tỳ Kheo này đem việc Tử khí mà vu báng Tỳ Kheo kia, hoặc dùng phi pháp khác mà vu báng Tỳ Kheo nói rằng : “Ông phạm biên tội, hoặc nói nhiễm ô Tỳ Kheo Ni, hoặc nói tội Tặc trụ, hoặc nói phá nội, ngoại đạo, hoặc nói phạm tội ngũ nghịch, hoặc nói phạm với kẻ phi nhân, hoặc loài súc sinh, hoặc kẻ huỳnh môn, hoặc người hai căn.

Dùng những cái phi pháp như vậy, để vu báng cho Tỳ Kheo kia, không luận là ông kia thanh tịnh hay không thanh tịnh. Chỉ dùng ba việc không căn cứ mà nói láo để vu tội cho ông kia. Nói rõ ràng thì phạm Tăng tàng, không rõ ràng thì phạm Thâu Lan Giá.

Hoặc trước thấy việc có căn cứ, sau quên việc đó, quấy nói có căn cứ phạm tội đồng như trước. Hoặc lấy tay ra dấu, hoặc bảo người đem thư, hoặc làm bộ tịch cho biết, rõ ràng hoặc không rõ ràng, phạm tội cũng như trên.

Hoặc dùng tội Bát khí, mà vu báng cô Tỳ Kheo Ni, mắc tội đồng như trước. Nếu vu báng người khác, phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau Ác tác.

Thế thức không phạm là gì ? Có thấy, nghe, và nghi ba căn, nói chân thật, hoặc cười giỡn, nói lầm v.v...

(Ba chúng sau là : Thức Xoa Ma Na. Sa Di. Sa Di Ni. Nếu bốn chúng thì thêm Tỳ Kheo Ni).

Giới thứ chín

LẤY CHỨT MẢY MÚN MÀ VU BÁNG

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo. vì có giận hờn. lấy một chút trong phận sự khác, nè Tỳ Kheo không tội Ba La Di mà đem tội Ba La Di không căn cứ vu báng, muốn phá hư cái hạnh thanh tịnh của ông kia; ông đó đến khi khác hoặc có người hỏi, hoặc không ai hỏi, biết mình lấy chút ở trong phần khác, Tỳ Kheo ấy tự nói rằng : “Tôi vì giận hờn nên nói lời như thế”. Nếu Tỳ Kheo nói lời như thế, phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phạt ngữ đồng như trước. Bấy giờ ông Từ Địa Tỳ Kheo từ trên non Linh Thứu đi xuống, thấy con dê đực cùng dê cái hành dâm. Liên thí dụ: Con dê đực là Tôn già Đạp Bà, còn chỉ con dê cái

dụ cô Từ Tỳ Kheo Ni. Liên đến nói với Tỳ Kheo khác rằng : “Trước tôi dùng việc không căn cứ mà vu báng cho hai người kia, chớ nay đây chính tạc mắt tôi thấy rõ”.

Các thầy Tỳ Kheo nghe rồi mới gạn hỏi ông, ông đem việc tương tự, tỷ loại mà nói.

Các thầy Tỳ Kheo đem việc đó bạch Phật, Phật mới quở trách ông Từ Địa, rồi liền kiết giới.

Lấy chút chuyện ở trong phần khác là sao ?

Là ở trong phần việc khác, lấy chút tội được vu báng người ta, như lấy con dê tỷ với người, hoặc là lấy việc tương tự khác mà vu báng; lại ở trong phần khác, tức là phần tội Tứ khí. Nhưng tội Tứ khí là việc sinh tử đọa lạc với nhân Niết bàn tịch tịnh, thì hai việc trái nhau, mà lại đem để so sánh.

Tùy phạm một, tức phi Sa môn, phi Thích tử, mất tính Tỳ Kheo, nên gọi là ở trong phần việc khác. Trong tội Tứ khí, lấy một chút tội, hoặc thấy người kia và người nữ cười nói, hoặc thấy lượm đồ rách rưới trong đồng rác, hoặc giết loài súc sinh, tới loài súc sinh nói được pháp bậc thượng nhân v.v... vu oan cho người, phạm tội Ba La Di, đó là ở trong phần việc khác, lấy một chút chuyện, hoặc thấy người phạm tội Tàng tàng, nhân đến tội Đột Kiết La, tội ác thuyết mà vu báng người, phạm tội Ba La Di, cũng gọi là lấy một chút chuyện vậy.

Còn bao nhiêu cũng giải như giới trước.

Thế thức phạm tội trong đây ra thế nào ?

Hoặc lấy việc tương tự, như trùng tên, trùng họ,

hình dạng giống, hoặc đem việc người này mà vu báng người kia, hoặc thấy nghe người kia phạm khi còn ở nhà, nay đem ra vu báng, và kiểm tất cả việc khác vu oan cho người. Rõ ràng hay không rõ ràng mắc tội nặng, nhẹ, có phạm, không phạm, cũng đồng như giới trước.

Giới thứ mười

KHÔNG CHỊU BỎ VIỆC PHÁ HOẠI TĂNG

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, muốn phá hoại hòa hiệp Tăng, phương tiện chịu sự phá hoại hòa hiệp Tăng, bền giữ không bỏ, thì Tỳ Kheo kia phải can gián Tỳ Kheo này rằng : “Đại đức đừng phá hoại hòa hiệp Tăng, đừng phương tiện phá hoại hòa hiệp Tăng và đừng chịu sự phá hoại hòa hiệp Tăng, bền giữ không bỏ”

Đại đức phải hòa hiệp với chúng Tăng, hòa hiệp với chúng Tăng vui mừng đừng rầy rà, đồng học một thầy, như nước hòa với sữa, ở trong Phật pháp có thêm nhiều sự an vui đời đời. Tỳ Kheo ấy khi can gián như vậy, bền giữ không bỏ, Tỳ Kheo kia phải ba phen can gián cho bỏ việc ấy, nhẫn đến ba phen, bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Chỗ Phật ngự đồng như trước. Khi đó ông Điều Đạt, vì việc lợi dưỡng học được phép thần thông, hóa độ Thái tử A Xà Thế, khiến sinh lòng tin ưa, được nhiều việc cúng dường, nhưng không bằng Phật. Rồi sinh tâm tật đố, liền mất thần thông.

Bấy giờ ông muốn thâu đồ chúng, đến chỗ đức Thế Tôn cầu Phật phú chúc, đặng ông thâu đồ chúng. Phật nhân đó quở trách ông, tâm ông không vui, mới dạy Thái tử A Xà Thế giết cha, ông sai người hại Phật.

Nhưng không được, ông bèn lên chót núi, cầm đá xa quăng đức Thế Tôn (*xê hết một ngón chân*), do đó danh ác vang đồn, nên việc lợi dưỡng đều dứt mất; ông mới rủ năm người hiệp với ông, đi từng nhà khất thực.

Phật cấm không cho ăn riêng chúng, ông mới đâm ra ý nghĩ như vậy : “Chưa từng có ông Cù Đàm nào, mà đoạn khẩu thực của người ta, ta quyết phá Tăng chuyển pháp luân kia cho tan rã. Dù thân ta chết rồi, cũng được danh đồn muôn thuở”.

Vì sao ? Vì người ta nói ông Cù Đàm có đại thần lực, trí huệ vô ngại, thế mà Điều Đạt này còn phá tan. Ông bèn hiệp với bốn thầy Tỳ Kheo kết làm bạn hữu, lại ra 5 pháp dạy các thầy Tỳ Kheo rằng :

- 1) Trọn đời phải đi khất thực mà ăn.
- 2) Trọn đời phải mặc y phần tảo (*lượm vải kết lại*).
- 3) Trọn đời ngồi nơi đất trống (*ngoài đồng nội*)
- 4) Không uống sữa và ăn muối.
- 5) Không ăn cá thịt.

Làm như vậy để cho những hàng tân học và Tỳ Kheo vô trí kia tin ưa để ông lợi dụng lập phe đảng hại Phật.

Các thầy Tỳ Kheo nghe rồi đến bạch với đức Thế Tôn. Phật nói : Người phá hòa hiệp Tăng mắc tội rất nặng đọa trong địa ngục chịu khổ một kiếp không thể cứu được. Phật bèn nhóm chúng Tăng quở trách ông nữa, và bạch 4 lần Yết Ma, liền vì đó mà kiết giới.

Muốn phá hoại hòa hiệp Tăng là sao ? Muốn phá hoại : Là muốn phá chia làm hai chúng vậy.

Hòa hiệp : Là không riêng chúng đồng một phép Yết Ma, đồng một chỗ tụng giới.

Tăng : là 4 Tỳ Kheo sắp lên, nhẵn đến vô số.

Phá : có 18 việc : Pháp, phi pháp, luật, phi luật, phạm, bất phạm, hoặc khinh, hoặc trọng, hữu tàng, vô tàng, thô ác, phi thô ác, thường sở hành, phi thường sở hành, chế, phi chế, thuyết, phi thuyết.

Thập Tụng Luật nói : Việc thường sở hành đó, hoặc bạch nhất, hoặc bạch nhị, hoặc bạch tứ Yết Ma, pháp Bố tát, pháp Tự tứ, lập 14 người làm phép Yết Ma.

Tát Bà Đa Luận nói : Pháp Bát thánh đạo, là pháp thường dùng, mà nói là pháp không thường dùng. Năm pháp đó là pháp không thường dùng, mà lại nói thường dùng. Còn bao nhiêu như trong Đại Luật, và trong Tiêu Thích có giải.

Phương tiện chịu sự phá hoại hòa hiệp Tăng là gì ? Nghĩa là : Tìm cách khuyến dụ người bạn kia, thọ 18 việc phá Tăng.

Bền giữ không bỏ là sao ? Nghĩa là : Giữ chắc 18 việc tà, mà không chịu dứt bỏ.

Tỳ Kheo kia phải can gián Tỳ Kheo này thế nào ? Tỳ Kheo kia là ông trì chính pháp, trước phải có lời can gián riêng thầy Tỳ Kheo phá Tăng như vậy : “Đại đức không nên phá hòa hiệp Tăng v.v...”

Đại đức : Là nói người phá Tăng, đây rõ không nên phá hòa hiệp Tăng, nếu phá thì chắc đọa trong địa ngục chịu khổ một kiếp.

Đại đức phải cùng chúng Tăng hòa hiệp là sao ? Nghĩa là : Bỏ cái việc phá tăng, cùng chúng Tăng hòa hiệp ở chung, không những khỏi khổ dưới địa ngục mà thôi, lại còn có thêm nhiều sự lợi ích an vui đời đời.

Hoan hỷ không rầy rà là sao ? Nghĩa là : Cùng với chúng Tăng hòa hiệp, thì pháp lành được thêm lớn, ai ai đều sinh tâm vui vẻ, do vì vui vẻ mà kia đây đồng thấy không có rầy rà vậy.

Đồng học một thầy là gì ? Nghĩa là : Đồng một đức Như Lai Đại sư ở trong giáo pháp của ngài mà tu học, không sinh tâm dị kiến, do vì giáo pháp của đức Như Lai, tuy phân làm 12 bộ, nhưng thể cũng không khác.

Như nước hòa với sữa là sao ? Nghĩa là : Nói nước lộn với sữa, tức là một loại, không riêng sắc và vị. Dụ như : Bốn họ kia, tuy khác dòng mà một phen đi xuất gia, vào trong pháp của đức Như Lai, thì đồng một pháp tu học, hạnh và lý thuận nhau, một tướng không khác.

Ở trong Phật pháp càng thêm lợi ích an vui đời đời là gì ? Nghĩa là : Đã đồng học một pháp, hạnh và lý không trái, thì sẽ dẹp được tâm phiền não ở trong cái giáo pháp đức Như Lai, được thêm lợi ích hưng thịnh an vui đời đời. Lại y bốn pháp Thánh chủng, thì được đương đời pháp lạc còn hoài, đời sau được quả vui cõi Niết bàn tịch diệt.

Tỳ Kheo kia can gián như vậy, mà bền giữ không bỏ là sao ? Nghĩa là : Tỳ Kheo ấy khi được lời can gián riêng như trước, mà ông giữ chặt tà pháp, không chịu dứt bỏ.

Tỳ Kheo kia phải ba phen can gián v.v... là gì ? Nghĩa là : Bạch nhất Yết Ma hay là bạch tam Yết Ma mà can gián.

Muốn phá hoại hoại Tăng, nhân đến bền giữ không bỏ là sao ? Ấy là cái nhân khởi phạm.

Tỳ Kheo kia phải can gián Tỳ Kheo này là gì ? Nghĩa là : Có lời can gián riêng như sau...

Đừng phá hoại hòa hiệp Tăng, cho đến bền giữ không bỏ là sao ? Ấy là lời răn đe quả trách.

Phải hòa hiệp với chúng Tăng, nhân đến lợi ích an vui đời đời là gì ? Đó là lời khuyến dụ.

Tại sao phải ba phen can gián ? Là : Trong chúng Tăng làm phép bạch ba lần Yết Ma mà can vậy.

Không bỏ là gì ? Là cái văn kết tội.

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Là Tỳ Kheo kia được lời can như trước, nói rằng : “Đại đức

đừng tìm cách muốn phá hòa hiệp Tăng, cho đến ở trong Phật pháp càng thêm lợi ích an vui đời đời. Đại đức phải bỏ việc này đi, đừng để chúng Tăng lại quở trách can gián mà phạm tội nặng”; nếu ông kia nhận lời đó, thì tốt, bằng không nhận lời đó, lại phải thưa trong tứ chúng, hay hoặc vua, quan đại thần, đạo khác, hoặc thưa với ông trí thức ở phương khác.

Nói, mà ông đó không tin nhận lời tôi, vậy thì các ngài phải đến khuyên dụ ông, nếu ông không nhận lời, thì phải đem ông tới giữa chúng Tăng làm lời tác bạch mà can ông, tác bạch rồi phải năn nỉ thêm rằng : “Đại đức tôi đã đơn bạch xong rồi, còn ba lần Yết Ma nữa, Đại đức nay phải bỏ việc này đi, đừng để chúng Tăng vì Đại đức làm phép Yết Ma mà phạm thêm tội nặng”.

Nếu ông nhận lời đó thì tốt, bằng ông không nhận lời đó, thì phải bạch nhất Yết Ma, cho đến bạch nhị Yết Ma, trong mỗi phép Yết Ma rồi, đều phải dấy lời năn nỉ như trước, nếu ông không bỏ, để đi đến bạch Yết Ma lần thứ ba rồi, thì phạm tội Tăng tàng.

Còn tác bạch và bạch nhị Yết Ma rồi, mà ông bỏ thì phạm ba Thô tội. Còn tác bạch và bạch nhất Yết Ma rồi mà ông bỏ thì phạm hai Thô tội. Mới làm phép tác bạch xong, mà ông bỏ thì phạm một Thô tội... Còn làm phép sơ bạch chưa xong mà ông bỏ thì phạm Đột Kiết La.

Nếu tất cả pháp chưa bạch, mà ông tìm cách muốn phá hòa hiệp Tăng, thọ pháp phá Tăng, bền giữ không bỏ, mỗi mỗi đều phạm Đột Kiết La.

Nếu khi chúng Tăng khởi lời can gián, có Tỳ Kheo khác xía vô rằng : Ông đừng bỏ, phạm Thô tội; khi chưa dứt lời can, mà bảo đừng bỏ, thì phạm tội Ác tác.

Còn Tỳ Kheo Ni bảo đừng bỏ, thì phạm Thô tội đồng như trên, các người khác bảo đừng bỏ, thì phạm Ác tác.

Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thế thức không phạm ra sao ? Mới can liền bỏ, ông kia làm pháp Yết Ma phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy, hoặc tất cả chưa can gián, hoặc vì phá bạn ác làm phép Yết Ma phi pháp, phi luật v.v... thì không phạm.

Thập Tụng Luật nói : Trước không dùng lời nhỏ nhẹ khuyên lớn, bền bạch bốn lần Yết Ma dạy bảo đó, người làm phép Yết Ma phạm Đột Kiết La, chưa bạch bốn lần Yết Ma liền đuổi ra, thì người làm phép Yết Ma cũng Đột Kiết La. Chưa ba lần khuyên lớn ở trong giới riêng thỉnh người làm phép Yết Ma, thì Thâu Lan Giá, vì nhân duyên phá Tăng vậy. Nếu chúng Tăng biết mà không can thì chúng Tăng cũng đồng tội.

Tăng Kỳ Luật nói : Vì việc sân giận mà đập bát, xé y, phá tháp, dỡ phòng chúng Tăng, phá chúng Tăng, phá Giới, đều Thâu Lan Giá.

Chứng cữ nào thì gọi là phá tăng ? Nghĩa là : Truyền lời nói dối, lời tương tự, làm phép Yết Ma lấy thẻ, lại không phải một thầy Tỳ Kheo mà phá được, cũng không phải Tỳ Kheo Ni, hay là ba chúng sau mà phá được, như chúng này 1, 2, 3, ông Tỳ Kheo, chúng kia 1, 2, 3, ông Tỳ Kheo, phát thẻ phá Tăng, làm phép Yết Ma cũng không phá được.

Nhưng làm cho chúng Tăng không được thanh tịnh. Phải hai bên mỗi chúng 4 ông sắp lên, làm phép Yết Ma, phát thẻ phá Tăng đó mới gọi là phá Tăng.

Có bao nhiêu pháp phá nữa có sai khác, tội phân nặng, nhẹ, địa ngục thọ báo không đồng (*như trong Đại Luật và ở trong văn Tiêu Thích đã nói rõ*).

Ngũ Phần Luật nói : Có bốn việc gọi là phá Tăng. Nói 5 pháp (*khở hạnh*) bỏ thẻ, cầm thẻ, ở trong đồng giới, riêng làm việc chúng Tăng.

Lại nữa hoặc vua, hoặc quan đại thần, hoặc 6 chúng khác bảo chúng Tăng không hòa hiệp mà chẳng phải phá, hoặc một ông Tỳ Kheo, nhấn đến 7 ông Tỳ Kheo, không hòa hiệp cũng chẳng phải phá, hoặc không hỏi vị Thượng Tọa, mà làm việc chúng Tăng, đó là không hòa hiệp, cũng không phải phá Tăng. Nếu không cùng nhau ăn chung, khi ăn ngồi riêng kinh cãi mắng nhiếc, cũng không gọi là phá Tăng.

Cần yếu là ở trong giới, 8 thầy Tỳ Kheo sắp lên, chia làm hai bộ chúng riêng làm việc chúng Tăng, đó mới gọi là phá Tăng, (*làm pháp Yết Ma*

riêng, tụng giới riêng, ông làm chủ trong đó đọa địa ngục một kiếp không thể cứu được).

Thập Tụng Luật nói : Phá Tăng có hai phép :

- 1.- Phá phép Yết Ma
- 2.- Phá Tăng chuyển pháp luân.

Phá Yết Ma là sao ? Là ở trong một giới, riêng làm phép Yết Ma mà Bồ tát.

Phá Tăng chuyển pháp luân là gì ? Luân : Là pháp Bát thánh đạo, bảo ông kia bỏ Bát thánh đạo mà vào trong tà đạo.

Tát Bà Đa Luận nói : Phá Tăng chuyển pháp luân, phạm tội nghịch mắc Thâu Lan Giá, sám hối không được; phá pháp Yết Ma Tăng, phạm không phải tội nghịch Thâu Lan Giá sám hối được.

Phá Tăng chuyển pháp luân, ít nhất là chín người, một người tự xưng là Phật, phá Yết Ma Tăng, ít nhất là tám người không tự xưng mình là Phật.

Phá Tăng chuyển pháp luân, ở trong giới hay ngoài giới đều phá được, phá pháp Yết Ma Tăng cốt phải ở trong giới riêng làm phép Yết Ma. Phá Tăng chuyển pháp luân tất phải người nam tử (*Tăng phá Tăng*), phá pháp Yết Ma Tăng người nữ cũng phá được (*Ní phá Ní*), phá Tăng chuyển pháp luân, phá tục đế Tăng; phá Yết Ma Tăng, cũng là phá đệ nhất nghĩa Tăng; phá Tăng chuyển pháp luân, chỉ ở trong cõi Nam Diêm Phù Đề; phá Yết Ma Tăng suốt cả ba châu thiên hạ.

Giới thứ mười một KẾT BẠN ĐẢNG PHÁ TĂNG

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo phe đảng, hoặc 1, 2, 3 những đến vô số. Tỳ Kheo kia, nói với Tỳ Kheo này rằng : “Đại đức đừng can gián Tỳ Kheo này, vì Tỳ Kheo này là Tỳ Kheo nói Pháp, nói Luật, Tỳ Kheo này nói ra chúng tôi vui mừng, Tỳ Kheo này nói ra chúng tôi công nhận”

Tỳ Kheo kia nói rằng : “Đại đức đừng nói như vậy, nói Tỳ Kheo đó là Tỳ Kheo nói Pháp, nói Luật, Tỳ Kheo đó nói ra các ngài vui mừng, các ngài công nhận; song Tỳ Kheo đó chẳng phải là Tỳ Kheo nói Pháp, Tỳ Kheo nói Luật”

Đại đức đừng nên phá hoại hòa hiệp Tăng, các Đại đức phải cùng với chúng Tăng hòa hiệp. Đại đức với chúng Tăng hòa hiệp hoan hỷ không rầy, đồng học một thầy, như nước hòa sữa, ở trong Phật pháp càng thêm nhiều lợi ích an vui đời đời.

Tỳ Kheo ấy khi được lời can gián như vậy, mà ông bền giữ không bỏ, Tỳ Kheo kia phải ba phen can gián cho bỏ việc ấy, nhẫn đến ba phen can gián, bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, trên non Linh Thứu, khi đó ông Điều Đạt kết phe đảng phương tiện trợ phá hòa hiệp Tăng. Phe của ông Điều Đạt đứng lên nói với chư Tỳ Kheo rằng : “Các Đại đức không nên quở trách ông Điều Đạt, vì ông Điều Đạt chúng tôi là người nói Pháp, nói Luật, ông nói ra chúng tôi vui mừng công nhận”.

Các Tỳ Kheo đem việc này bạch lên Phật. Phật cho phép chúng Tăng quở trách ông và bạch tứ Yết Ma mà kết giới (*cấm phe đảng*)

Nói Pháp : Là nói Tạng Tu Đa La (*tạng Kinh*)

Nói Luật : Là nói Tạng Tỳ Nại Da (*tạng Luật*)

Lại nữa nói Pháp : là lời lẽ tròn đủ.

Nói Luật : là nghị luận tội nặng, nhẹ, khai, giá, không sai.

Lại nói Pháp : Là luận nghĩa vô sinh.

Nói Luật : là dẹp trừ ba độc.

Lại hay dẫn nghĩa chân thật, gọi là nói pháp, nói ra lời dịu dàng gọi là nói luật.

Chúng tôi vui mừng là gì ? Nghĩa là : Tỳ Kheo này nói ra việc chi, chúng tôi tinh sinh ưa thích.

Chúng tôi công nhận là sao ? Nghĩa là : Chúng tôi bằng lòng lời nói đó, tùy thuận và vâng làm theo. Còn bao nhiêu giải như trước.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Hoặc một, hai, ba Tỳ Kheo, cho đến rất đông Tỳ Kheo, cùng nhau kết phe đảng để làm việc phi pháp, nói với các Tỳ Kheo rằng : “Đại đức không nên can gián Tỳ Kheo này, vì Tỳ Kheo này là Tỳ Kheo nói pháp... cho đến chúng tôi công nhận”.

Các Tỳ Kheo kia can rằng : “Đại đức đừng nói như vậy, cho đến càng thêm lợi ích an vui đời đời. Ông phải bỏ việc này đi, đừng để chúng Tăng có lời quở trách mà phạm tội nặng. Nếu ông nghe lời

thì tốt, bằng ông không nghe, thì phải làm phép tác bạch, như vậy mỗi lần Yết Ma mỗi lần can quở, cùng phạm tội nhẹ, tội nặng, có phạm hay không phạm cũng đồng như giới trước, đây không lập lại”.

Luật Nhiếp nói : Nếu khi can gián Tỳ Kheo ấy, mấy người bạn ác đồng tâm, dầu cho không nói lời chi cũng phạm Tăng tàng. Có người nói không đồng ý mà trong tâm cũng muốn phá, phạm Thô tội. Hoặc có người tuy nói đồng ý, nhưng trong tâm không muốn phá, hoặc tâm không phá, không đồng việc đó, thì không phạm, hoặc sinh tâm nghi thì Thô tội.

Nếu các Tỳ Kheo Ni phá, thì không nên dạy dỗ quý cô, phải bảo các cô rằng : “Này các cô Ni, trước phải hòa hiệp rồi, vậy sau mới cầu giáo thọ, nếu các cô không thưa hỏi quý thầy bên đại Tăng cứ tự ý làm phép tắc, và nhóm đồ chúng, mắc Thô tội”.

Có các ông Sa Di bị quở trách v.v... Nếu các thầy Tỳ Kheo cấp cho cơm áo và đem về nuôi, cũng phá đồ chúng của người ta, mắc Thô tội. Nếu phát tâm tốt, muốn hàng phục Sa Di kia, tạm thời đem về để mà răn dạy, rồi bảo phải trở lại thầy của chúng thì không phạm.

Thập Tụng Luật nói : Nếu một ông Tỳ Kheo bị tấn, mà 4 ông Tỳ Kheo tùy thuận theo đó, cũng gọi là phá Tăng. Nếu ông đó là đa trí, đa thức, đa văn, đại đức, hiểu thông nghĩa ba tạng, thì chúng Tăng không nên làm phép bất kiến tấn. Nếu tấn thì phạm Thâu Lan Giá, tội này gần bằng tội phá Tăng (bất kiến tấn là : để cho ngài tự thấy, tự xử).

Giới thứ mười hai
LÀM NHỜ NHÀ NGƯỜI BỊ ĐUỔI

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, nương tựa lạc, hoặc ở trong thành ấp, làm nhờ nhà người, làm hạnh xấu; làm nhờ nhà người, ai cũng thấy cũng nghe, làm hạnh xấu, ai cũng thấy cũng nghe. Các Tỳ Kheo phải nói với Tỳ Kheo ấy rằng : “Đại đức làm nhờ nhà người, làm hạnh xấu ai cũng thấy cũng nghe”.

Đại đức, ông làm nhờ nhà người, làm hạnh xấu, nay phải xa lánh cho khỏi tụ lạc này, không nên ở đây. Tỳ Kheo bị đuổi ấy nói với các Tỳ Kheo kia rằng : “Đại đức, các Tỳ Kheo có thương, có giận, có sợ, có si, có ông đồng tội như vậy, có ông đuổi, có ông không đuổi.

Các Tỳ Kheo đáp rằng : “Đại đức đừng nói như vậy. Nói các Tỳ Kheo có thương, có giận, có sợ, có si, có ông đồng tội như vậy, có ông thì đuổi, có ông không đuổi, mà thật các Tỳ Kheo trong đây không phải thương, không phải giận, không phải sợ, không phải si chi cả... Đại đức làm nhờ nhà người, làm hạnh xấu. Làm nhờ nhà người ai cũng thấy cũng nghe; làm hạnh xấu ai cũng thấy cũng nghe”.

Tỳ Kheo ấy khi được lời can như thế, mà ông bền giữ không bỏ, các Tỳ Kheo kia phải ba phen can cho bỏ việc đó đi, nhẫn đến ba phen can bỏ thì tốt, còn không bỏ, thì phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, bấy giờ trong ấp Kỳ Liên có hai thầy Tỳ Kheo, một ông tên là Mã Sư, một ông tên là Mãn Túc. Hai ông đồng làm việc phi pháp, tự trồng bông, tự bón tưới, tự hái

bông, tự kết hoa làm tràng, tự đem tràng hoa tặng người, và dạy người làm. Cùng với phụ nữ ngồi chung một giường, ăn chung một mâm, cho đến ca xướng múa hát, giễu cợt, khảy đàn, đánh trống, thổi còi, lãnh làm mướn, giỡn cười v.v...

Khi đó có rất đông Tỳ Kheo, đến khát thực trong ấp Kỳ Liên, thứ lớp tề chỉnh, cúi đầu đi thẳng, không ngo hai bên. Các ông Cư sĩ thấy, nói mấy ông này làm gì là lạ. Rồi không cúng đồ ăn uống. Các thầy Tỳ Kheo hỏi ra mới biết cơ đó, và mới hay Tỳ Kheo ấy làm hạnh xấu, nhiễm ô với người tịnh tín kia, đem việc này bạch Phật. Phật phái ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên, đến làm phép Yết Ma mà đuổi hai ông ấy.

Hai Tôn giả vâng sắc lệnh Phật, đến nhóm chúng Tăng, rồi bạch 4 lần Yết Ma làm phép cử tội, làm phép nhờ nghĩ, buộc tội cho hai ông kia. Khi ấy hai ông đó nói rằng : “Chúng Tăng có thương, có giận, có sợ, có si, lại có các Tỳ Kheo đồng tội như tôi, có ông đuổi có ông không đuổi, mà nay lại đuổi mình tôi”.

Ông Tôn giả đem việc này bạch Phật. Phật dạy chúng Tăng bạch bốn lần Yết Ma can gián hai ông kia và liền kiết giới này.

Nương ở tụ lạc, hoặc thành, ấp là sao ? Nghĩa là : Chỗ đó có ngô di, đường sá, gọi là tụ (làng), ngoài tụ xa xa có nhà, gọi là là lạc (xóm), chỗ để đô vua ở, gọi là thành ấp.

Nương : Là nương chỗ kia mà ở vậy.

Làm nhớ nhà người là sao ? Nhà người : là nhà của kẻ nam, người nữ vậy.

Nhớ : Là người tịnh tín trước kia, ai ai cũng đều đem tâm cung kính, nhân thầy Tỳ Kheo làm hạnh phi pháp, đem vật tặng cho, làm nhớ lòng người phổ tín kia, mất chỗ phước lợi, đối với chỗ ông không cho đồ, thì họ đều không có lòng tưởng việc cung kính, cúng dường.

Đây là bốn việc hay làm nhớ nhà người :

1.- Nương ở nhà người, làm nhớ nhà người : Từ một nhà này được vật, đem cho một nhà khác. Nhà họ đem vật cho, họ nghe họ không vui. Còn nhà được vật Tỳ Kheo cho, họ tính phải trả ơn, thì họ nói như vậy : “Nếu ông cho tôi, thì tôi phải cho trả lại ông. Nếu ông không cho tôi, thì lẽ nào tôi lại cho ông”.

2.- Nương việc lợi dưỡng, làm nhớ nhà người : Nếu Tỳ Kheo như pháp được lợi, những đến đồ ăn trong bát còn dư, hoặc cho ông Cư sĩ này, mà không cho ông Cư sĩ khác. Ông Cư sĩ được vật, thì ông tính phải trả ơn, cho đến ông không cho tôi, thì tôi lẽ nào cho ông v.v...

3.- Nương người quen biết, làm nhớ nhà người: Nếu Tỳ Kheo nương ông vua, hoặc nương quan đại thần, hoặc vì ông Cư sĩ này, mà không vì ông Cư sĩ kia. Ông Cư sĩ được nhờ, họ tính phải trả ơn, họ nói rằng : “Thầy có giúp tôi thì tôi mới cúng dường, nếu thầy không giúp tôi, thì tôi không cúng dường”.

4.- Nương ở trong chùa làm nhờ nhà người : Nếu thầy Tỳ Kheo lấy bông trái của chúng Tăng, cho ông Cư sĩ này mà không cho ông Cư sĩ khác, cho đến thầy cho tôi, thì tôi mới cúng dường cho thầy, không cho thì tôi không cúng dường cho thầy...

Làm hạnh xấu là gì ? Nghĩa là : Ông tự trồng bông, trồng cây, cúng dạy người trồng cho đến lãnh làm vườn, hoặc giỡn cười v.v...

Ai cũng thấy cũng nghe là sao ? Nghĩa là : Làm các hạnh xấu phi pháp nhiều người đều thấy, nghe biết.

Chư Tỳ Kheo là ai ? Là người giữ gìn chính pháp.

Phải nói là gì ? Là lời can gián ông kia.

Tỳ Kheo ấy là ai ? Là ông làm việc phi pháp.

Nay hãy lánh xa tụ lạc này, chớ không nên ở đây là sao ? Ấy là lời xua đuổi vậy.

Có thương là gì ? Là yêu mến ông kia, thì không đuổi.

Có giận là sao ? Là hễ sân giận ông kia thì đuổi đi.

Có sợ là gì ? Là sợ ông kia, thì không dám trị phạt.

Có si là sao ? Là không trí thức, cho nên không khéo phân biệt, tội đáng đuổi mà không đuổi, tội không đáng đuổi mà đuổi vậy.

Nếu Tỳ Kheo nương ở tụ lạc (làng xóm) cho đến ai cũng thấy cũng nghe là sao ? Là cái nhân phạm tội.

Đại đức làm như nhà người, cho đến ai cũng thấy cũng nghe là gì ? Là chỉ chỗ tội lỗi.

Ông làm như nhà người, nhân đến không nên ở đây là sao ? Đó là lời xua đuổi.

Các Tỳ Kheo có ông thương, giận, sợ, si, nhân đến có ông không đuổi là sao ? Đó là lời ông kháng cự, không chịu bị đuổi.

Các Tỳ Kheo bảo rằng : “Đừng nói lời như vậy, nhân đến ai cũng thấy, cũng nghe” là sao ? Là lời thương mà can gián riêng của các Tỳ Kheo thanh tịnh.

Ba phen can gián là gì ? Là trong chúng Tăng làm phép bạch ba lần Yết Ma, mà can gián ông kia vậy.

Không bỏ là sao ? Là vẫn kết tội vậy.

Thế thức phạm tội trong đây ra thế nào ?
Nếu thầy Tỳ Kheo nương ở trong tụ lạc, làm như nhà người, nhân đến ai cũng thấy, cũng nghe, Tỳ Kheo kia phải can ba lần như trước rồi, còn phải bảo rằng : “Đại đức phải bỏ việc này đi, đừng để chúng Tăng quở trách lại phạm tội nặng”. Nếu ông không nghe lời, thì trong chúng Tăng bạch từ một lần đến ba lần Yết Ma mà can ông. Trong mỗi lần bạch Yết Ma phải năn nỉ ông bỏ việc đó đi. Nếu ông không

nghe, hễ bạch đến lần Yết Ma thứ ba rồi, thì phạm tội Tăng tàng. Còn bao nhiêu tội nặng, nhẹ, v.v... cũng đồng như giới “phá Tăng” nói trên.

Trong giới đây có khác là sao ? Nay cứ theo thứ lớp mà giải như sau : nếu khi chưa làm pháp đơn bạch, mà nói trong chúng Tăng có thương, có giận, có sợ, có si, mỗi lần phạm một tội Đột Kiết La.

Thập Tụng Luật nói : Nếu nói các thầy Tỳ Kheo có thương, có giận, có sợ, có si thì mắc 4 tội Thâu Lan Giá. Còn nếu nói có ông đuổi, có ông không đuổi, đó là cái cơ mắng nhiếc chúng Tăng, nên phạm tội Ba Dật Đề.

Nếu khi chưa làm phép Yết Ma đuổi, mà ông nói các Tỳ Kheo có thương, có giận, có sợ, có si, thì phạm Đột Kiết La.

Nếu cho cha, mẹ, hay là cho người bệnh, cho con nít, cho người đàn bà chữa, cho người ở trong lao ngục, cho người bị trói thì không phạm tội làm nhớ nhà người.

Hoặc là dạy người trồng bông, kết làm tràng đem cúng dường ngôi Tam Bảo thì không phạm tội.

Hoặc chạy trốn giặc, gặp ác thú, gặp nạn ghê sợ, hoặc nhảy qua hầm hố, hoặc kêu hú bạn đi đường, hoặc vì cha, mẹ bệnh v.v... hoặc vì tháp, vì chúng Tăng, vì Tỳ Kheo bệnh, đem thư qua lại, thì không phạm tội ác hạnh.

Nếu Tỳ Kheo đối trong kinh luật của Phật, ca chơi như khóc, múa men như điên, giỡn cười như

con nít và các hạnh xấu khác cũng không nên làm. Thầy Tỳ Kheo không nên cạo tóc cho người Cư sĩ; trừ người đó muốn đi xuất gia. Không nên lạy người Cư sĩ và tháp miếu của họ, cũng không nên khinh dễ họ.

Không nên coi bói cho người, mình cũng không nên tới thầy bói để coi bói, không nên thờ pháp của các phái ngoại đạo (ông Địa, ông Táo, ông Thổ thần, bà Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Mẹ Sinh, v.v...) Không nên tụng phù chú của ngoại đạo dựng xây nên nhà, cầu sự kiết hung, chú vẽ bùa, chú giải chi tiết (chú hết nhức mình nhức mẩy), chú sát lợi, chú khởi thi quỷ, chú biết người sống chết tốt xấu, chú biết tiếng loài cầm thú.

Không nên tự mình đánh nhạc, nếu vì cúng dường tháp, thì cho bảo người bạch y đánh. Không nên nuôi chim Anh vũ cùng các thứ chim và chó.

Luật Nhiếp nói : Vì cỡ phòng thủ, tùy ý nuôi chó.

Không nên cưỡi ngựa, voi, đi xe cộ, kiệu cang và nắm cầm dao kiếm; người già bệnh thì cho đi xe kéo, nhưng mà đi xe của người nam, hoặc đi lánh nạn thì cho cưỡi voi, ngựa.

Tát Bà Đa Luận nói : Nếu thầy Tỳ Kheo hễ có ai cầu thỉnh hoặc vì việc Tam Bảo, hoặc là vì mình, lấy các vật cho vị Quốc vương hay là cho quan Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ v.v... thì cũng gọi là nhờ nhà người. Vì sao ?

Phàm người xuất gia không còn tham muốn, giữ mình cho thanh tịnh, để sửa tâm hành đạo. Nếu đem cho người thế tục, đó là mình làm sử tin qua lại, làm phé loạn nghiệp chính, chẳng phải người xuất gia nên làm.

Lại nữa đem vật tặng cho người thế gian, thì phá tâm tốt bình đẳng của người thí gia. Người được vật của thầy Tỳ Kheo thì họ vui mừng thương kính, còn người không được vật, dầu cho bậc Thánh Hiền cũng không có tâm thương kính, và mất phước lợi rộng lớn của người trước kia, lại còn làm rối loạn Phật pháp.

Phàm người tại gia, phải cúng dường cho người xuất gia, mà người xuất gia trở lại cúng dường cho người tại gia, thì trên mất Thánh tâm, dưới loạn chính pháp.

Phàm người tại gia, thường đối với ngôi Tam Bảo, cúng dường cầu ruộng phước thanh tịnh, nên cắt bớt huyết nhục để trồng căn lành. Nay do vì nhân duyên người xuất gia lại tặng cho đó. Nếu người tại gia trở lại có cái tâm trồng cầu người xuất gia cho, là phá cái tâm tín kính thanh tịnh của người trước kia; cũng là làm mất tất cả các món cúng dường của người xuất gia.

Nếu đem chút vật tặng cho người tại gia, dầu cho có lập được tháp bằng bảy báu, đủ thứ trang nghiêm, chẳng bằng ngôi không mà giữ giới thanh tịnh, tức là cúng dường chân thật Pháp thân của đức Như Lai vậy.

Nếu đem chút vật tặng cho người tại gia, rồi họ giúp mình lập được một tòa tinh xá bằng rừng Kỳ Hoàn đi nữa, cũng không bằng ngôi yên giữ giới thanh tịnh, tức là thanh tịnh cúng dường Tam Bảo.

Nếu đem chút vật tặng cho người tại gia, dầu cho tất cả Thánh chúng ở cõi Diêm Phù Đề, được bốn món cúng dường đầy đủ đi nữa, cũng không bằng ngôi yên giữ giới thanh tịnh, tức là thanh tịnh cúng dường tất cả Thánh chúng.

Nếu người có thế lực, muốn phá tháp, hoại tượng, phải đem đồ tặng cho, thì mới được khởi phá, phải đem bông trái trong chùa bán đi, nếu chùa có tiền hoặc có duyên khác mình được vật, tùy theo đó mà cống hiến cho yên.

Nếu người có thế lực, muốn ở trong chùa, để phá loạn cho hư hao đất chùa, tùy mình có vật chi đem bán lấy tiền, tùy theo duyên mà dứt khoát. Vật của Thường trụ Tăng, hoặc vật của hiện tiền Tăng, hoặc người có thế lực, muốn phá hư hao tùy ở trong đất đó có sản xuất ra vật chi, đem bán lấy tiền lo lót cho yên ổn.

Nếu cha mẹ mà thọ Tam quy Ngũ giới, thì cho cúng dường; hay vì người làm công quả trong chùa, như thế thì nên cho.

Nếu người thí chủ muốn sắm đồ cho chúng Tăng và muốn biết phép tắc (*kỷ luật*) như vậy cũng nên cho.

Tất cả người cõi cút nghèo nàn đi xin vì tâm thương xót nên cho.

Lại tất cả người nữ, hoặc mẹ, con gái, chị em gái, không luận bà con hay người đứng, đều không cho ngồi chung một giường chiếu, do vì mất oai nghi vậy.

Trong tứ chúng lấy hương xông y, mắc tội Ác tác. Tỳ Kheo Ni phạm Ba Dật Đề vì người nữ có tâm đắm nhiễm rất nặng. Không nên xúi voi giỡn cho đến gà đá.

Nếu cha mẹ khi chết, tất cả không được khóc lóc; Tứ chúng khóc phạm Ác tác, Tỳ Kheo Ni khóc phạm Ba Dật Đề, vì do tâm người nữ ái luyến rất nặng.

Thiện Kiến Luật nói : Nếu người đàn việt thỉnh thầy Tỳ Kheo đưa đám ma, không nên đi. Nếu thầy Tỳ Kheo suy nghĩ : Tôi đi đến đó để quán tử thi là vô thường, do nhân duyên đó mà tôi được chứng quả, như vậy thì nên đi, không lỗi.

Căn Bản Luật nói : Thầy Tỳ Kheo ở những chỗ có Thiên thần ở, không nên cúng dường, cũng không nên khinh dễ họ và hủy hình tượng đó; cũng không nên đi nhiều miếu ấy. Nếu nhân tiện đường mà đi quanh miếu đó, thì phải tụng bài kệ của Phật, tăng hăng và khảy móng tay ba tiếng, cho kia thức tỉnh.

Thầy Tỳ Kheo không nên bán thuốc, nếu thật thầy thuốc hay, khởi lòng từ thương xót, nhằm bệnh cho thuốc thì được. Còn lãnh giá tiền người ta để hốt thuốc và lãnh mướn, làm mướn cho người, phạm tội Ác tác.

Phật quả các người lộn xộn quá, đi xuất gia rồi, không nên vội đem nghề nghiệp trước, thuở trước bày ra, cũng không nên chữa đồ đạc khéo léo. Phải chăng nếu ông đó trước kia làm thầy thuốc, thì bây giờ cho chữa ống kim và cái túi đựng kéo, còn ông đó trước là học trò, thì cho để bình mực.

Giới thứ mười ba KHÔNG BỎ TÍNH ÁC

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, tính ác không nghe lời can gián của người; ở trong giới pháp, các thầy Tỳ Kheo như pháp can gián rồi, tự mình không nhận lời can, nói rằng : “Các Đại đức đừng nói với tôi những việc tốt, việc xấu; tôi cũng không tới các Đại đức nói những việc tốt việc xấu. Thôi đi, các Đại đức đừng can gián tôi”.

Tỳ Kheo kia can gián Tỳ Kheo này rằng : “Đại đức đừng tự mình không nhận lời can, Đại đức phải nhận lời can ấy”. Đại đức như pháp, can gián các Tỳ Kheo, các Tỳ Kheo cũng như pháp can gián Đại đức.

Như vậy mới phải là chúng đệ tử của Phật, được thêm nhiều lợi ích, thay nhau can gián, thay nhau dạy bảo, thay nhau sám hối. Tỳ Kheo ấy khi được lời can như vậy, mà ông giữ bền không bỏ. Tỳ Kheo kia phải ba phen can gián cho bỏ việc ấy, những đến ba phen can gián bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Câu Thiêm Di, trong vườn ông Trưởng giả tên là Mỹ Âm.

Bấy giờ Tôn giả Xiển Đà Tỳ Kheo, tính ác không nhận lời người can gián. Các Tỳ Kheo bạch lên Phật.

Phật ra lệnh : Chúng Tăng làm phép Yết Ma quở can ông, rồi vì đó kiết giới.

Tính ác không thọ lời can của người là sao ?

Nghĩa là : Bẩm tính ông đó hay kinh chống, không nhận lời lãnh dạy bảo của các Tỳ Kheo.

Ở trong giới pháp là gì ? Là phạm ở trong 7 tụ :

- 1.- Tội Tha Thắng
- 2.- Tội Tăng tàng
- 3.- Tội Ba Dật Đề
- 4.- Tội Hối quá
- 5.- Tội Thâu Lan Giá
- 6.- Tội Đột Kiết La
- 7.- Tội Ác thuyết.

Các Tỳ Kheo kia khi dùng lời can gián đúng như pháp như luật mà ông giữ chắc tính ác, không vâng lời kia vậy.

Các Tỳ Kheo là ai ? Là chỉ các thiện Tỳ Kheo trì chính pháp vậy.

Như pháp can gián là sao ? Nghĩa là : đúng như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà khuyên can vậy.

Tự mình không thọ lời can gián là gì ? Nghĩa là : Các Tỳ Kheo kia đem giới luật đúng như pháp dạy bảo mà ông đem tâm chống trả, không nhận lời

các Tỳ Kheo kia, nên mới ngăn, không cho nói chuyện vậy.

Các Đại đức đừng tới nói với tôi việc tốt, việc xấu là sao ? Nghĩa là : Việc lợi ích ông không cần khuyến dụ, còn việc không lợi ích ông bảo đừng ngăn cản ông, ấy là lời ngạo mạn vậy.

Tôi cũng không tới các Đại đức nói những việc tốt, việc xấu là gì ? Đây là muốn rõ phần mình không can thiệp gì đến ai, mà ai cũng đừng can thiệp gì đến mình, cũng là ngăn lời cạm gián của chúng Tăng vậy.

Thôi đi là sao ? Là lời ngăn chặn trước khi Tỳ Kheo kia chưa mở miệng, bảo đừng nói vậy.

Đừng can gián tôi là gì ? Nghĩa là : tâm mình không chịu, còn thốt ra lời nói, lại càng không chịu nữa.

Tỳ Kheo kia can gián Tỳ Kheo này là sao ? Nghĩa là : Ông kia phải dùng đúng như pháp mà can dạy ông này.

Đừng tự mình không thọ lời can là sao ? Đó là lời dạy răn.

Tự mình phải thọ lời can là gì ? Là lời dạy bảo.

Đại đức như pháp can gián các Tỳ Kheo v.v... là gì ? Đây là lời khuyến dụ.

Nghĩa là : Chính phải dùng pháp luật kia đây lẫn nhau, dạy bảo can gián.

Như vậy mới là chúng đệ tử của Phật, được thêm nhiều lợi ích là sao ? Chính rõ phải lẫn nhau can gián thì mới được lợi ích, do vì lẫn nhau can gián, nên chúng đệ tử Phật được thêm lớn pháp lành, do vì pháp lành thêm lớn, nên Phật pháp mới rõ ràng, do vì rõ ràng nên chính pháp mới được cứu trụ vậy.

Lẫn nhau can gián, lẫn nhau dạy bảo, lẫn nhau sám hối là gì ? Đây là ân cần dạy bảo, can gián lẫn nhau vậy.

Can gián : Là ngăn việc không lợi ích.

Dạy bảo : Là khiến được việc lợi lành.

Sám hối : Là bỏ việc ác trước, mà tu việc lành sau vậy.

Khi can như vậy mà ông bền giữ không bỏ là sao ? Nghĩa là : Khi Tỳ Kheo ấy được Tỳ Kheo kia can riêng như vậy mà ông giữ bền tính ác, không chịu sửa theo.

Tính ác không nghe lời người, cho đến đừng can gián tôi là gì ? Là cái nhân khởi phạm tội.

Đừng tự mình không nhận lời can cho đến lẫn nhau sám hối là sao ? Đây là lời can gián riêng.

Ba phen can gián là gì ? Nghĩa là : Trong chúng Tăng bạch ba lần Yết Ma, mà can gián ông.

Không bỏ là sao ? Là vẫn kết tội.

Thể thức phạm tội trong giới này là gì ?
Như : nhẹ, nặng, và bốn chúng kia mắc tội, có phạm không phạm, cũng đồng như giới trước.

Nếu vì người vô trí, khi quở can, phải nói ông đó như vậy : “Chỗ sở hành Hòa Thượng A Xà Lê của ông cũng can ông như thế, ông phải học hỏi, tụng kinh lại”.

Bấy giờ Phật bảo các thầy Tỳ Kheo rằng : “Nay ta vì các ông, nói 8 thứ ngựa dữ và 8 hạng người ác”.

Những gì là tám ?

1.- Hoặc có con ngựa dữ, tra hàm thiếc và roi, muốn cho nó đi, mà nó dục dặc không đi.

2.- Hoặc dựa hai bên gọng xe, không chịu chạy tới.

3.- Hoặc nhảy dựng lên ngã xuống đất, bị trầy đầu gối lại gãy gọng xe.

4.- Hoặc thụt lùi không chạy tới.

5.- Hoặc là giông chạy đường khác, bẻ bánh, gãy trục.

6.- Hoặc không sợ thẳng chẵn cũng không sợ roi, phương tiện ngậm hàm thiếc, chạy càn kềm chế không được.

7.- Hoặc hai chân dựng đứng, sôi bọt mồm.

8.- Hoặc nằm bẹp xuống.

Đó là 8 thứ ngựa dữ.

Còn những gì là 8 hạng người dữ ?

1.- Hoặc có thầy Tỳ Kheo, cử tội thấy, nghe, nghi, cho ông, mà ông lại nói rằng : “Tôi không nhớ,

tôi không nhớ”. Như con ngựa dữ kia tra hàm, thiếc và roi, mà còn dục dặc không đi.

2.- Hoặc không nói phạm, không nói không phạm; đứng chân ngăn làm thỉnh đó. Như con ngựa dữ kia, dựa nính hai bên gọng xe mà không chịu đi tới.

3.- Hoặc nói Trưởng lão cũng phạm tội như tôi, làm sao trị phạt tôi được. Như con ngựa dữ kia nhẩy lộn ngã xuống đất, đã trầy đầu gối lại gãy gọng xe vậy.

4.- Hoặc nói Trưởng lão tự ngu si, cũng phải nhờ thầy dạy, mà muốn dạy tôi. Như con ngựa dữ kia xụt xịt thụt lùi mà không đi tới.

5.- Hoặc đem việc khác mà trả lời, lại sinh tâm sân hận. Như con ngựa dữ kia, chạy bậy trong đường hiểm bị bể bánh, gãy trục.

6.- Hoặc không sợ chúng Tăng, cũng không sợ phạm lỗi, mà cũng không chịu ai cử tội, bèn lấy tọa cụ vắt trên vai mà đi tuốt, không quở trách và kèm chế được. Như con ngựa dữ kia, không sợ thẳng chắn mà cũng không sợ roi ngậm hàm thiếc chạy lùi, không thể kèm chế được.

7.- Hoặc lật trái cái y, đứng giữa chúng Tăng múa tay nói lớn : “Ai cho các ông dạy bảo tôi đó”. Như con ngựa dữ kia, dựng ngược hai chân lên sôi bọt mồm vậy.

8.- Hoặc nói : “Trưởng lão cũng không cho tôi y, bát, ngựa cụ, thuốc thang, cố sao lại dạy tôi”, ông nói như vậy rồi liền xả giới và lột y bỏ bên đường,

đến chỗ chúng Tăng buông lời nói như vậy : “Tôi đã thôi tu rồi, ý mấy cha khoái không?”. Như con ngựa dữ kia, nằm bẹp xuống.

Đó là 8 hạng người ác, cũng như 8 thứ ngựa dữ kia thiệt đáng thương xót !

Này các đệ tử ôi ! Ta đã giảng đủ rồi, các ông phải ngồi chỗ trống hoặc dưới gốc cây, mà tu tập Thiền định, chớ đứng buông lung, sau rồi ăn năn không kịp; đây chính là lời ta dạy bảo các ông. (Như các văn Yết Ma trước, trong Đại Luật và trong bản Yết Ma có chép đủ).

c/ KẾT HỎI

CHÍNH VĂN : Thưa các Đại đức, tôi đã nói 13 phép Tăng già Bà Thi Sa, 9 giới ban đầu vừa làm thì phạm, còn 4 giới sau những đến ba phen can gián.

Nếu Tỳ Kheo nào phạm mỗi mỗi pháp, biết mà che giấu, phải cương cho phép Ba Lợi Bà Sa, hành Ba Lợi Bà Sa rồi, lại thêm sáu đêm hành phép Ma Na Đỏa, hành Ma Na Đỏa xong, còn phép xả tội. Phải đủ trong 20 ông Tăng mới xả được tội cho ông Tỳ Kheo đó. Nếu thiếu một, không đủ 20 ông Tăng để xả tội cho Tỳ Kheo đó, thì cái tội Tỳ Kheo đó không dứt được. Các Tỳ Kheo tác pháp Yết Ma trên cũng đáng quả trách. Việc này là phải thôi.

Nay hỏi các Đại đức, trong đây thanh tịnh hay không ? (hỏi ba lần). Chư Đại đức trong đây thanh tịnh. Vì lắng lặng thì việc này rõ như vậy.

CHÚ GIẢI : Tôi đã nói là gì ? Nghĩa là : Tự bày cái việc của mình đã nói rồi, muốn cho chúng

Tăng nghe được xét lại tội đó, để dần dần đi đến giai đoạn chấm dứt vậy.

Chín giới ban đầu vừa làm thì phạm là sao ?

Nghĩa là : Chín (9) giới trước trong khi vừa làm, thì bèn mắc Bốn tội (*Tăng tàng*) không đợi chúng Tăng can gián không bỏ mới thành phạm ư !

Bốn (4) giới sau nhân đến ba phen can gián là sao ?

Nghĩa là : Bốn (4) giới sau bạch ba lần Yết Ma can gián rồi mới phạm tội đó.

Phạm mỗi mỗi pháp là gì ? Nghĩa là : Ở trong 13 pháp (*Tăng tàng*) tùy phạm một tội vậy.

Biết mà che giấu là sao ? Nghĩa là : tâm rõ biết mình có phạm tội đó, mà cố che giấu, không chịu phát lồ với ai vậy.

Phải cưỡng cho phép Ba Lợi Bà Sa là gì ?

Cưỡng : Nghĩa là : Không vui.

Ba Lợi Bà Sa : Trung Hoa dịch là ở riêng; là tùy ông kia che giấu mấy ngày chúng Tăng phải cho phép không vui ở riêng mấy ngày.

Hành Ba Lợi Bà Sa rồi :

Nghĩa là : Che giấu mấy ngày, phải làm (*phạt*) mấy ngày ở riêng; nhưng trong chặng giữa hành đúng như pháp không có phạm nữa.

Lại thêm 6 đêm hành Ma Na Đỏa là sao ?

Ma Na Đỏa : Trung Hoa dịch là Ý hỉ.

Nghĩa là : Hành pháp ở riêng rồi, lại tăng thêm cho 6 đêm Ý hỉ, hành 6 pháp Ý hỉ rồi, tội này mới được thanh tịnh, thì tâm ông được vui vẻ, mà chúng Tăng cũng được vui vẻ.

Nghĩa là : Chúng Tăng biết ông đó, nhân nơi đây mà cải hối ăn năn, không còn khởi tâm phiền não thành người thanh tịnh; nên mới làm phép xả tội cho ông; nếu ông không che giấu, thì không cần làm phép ở riêng; chỉ làm ngay 6 đêm Ý hỉ mà thôi; đây vì nói đêm mà gồm cả ngày, cho nên nói là 6 đêm vậy.

Hành Ma Na Đỏa rồi là gì ? Nghĩa là : Sáu đêm hành đúng như pháp rồi, mà trong thời gian ấy không hoại pháp đó.

Còn pháp xả tội v.v... là sao ? Nghĩa là : Trong 6 đêm mà làm phép đó, là làm phương tiện cho tội ấy được thanh tịnh, còn phép xả tội nữa. Phải đối với 20 ông Tăng mà xả, nếu thiếu, không đủ 20 ông Tăng, thì pháp ấy không thành xả, và tội của vị ấy cũng không dứt và chúng Tăng cũng mang lỗi phi pháp.

Bởi vì đức Như Lai là ngôi Pháp vương, thâm hiểu nghiệp tính của chúng sinh, nên cần phải 20 ông Tăng thanh tịnh, thì tội ấy mới dứt, chẳng phải vậy thì không khỏi.

Dụ như người bị kẻ chặt đầu chỉ còn cái cổ họng, nếu không nhờ thầy giỏi và thuốc hay, thiếu ra công lực, thì không thể gì sống được.

Người phạm giới này cũng vậy, nếu không y pháp và không chúng Tăng thanh tịnh, thiếu chúng thiếu duyên, mà giới trở lại thanh tịnh được, thì không có lẽ đó.

Ấy là phải thời là gì ? Đây là phép xả tội cho ông đó. Còn bao nhiêu vấn đề giải như giới trước.

Trong đây hành pháp như thế nào ? Nếu thầy Tỳ Kheo phạm tội Tăng tàng có che giấu, phải tùy che giấu mấy ngày, làm phép Yết Ma trị tội che giấu. Tỳ Kheo kia phải đến giữa chúng Tăng, đủ oai nghi lễ dưới chân chúng Tăng, quỳ gối chấp tay bạch rằng :

“Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : tôi Tỳ Kheo pháp danh... phạm tội Tăng tàng có che giấu (*hoặc mấy ngày, phải tùy theo khi che giấu : năm, tháng, ngày, giờ xưng nói*). Tôi Tỳ Kheo pháp danh... phạm tội Tăng tàng, che giấu bao nhiêu ngày... nay đối chúng Tăng, xin phép che giấu Yết Ma, xin chúng Tăng cho tôi Tỳ Kheo pháp danh... tùy che giấu mấy ngày Yết Ma, xin thương xót tôi” (*nói ba lần*).

Trong chúng Tăng phải bạch tứ Yết Ma mà cho, nếu trong khi hành pháp che giấu, lại phạm thêm, phải đối chúng Tăng xin phép che giấu, bốn nhật trị, chúng Tăng phải bạch tứ Yết Ma mà cho.

(*Đây là tội mới, tội cũ hiệp một pháp, gọi là pháp che giấu hư hoại. Nếu phép che giấu không hư hoại, hành xong thì xin y phép ý hỉ 6 đêm*).

Hành pháp che giấu xong, phải đối chúng Tăng xin ý hỉ 6 đêm, chúng Tăng phải bạch tứ Yết

Ma mà cho; hành pháp 6 đêm ý hỉ rồi, đến chúng Tăng xin phép xả tội, chúng Tăng phải bạch tứ Yết Ma xả tội cho ông.

Nếu phạm Tăng tàng không che giấu, phải đến chúng Tăng xin phép ý hỉ 6 đêm, chư Tăng bạch bốn lần Yết Ma cho vị đó.

Khi làm phép ý hỉ lại phạm thêm, phải xin phép ý hỉ bốn nhật trị, chư Tăng phải bạch bốn lần Yết Ma mà cho vị đó.

(Đây cứ tội mới và tội cũ hiệp lại làm phép Yết Ma mà trị, thế gọi là phép Ma Na Đỏa bị hư hoại).

Hành pháp bốn nhật trị rồi, xin phép xả tội; chúng Tăng phải bạch tứ Yết Ma xả tội cho ông. Như phạm thêm nhiều tội Tăng tàng, hoặc che giấu một đêm, nhẫn đến 10 đêm, phải bạch tứ Yết Ma, cho làm chung nhiều tội Tăng tàng 10 đêm che giấu, *(như pháp hành rồi, kể đó cho phép ý hỉ, rồi làm phép xả tội)*. Hoặc có phạm hai tội Tăng tàng, mỗi một tội đều có che giấu, hoặc nhớ một tội, quên một tội; hoặc có một tội nghi, một tội không nghi; hoặc một tội biết một tội không biết; hoặc khi xin làm phép che giấu, một tội nói, một tội không nói, phải tùy theo chỗ nhớ, chỗ biết, chỗ nói, không nghi, làm phép Yết Ma che giấu cho ông.

Hoặc sau rồi ông nhớ lại, tỉnh lại, nói được, hết nghi, phải tùy ông phạm tội chi, làm phép Yết Ma che giấu cho ông. Nếu che giấu hai tháng, hoặc nhớ một tháng, quên một tháng cho đến nói một tháng, một tháng không nói cũng như vậy.

Hoặc có Tỳ Kheo phạm hai tội Tăng tàng, rồi thôi tu; lúc thôi tu, rồi trở lại xin thọ Đại giới, hoặc trước sau đều che giấu, hoặc trước che giấu sau phát lồ, hoặc trước phát lồ sau che giấu. Phải tùy theo ngày che giấu, làm phép Yết Ma che giấu cho ông. Hoặc trước sau đều phát lồ, thì phải cho Ý hỉ.

Trước : là trước khi thôi tu.

Sau : là sau khi trở lại thọ Đại giới.

Hoặc trước một tội giấu, một tội không giấu, sau hai tội đều giấu. Hoặc trước che giấu, sau cũng che giấu, trước phát lồ, sau cũng phát lồ. Hoặc trước che giấu sau phát lồ; trước phát lồ sau che giấu. Hoặc trước che giấu một tội, phát lồ một tội, sau đều hai tội phát lồ. Như thế đều phải tùy chỗ che giấu đó, chúng Tăng làm phép Yết Ma che giấu cho ông.

Hành pháp che giấu rồi, vậy sau hai tội đều cho làm phép Ý hỉ. Một tội nhớ, một tội quên. Một tội nghi, một tội không nghi. Một tội biết, một tội không biết. Một tội nói, một tội không nói đều như văn trên. Một tội che giấu, một tội không che giấu, làm bốn câu, cộng thành 20 câu.

Khi đương hành phép che giấu. Khi hành phép che giấu rồi. Hoặc khi đương hành phép ý hỉ. Hay hành phép Ý hỉ rồi. Đều làm 20 câu cũng vậy (*từ một câu che giấu, một câu không che giấu, đến đây cộng lại có 100 câu*).

Trước kia làm Sa Di, sau thọ Đại giới; một trăm câu cũng như vậy.

Hoặc điên cuồng, tâm loạn, thống não, cử tội ông không thấy tội; cử tội không sám hối, cử tội ông không bỏ ác kiến, mỗi mỗi có 100 câu (cộng lại có 800 câu)

Hoặc khi hành tội che giấu, ông thôi tu, sau rồi trở lại thọ Đại giới, (sau phải hành tiếp tục tội che giấu những ngày trước). Hoặc phải làm phép trị tội bốn nhật của ông thôi tu kia (sau làm phép trị tội bốn nhật cho ông). Hoặc hành tội che giấu rồi, thôi tu (sau phải cho phép Ý hỉ). Hoặc đương hành pháp Ý hỉ mà thôi tu (sau phải cho tiếp ngày đó mà hành lại). Hoặc hành pháp Ý hỉ rồi thôi tu (sau phải xả tội cho ông).

Làm Sa Di cho đến cử tội không bỏ ác kiến, đều thành 5 câu, cũng như vậy (từ khi làm phép che giấu cho đến thôi tu, đến đây cộng lại có 40 câu).

Nếu có Tỳ Kheo phạm tội Tăng tàng, mà nói phạm Tứ khí che giấu hoặc nói phạm Ba Dật Đề, cho đến tội ác thuyết che giấu ấy là không phải che giấu, phải dạy ông sám hối Đột Kiết La rồi, cho phép Ý hỉ; hoặc có phạm Ba Dật Đề, nói là Tứ khí, v.v... mà che giấu. Trước dạy sám hối Đột Kiết La rồi, sau theo pháp sám hối Bốn tội (Ba Dật Đề).

Nếu phạm tội Tăng tàng, tưởng Tăng tàng che giấu, phải dạy sám hối tội Đột Kiết La rồi, làm phép Yết Ma che giấu cho ông. Hoặc phạm tội Tăng tàng, không nhớ số phạm cũng không nhớ số ngày, hoặc nhớ số phạm không nhớ số ngày đều phải làm phép che giấu cho, từ ngày thanh tịnh lại đây. Hoặc nhớ

số ngày không nhớ số phạm, phải lấy số ngày, cho làm phép che giấu cho ông, nghi, không nghi, biết, không biết, cũng như vậy.

Nếu Tỳ Kheo đối chúng Tăng xin hành phép Ma Na Đỏa mà trong ngày đó giữa chừng, phạm thêm, rồi che giấu; chúng Tăng phải nói rằng : “Ông nên hành pháp Ma Na Đỏa lại”. Nếu ông hành pháp Ma Na Đỏa lại từ một đêm, cho đến 6 đêm, trong khoảng giữa phạm thêm rồi che giấu, phải cho hành pháp Ma Na Đỏa lại, kể làm phép bốn nhật trị ông, vậy sau mới làm phép xả tội.

Thầy Tỳ Kheo tự hành tội che giấu, cho đến làm phép xả tội v.v... không nên thay nhau làm phép Yết Ma che giấu và phép bốn nhật trị, phép ý hỉ, phải đủ số 20 ông Tăng xả tội.

Tỳ Kheo hành phép che giấu, có 8 việc mất đêm, và phạm tội Ác tác.

- 1.- Đi đến chùa khác không bạch
- 2.- Ông khách Tỳ Kheo đến không bạch
- 3.- Có việc đi ra ngoài không bạch
- 4.- Trong chùa đi chậm rãi không bạch
- 5.- Có bệnh khộng mượn người bạch
- 6.- Hai ba thầy ngủ chung một thất (*ông phải ở riêng trong một phòng nhỏ*)
- 7.- Ở chỗ không thấy Tỳ Kheo
- 8.- Khi nửa tháng tụng giới không bạch.

Khi bạch phải đủ oai nghi, bạch như vậy :

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, tôi Tỳ Kheo pháp danh... phạm tội Tăng tàng che giấu.

Tôi Tỳ Kheo pháp danh... tùy ngày che giấu, đối chúng Tăng xin phép Yết Ma ngày che giấu; chúng Tăng đã làm phép Yết Ma tùy ngày che giấu cho tôi.

Tôi Tỳ Kheo pháp danh... đã hành bao nhiêu ngày còn bao nhiêu ngày... chưa hành. Bạch chư Đại đức hay, tôi hành tội che giấu, hoặc hành tội Ý hỉ.

Phải thường ở trong chúng mà ngủ, mỗi ngày cứ theo như trước mà bạch. Nếu đến ngày Bố tát, ông kia yếu đuối, có nhiều việc hổ thẹn; phải đến thầy Tỳ Kheo thanh tịnh, bạch rằng : “Thưa Đại đức Thượng Tọa, tôi ngày nay bỏ phép dạy, không thật hành”. Nếu khi muốn hành, phải đến thầy Tỳ Kheo thanh tịnh bạch rằng : “Thưa Đại đức, tôi ngày nay tùy theo chỗ dạy bảo, sẽ làm”.

Tỳ Kheo làm phép che giấu, phép Ý hỉ, phải làm 35 việc, nếu không làm thì phạm tội (35 việc như thiên đầu về Giới dâm có giải; phải biết tội này không phải nhẹ). Phép sám hối trong đây nhiều chỗ nhất nhiệm, lý phải ròng chuyên mới được. Mình phải y luật mà thật hành, không như vậy pháp sám kia thành lống, mình còn chịu lấy tội nặng.

Tướng phạm trong đây có sai khác phép Yết Ma xả tội và phép hành tội che giấu, phép hành tội Ma Na Đỏa, đủ ở trong Đại Luật, về thiên Phú tàng Kiên độ và trong bản Yết Ma, đây không giải nhiều.

Có chỗ nói : Nếu không nhớ số ngày che giấu, phải hành cho đủ 100 ngày làm số hạn định.

Thập Tụng Luật nói : Kể từ ngày thọ Đại giới trở lại đây mà trị.

Ngũ Phần Luật dạy : Kể từ ngày ông nhớ tội phạm sắp lại mà trị, cho ở riêng, còn nghi cũng như vậy.

Mẫu kinh nói : Do nghĩa gì gọi là biệt trụ ?

Nghĩa là : Phải ở riêng một phòng, không được ở chung với chúng Tăng, phải ngồi rớt sau tất cả đại chúng, không được ăn chung một mâm, nhưng còn phải làm việc nhọc cho tất cả chúng Tăng như là : quét tháp và quét phòng chúng Tăng, nhấn đến quét nhà đại tiểu cho chúng Tăng, đều dọn dẹp sửa sang hết. Tuy lại còn vào trong chúng Tăng, nhưng không được bàn luận với chúng Tăng, nếu chúng Tăng có hỏi ý kiến cũng không được luận đáp, do vì lẽ đó nên gọi là Biệt trụ.

Ma Na Đỏa là gì ? Bản nhà Tần dịch là Ý hỉ.

Nghĩa là : Ý mình vui vẻ, cũng khiến chúng Tăng vui vẻ, hành khổ như trước không khác, chỉ có khác là hạn ngày ít hơn thôi.

Thiện Kiến Luật nói : Bản đời Tần dịch : Chiết phục cống cao, nghĩa là bề đẹp tâm cống cao; cũng nói : “Hạ ý”, hạ ý là : hạ mình xuống vắng thờ chúng Tăng vậy.

Ngũ Phần Luật nói : Có các Tỳ Kheo, hoặc khi hành pháp Biệt trụ, hoặc khi hành pháp Ý hỉ, hoặc

hành pháp Ý hỉ rồi, khi kêu ông vào xử tội, mà ông qua đời. Chư Tỳ Kheo bạch Phật : “Bạch Thế Tôn, ông kia cụ giới qua đời hay là phá giới mà qua đời ?”.

Phật nói : Đều là Cụ giới.

Nói tội Thâu Lan Giá có hai ngôi :

- 1.- Ngôi Căn bản, cũng gọi là ngôi Độc đầu.
- 2.- Ngôi Tùng sinh, cũng gọi là ngôi Phương

tiện.

Trong hai ngôi này, pháp sám chia làm ba phẩm :

- 1.- Thượng phẩm : Đối với trong đại chúng mà sám.

Nghĩa là : Trong ngôi Căn bản phá chủ chuyển pháp luân, trộm bốn tiền, trộm đồ ăn của chúng Tăng, giết Trời v.v... Trong ngôi Tùng sinh : Ba La Di bậc hạ, nặng hơn tội Thâu Lan Giá.

- 2.- Trung phẩm : Đối với ba thầy Tỳ Kheo mà sám.

Nghĩa là : Trong ngôi Căn bản, phá chúng Tăng Yết Ma, làm bạn phá chuyển pháp luân, trộm ba tiền, chạm cọ lẫn nhau với người nữ có y, v.v...

Trong ngôi Tùng sinh : Ba La Di bậc hạ, nhẹ hơn Thâu Lan Giá; Tăng tàng bậc hạ, nặng hơn Thâu Lan Giá.

- 3.- Hạ phẩm : Đối với một thầy Tỳ Kheo mà sám.

Nghĩa là : Trong ngôi Căn bản : Tâm ác mắng chúng Tăng, trộm một tiền, dùng tóc người, dùng da người, dùng bát bằng đá, cạo lông, lừa hình, ăn huyết nhục sống, mặc y ngoại đạo, v.v...

Trong ngôi Tùng sinh : Tăng tàng bậc hạ nhẹ hơn tội Thâu Lan Giá.

Xét trong Thập Tụng Luật : Nặng thì phải sám hối giữa tất cả chúng Tăng. Tội vừa vừa : phải ra ngoài giới, đối với bốn thầy Tỳ Kheo làm pháp mà sám hối. Tội nhẹ thì đồng như trên.

Tỳ Ni Mẫu kinh nói : Tội Thâu Lan Giá ở trong tội Thô ác sinh ra, cho nên gọi là Thâu Lan Giá. Lại nữa : muốn khởi việc lớn mà không thành nên gọi là Thâu Lan Giá. Lại nữa nặng hơn tội Đột Kiết La và Ác thuyết nên gọi là Thâu Lan Giá.

Nếu muốn sám trừ tội này, về tội Thâu Lan Giá phẩm thượng khi đối trong đại chúng mà sám, phải đến trong chúng Tăng đủ oai nghi, cầu chúng Tăng, ba phen xin rồi, mới thỉnh một ông làm Sám chủ; Sám chủ kia phải xin phép, xin phép chúng Tăng rồi, vậy sau mới thọ cái sám hối ông kia.

(Xét trong Thập Tụng Luật : đối với tất cả chúng Tăng và bốn thầy Tỳ Kheo mà sám, pháp sám cũng đồng như đây).

Còn trung phẩm, thì đối với tiểu chúng mà sám; phải đến chỗ ba Tỳ Kheo thanh tịnh, thỉnh một ông làm vị Sám chủ. Vị Sám chủ phải hỏi hai ông Tỳ Kheo kia rồi, vậy sau mới thọ cho ông kia

sám. Muốn đối trước hai thầy Tỳ Kheo mà sám, cũng đồng như văn đây.

Còn phẩm hạ : thì đối với một ông mà sám, phải đến chỗ một thầy Tỳ Kheo thanh tịnh, trước thỉnh làm ông Chủ sám rồi, vậy sau mới sám hối. Pháp sám trong đây và pháp bạch Tăng, văn bạch Sám chủ, cũng đồng như văn sám Xả đọa, chỉ trừ xả và đối tên tội, là khác mà thôi, nên đây không giải nữa.

Quán Phật Tam muội Kinh nói : Phạm tội Thâu Lan Giá lâu không sám hối, luống ăn đồ của chúng Tăng, ngồi ở trong chúng Tăng, cùng chúng Tăng Bố tát, như vậy đông nhiều đến vô lượng người tội bất tịnh ác nghiệp, đến khi mạng chung cả mình đều thom ngát, như con xạ hương, không thể ở được, ông đó mới suy nghĩ như vậy :

Bây giờ mình phải ở nơi nào, cho đừng nghe mùi thơm này, hơi thơm đó cũng như luồng gió cuồng phong đến xông ướp nơi lòng ta. Suy nghĩ như vậy rồi, thì quý ngục tốt và quý La Sát hóa thân mình cũng như cái bình tốt, trong đựng đầy cứt dái, đến chỗ người tội, lấy tay thoa vuốt khiến cho người tội kia tâm ưa say đắm; hơi dứt mạng chung, cũng như luồng gió thổi đọa vào địa ngục phần sôi, thân thể rã rời, các loài trùng mổ ăn, chạy đông, chạy tây cũng không khỏi được.

Lớp thì bị chẻ xương rút tủy, đói khát ép ngặt, uống nước phần sôi, gội rửa, sên lái rút cắn cuốn lưỡi, một ngày một đêm, chín muôn ức lần sinh, chín muôn ức lần tử.

Khi tội hết rồi, sinh vào nhà bản tiện, làm tội mọi cho người, không được rảnh rang, dầu sinh vào thời kỳ nào, hằng gặp ông vua hung ác, ông chủ tà kiến, đủ chuyện ác nghiệt, ép ngặt thân thể, nào là u nhọt, nào là ghẻ độc cả mình.

3.- PHÁP BẤT ĐỊNH (chia làm ba)

- a/ Nêu chung
- b/ Chia riêng
- c/ Kết hỏi.

a/ NÊU CHUNG

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, hai pháp bất định này mỗi nửa tháng tụng, trong giới kinh rút ra.*

CHÚ GIẢI : Pháp bất định :

Nghĩa là : Cái thể tội này, tương không nhất định, gồm có nhiều tội không thể định chắc được.

Tát Bà Đa Luận nói : Bảy giờ Phật ngồi nơi đạo tràng đã quyết định : Giới chia làm năm Thiên : nhẹ, nặng, khai cho, ngăn cấm, không pháp nào là không định.

Đây sở dĩ nói không định là sao ? Là chỉ cho người đáng tin, không biết danh tội và cũng không biết tương tội nặng hay nhẹ. Miễn thấy người chung với người nữ một chỗ, cũng không biết làm việc chi, hoặc làm việc dâm dục, hoặc đụng chạm, hoặc sờ rẫm, hoặc nói lời thô ác, hoặc nói quá năm, sáu lời, nên gọi là Bất định (*Ni không có hai pháp này*).

b/ CHIA RIÊNG (có hai)

Pháp Bất Định trước

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, cùng với người nữ ngồi riêng chỗ khuất, chỗ che ngăn, có thể hành dâm, nói lời phi pháp, có người trụ tín Ưu bà di; ở trong ba pháp nói ra mỗi pháp, hoặc Ba La Di, hoặc Tăng già Bà Thi Sa, hoặc Ba Dật Đề. Thầy Tỳ Kheo ngồi đó tự nói rằng : “Tôi phạm tội này” ở trong ba tội, phải theo mỗi tội mà trị, hoặc Ba La Di, hoặc Tăng già, hoặc Bà Thi Sa, hoặc Tăng già Bà Thi Sa, hoặc Ba Dật Đề, đúng như lời của cô trụ tín Ưu bà di nói, phải như pháp mà trị Tỳ Kheo đó, gọi là pháp bất định.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, ông Ca Lưu Đà Di khi chưa đi xuất gia, có quen với vợ người bạn thân tên là Trai Ưu bà di, thường ưa triu mến nhau; trong khi ông đi khát thực, đi đến nhà người ấy, ngồi chung một giường nơi chỗ khuất vắng, nói chuyện phi pháp, bà Tỳ Xá Khư nghe tiếng, đến nhìn thấy rõ ràng, đem việc này bạch lên đức Thế Tôn; đức Thế Tôn dùng đủ thứ quả trách ông Ca Lưu Đà Di, rồi cùng các thầy Tỳ Kheo kiết giới.

Tát Bà Đa Luận nói : Phật cùng chư Tỳ Kheo kiết giới :

- 1.- Ngăn ngừa lời phỉ báng
- 2.- Trừ việc kinh cãi.
- 3.- Pháp lành được thêm lớn. Thầy Tỳ Kheo đi xuất gia muốn dứt hẳn tục như ở đời, cho Trời, người yêu chuộng tin kính.

4.- Dứt ác nghiệp theo thứ lớp, ban đầu thì ngồi chỗ khuất, mà sau lần lần tiệm nhiễm triu mến, không chỗ nào là không đến, cho nên phải ngăn ngừa mà chế ra giới đây.

Người nữ : Là người nữ côi người, hoặc già, hoặc trẻ, mà có hành dâm được.

Riêng : Là một thầy Tỳ Kheo, một người nữ chớ không còn ai nữa.

Chỗ khuất có hai chỗ :

1.- Là thấy che khuất, hoặc bụi bay, hoặc sương mù, hoặc ở chỗ tối tăm không thấy nhau.

2.- Là nghe che khuất, những đến chỗ nói thường không nghe tiếng vậy.

Chỗ che ngăn : Hoặc gốc cây, hoặc vách tường, hoặc hàng rào, hoặc y phủ, và các vật ngăn che khác, các chỗ đó đều là ngăn che thân hình được và cũng giấu chỗ hổ thẹn.

Có thể hành dâm là gì ? Là chỗ đó kham làm việc bất tịnh.

Ngồi : là chỗ thân ở, hoặc là giường hay là tòa ngồi, những đến dưới đất trải được chiếc chiếu, hai thân ngồi được.

Nói lời phi pháp là sao ? Là nói lời quấy vậy.

Người trụ tín Ưu bà di là ai ? Nghĩa là : Người này đối với ngôi Tam Bảo tâm rất tín kính, không bao giờ lui sụt và đối với bốn chân đế không còn nghi lằm, chắc chứng quả Tứ đế, dầu cho có nhân

duyên chi mất mạng di nữa, quen không nói vọng, dầu cô kia chưa chứng quả tứ đế, mà có cái tâm tin mền ngôi Tam Bảo, thọ trì năm giới, nhớ giới, nói năng không lầm, ngôn hạnh trung tín, chân thật không láo dối, cũng gọi là người trụ tín vậy.

Ưu bà di : dịch là : Cận sự nữ.

Ở trong ba pháp nói ra mỗi pháp là thế nào ?

Nghĩa là : Trong pháp Tứ khí, 13 Tầng tầng, và 90 Xả đạo, tùy nói mỗi một pháp trong đó.

Thầy Tỳ Kheo ngôi đó tự nói : Tôi phạm tội này, v.v... là gì ? Nghĩa là : Do Tỳ Kheo đó cứ sự thật trình bày những chỗ phạm của mình thì chúng Tăng theo lời của ông mà trị tội đó, nếu lời của thầy Tỳ Kheo đó, với lời của cô Ưu bà di không hợp nhau, thì phải theo lời của cô Ưu bà di mà trị ông. Nếu ông cự chối, không chịu, phải bạch tứ Yết Ma, cử cho ông gọi tội bất kiến.

(Thập tụng và Căn bản nói : Làm phép Yết Ma dạy cho ông tìm tướng tội).

Nếu cô Ưu bà di, vì muốn hộ Tỳ Kheo kia, không chịu nói để làm chứng, hoặc nói lảng qua việc khác, hoặc nói việc chi không rành rẽ, đều phải y theo lời của Tỳ Kheo kia nói mà trị ông.

Thế thức phạm tội trong giới này như thế nào ? Hoặc Tỳ Kheo tự nói chỗ mình đi đến, tự nói đến chỗ nào, tự nói ngôi, tự nói năm, tự nói làm việc dâm dục, thì phải y lời Tỳ Kheo đó mà trị ông, nếu ông không nhận có làm dâm dục phải y theo lời của cô trụ tín Ưu bà di nói mà trị ông.

Nếu ông nói chỗ đi, chỗ đến, chỗ ngồi, mà không nói chỗ nằm và làm dâm dục; hoặc ông nói chỗ đi, chỗ đến, mà không nói chỗ ngồi, chỗ nằm và làm dâm dục; hoặc ông nói chỗ đi, mà không nói chỗ đến, chỗ ngồi, chỗ nằm và làm dâm dục. Và ông không nói chỗ đi, những đến ông không nói chỗ làm dâm dục, v.v... đều cứ y theo lời của cô trụ tín mà trị ông.

Phải đúng như pháp mà trị là sao ? Nghĩa là : đúng như pháp, như luật, như lời Phật dạy, ở trong ba pháp tùy theo sự mà trị.

Ông đã không chịu tội, thì chúng Tăng phải vì ông mà làm phép Yết Ma, rồi cho ông 35 hạnh Tùy thuận.

Tát Bà Đa Luận nói : Hoặc làm phép Yết Ma rồi, nếu ông nói tội trước thì phải giải phép Yết Ma, rồi tùy theo tội nặng nhẹ mà trị ông. Nếu ông không nói, dầu trọn đời cũng không nên giải phép Yết Ma.

Pháp Bất định sau

CHÍNH VĂN : *Nếu thầy Tỳ Kheo cùng với người nữ ở chỗ trống trải, là chỗ ngồi không thể làm việc dâm dục được, chỉ nói lời thô ác, cô trụ tín Ưu bà di ở trong hai pháp, nói ra mỗi pháp; hoặc Tăng già Bà Thi Sa, hoặc Ba Dật Đề. Tỳ Kheo ngồi đó tự nói rằng : “Tôi phạm tội đấy”, đối trong hai pháp, phải mỗi mỗi mà trị; hoặc Tăng già Bà Thi Sa, hoặc Ba Dật Đề, như lời của cô trụ tín Ưu bà di đã nói, phải như pháp mà trị Tỳ Kheo đó. Thế gọi là pháp bất định.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Song giới này cùng giới trước, về sự tướng phần nhiều giống nhau. Nhưng trong giới này đặc biệt hơn, căn cứ theo giới trước thì có ba việc :

- 1.- Là ngôi chỗ khuất
- 2.- Là chỗ ngăn che
- 3.- Là chỗ có thể làm việc dâm dục.

Còn trong giới này chỉ có hai việc :

- 1.- Ngôi chỗ trống trải
- 2.- Ngôi chỗ không thể làm việc dâm dục.

Song, tội Ba La Di kia, không do đâu mà sinh ra được. Bởi kia chung ngôi chỗ trống, hoặc thân đụng cọ với nhau, hoặc nói lời thô ác, hoặc nói những chuyện đòi hỏi việc cúng dường phi pháp v.v... Nên mắc tội Tăng tàng.

Nếu riêng cùng người nữ ngôi chỗ trống, hoặc nói pháp quá 5, 6 câu (lời) hoặc nói với người : Thật được pháp bậc Thượng nhân, hoặc nói Thô tội của người khác, v.v... nên phạm Ba Dật Đề.

Trong đây nói chữ hoặc cũng là lời Bất định.

Nghĩa là : Đối với việc của vị kia làm không rõ ràng (*chưa phải thiết nặng như tội Ba La Di, tội Ba Dật Đề, tội Tăng tàng*) chỉ là phạm Thâu Lan Giá, Đột Kiết La và Ác thuyết mà thôi. Giới này chỉ trừ việc dâm dục kia, hành tướng có khác mà thôi, còn bao nhiêu như chỗ đi, chỗ đứng, chỗ đến và chỗ ngồi, nằm đều giải y như giới trước.

c/ KẾT HỎI.

CHÍNH VĂN : Thừa chú Đại đức, tôi đã tụng hai pháp Bất định rồi, nay hỏi chú Đại đức trong đây thanh tịnh không ? (hỏi ba lần).

Chú Đại đức trong đây thanh tịnh vì lắng lặng, thì việc này rõ như vậy.

CHÚ GIẢI : Văn kiết trong đây, như văn trước nên biết, không còn giải riêng nữa.

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH
(HẾT QUYỂN BA)